

**BẢO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ “KHÁCH SẠN PEARL RIVER”**

ĐỊA CHỈ: KM8, ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG, PHƯỜNG HƯNG ĐẠO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hương

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Đạt

HẢI PHÒNG, THÁNG NĂM 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	5
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	6
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	17
1.5.1. Giới thiệu sơ lược về cơ sở	17
1.5.2. Vị trí địa lý của cơ sở	18
1.5.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất	19
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	22
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	22
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	23
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	25
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	25
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	25
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	26
3.1.3. Xử lý nước thải.....	29
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	36
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	38
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư	41

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty
TNHH H&H**

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	42
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	42
3.6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố về hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.....	42
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không	42
3.8. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cấp.....	42
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	44
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	44
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	46
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	46
4.4. Những yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố, tai biến môi trường.....	47
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	49
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	49
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	51
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	53
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	54
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	55
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	58
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	58
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	58
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	58
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	58
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	58
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	58
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	59

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD:	Nhu cầu ôxy sinh học
BVMT:	Bảo vệ môi trường
CTCN:	chất thải công nghiệp
GHCP:	Giới hạn cho phép
TDS:	Chất rắn hòa tan
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS:	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất.....	7
Bảng 1. 2. Nguyên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở	10
Bảng 1. 3. Lượng nước sử dụng của cơ sở	12
Bảng 1. 4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hiện tại.....	13
Bảng 1. 4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo công suất xin cấp phép	14
Bảng 1. 5. Danh sách máy móc, thiết bị của cơ sở.....	15
Bảng 1. 6. Tọa độ mốc giới khu đất	18
Bảng 1. 7. Tóm tắt các hạng mục công trình của Công ty	20
Bảng 1. 7. Công năng của toà Khách sạn Pearl River I	20
Bảng 1. 7. Công năng của toà Khách sạn Pearl River II	21
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	44
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	47
Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung.....	47
Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải	51
Bảng 5. 2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước mặt	52
Bảng 5. 3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí làm việc.....	53

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình hoạt động, kinh doanh của Cơ sở	8
Hình 1. 2. Một số hình ảnh cơ sở	9
Hình 1. 3. Vị trí cơ sở	19
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.....	26
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Cơ sở.....	27
Hình 3. 3. Sơ đồ thoát nước thải tại Cơ sở	29
Hình 3. 5. Sơ đồ xử lý nước thải từ bếp căn hộ, bếp nhà hàng bằng bể tách mỡ.....	31
Hình 3. 6. Sơ đồ xử lý nước thải giặt là bằng bể xử lý nước thải giặt là.....	31
Hình 3. 7. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty	33
Hình 3. 8. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi tại khu bếp nấu ăn của nhà hàng	36
Hình 3. 9. Hình ảnh khu chứa chất thải sinh hoạt	39
Hình 3. 10. Hình ảnh khu chứa chất thải nguy hại	41

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH H&H
- Địa chỉ văn phòng: Số 368 Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Hương, chức vụ: Giám đốc (theo giấy uỷ quyền số 012024/UQH&H ngày 20/12/2024)
- Điện thoại: 0225. 3880888
- Mã số thuế: 0200545272
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 0200545272, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2001 và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/10/2023 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khách sạn Pearl River.
- Địa điểm cơ sở: Km 8, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.
- Cơ sở đã được UBND quận Dương Kinh cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 06/GCN-UBND ngày 09/05/2008.
- Cơ sở đã được Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 116/2015SDK-STNMT ngày 15/7/2015.
- Cơ sở đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khách sạn Pearl River tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh số 2990/QĐ-UBND ngày 13/11/2018.
- Cơ sở đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật đầu tư công): Tổng vốn đầu tư: 110.000.000.000 đồng. Theo Luật đầu tư công 2024 thì cơ sở thuộc nhóm B.
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP: không có
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ lưu trú
- Phân nhóm dự án đầu tư: Theo Luật BVMT năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2024/NĐ-CP thì cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Đối với công suất khách lưu trú:

Khách sạn Pearl River I với tổng diện tích xây dựng 2.370,5m² bao gồm 8 tầng với 97 phòng đôi, lượng khách tối đa 194 người

Khách sạn Pearl River II với tổng diện tích xây dựng 1.418m² bao gồm 14 tầng với 131 phòng đôi, lượng khách tối đa 262 người

⇒ Công suất tối đa của cơ sở khoảng 194 + 262 = 456 người/ngày.

Lượng khách lưu trú hiện tại khoảng 140 người/ngày

Đối với công suất khách đến nhà hàng:

Công suất tối đa của nhà hàng có thể phục vụ tối đa 250 khách

Lượng khách đến nhà hàng hiện tại khoảng 120 người/ngày

Công suất theo hồ sơ môi trường đã được cấp, hiện tại và đề xuất xin cấp phép như sau:

Bảng 1. 1. Công suất

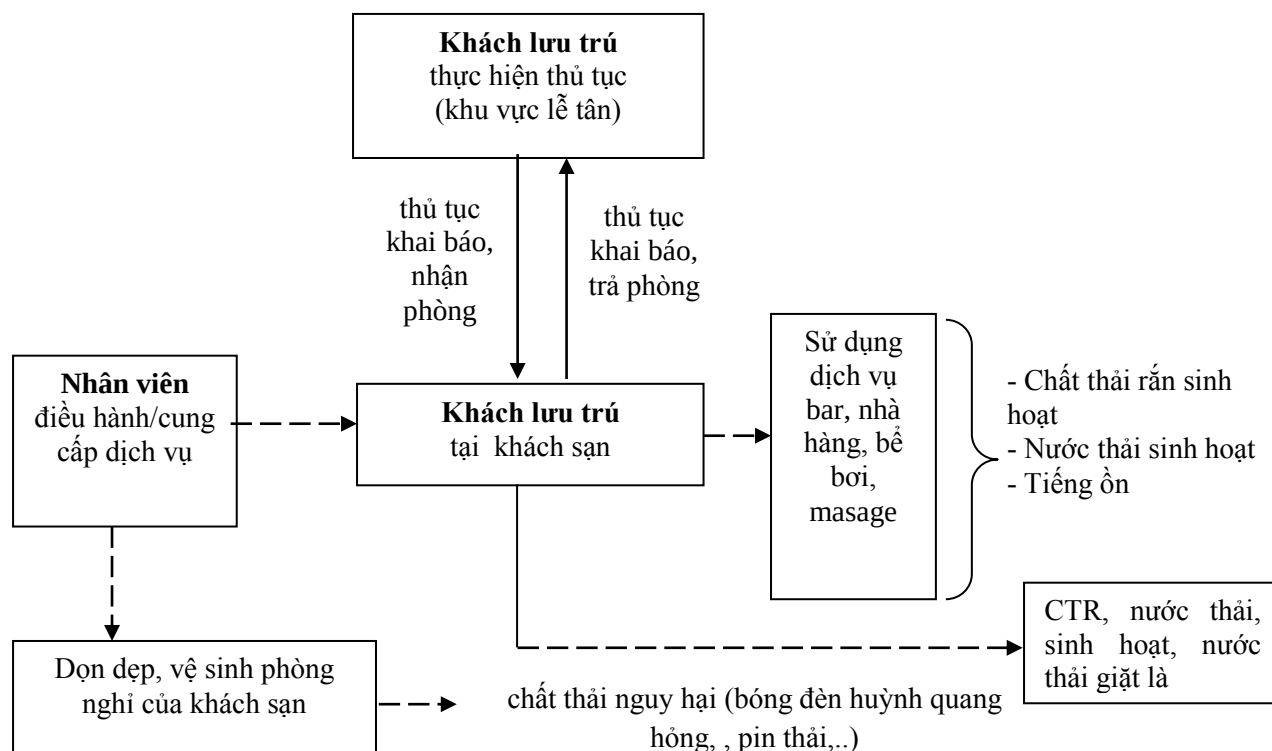
STT	Lượng khách	Đơn vị	Công suất theo hồ sơ môi trường	Công suất thực tế	Công suất đề xuất cấp GPMT
1	Lượng khách lưu trú	Người/ngày	456	140	456
2	Lượng khách đến nhà hàng	Người/ngày	250	120	250
	Tổng	Người/ngày	706	260	706

Ghi chú: lượng khách hiện tại đạt khoảng 37% so với công suất đề xuất cấp GPMT

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở không phải là loại hình sản xuất, Đặc thù hoạt động của Khách sạn Pearl River là kinh doanh dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, do đó hoạt động tại cơ sở được thể hiện theo quy trình sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H



Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình hoạt động, kinh doanh của Cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Khách lưu trú tại khách sạn sẽ được đón tiếp tại sảnh, được nhân viên hành lý nhận hành lý và dẫn vào quầy thực hiện thủ tục nhận phòng tại khu vực lễ tân. Tại đây, khách hàng sẽ cung cấp thông tin cá nhân với nhân viên lễ tân, thời gian lưu trú để được sắp xếp phòng nghỉ hợp lý, sau khi thủ tục khai báo kết thúc, nhân viên lễ tân sẽ giao chìa khóa và hướng dẫn khách lưu trú nhận phòng. Nhân viên bộ phận buồng phòng sẽ tiến hành bàn giao đồ đạc, hướng dẫn cách sử dụng cơ sở vật chất sẵn có trong phòng đồng thời thông báo nội quy chung mà khách sạn đưa ra.

Ngoài ra, nhân viên lễ tân sẽ giới thiệu về dịch vụ kèm theo của khách sạn cho khách hàng lưu trú tại khách sạn nắm được như quầy bar, bể bơi, nhà hàng, bar,... để thuận tiện cho quá trình sử dụng.

Thời gian lưu trú kết thúc, khách hàng sẽ đến khu vực lễ tân làm thủ tục trả phòng, thanh toán tiền và giao trả chìa khóa. Ngay sau khi khách hàng trả phòng, bộ phận buồng phòng sẽ tiến hành dọn dẹp, vệ sinh phòng nghỉ sạch sẽ để đón khách hàng tiếp theo.

Ngoài ra, tại khách sạn còn có một số các dịch vụ khác như bar – café, bể bơi, phòng tập thể hình, massage,....

Quá trình lưu trú và sử dụng các dịch vụ của khách hàng sẽ phát sinh chất thải

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở dịch vụ nghỉ dưỡng phục vụ người dân



Hình 1. 2. Một số hình ảnh cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

❖ **Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, hóa chất**

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Khối lượng nguyên liệu, hoá chất tại cơ sở khi đạt công suất xin cấp phép như sau:

Bảng 1. 2. Nguyên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng tại cơ sở

Stt	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng năm 2024	Khối lượng khi đạt công suất tối đa	Mục đích sử dụng
I	Nguyên, vật liệu				
1	Khăn mềm	Tấn/năm	0,18	0,45	Thay thế thường xuyên tại phòng tắm của khách sạn. Sử dụng cho hoạt động dọn dẹp, vệ sinh phòng khách sạn Sử dụng cho hoạt động của một số dịch vụ khác như cafe, bể bơi ...
2	Dụng cụ vệ sinh (chổi lau sàn, xô chậu...)	Tấn/năm	0,15	0,38	Phục vụ hoạt động dọn dẹp, vệ sinh các phòng nghỉ của khách sạn. khu vực kinh doanh như phòng tập, massage, phòng đa năng,...
3	Nguyên liệu khác (vật dụng nhỏ trong từng phòng của khách sạn. Café)	Tấn/năm	0,22	0,55	Dự trữ trong trường hợp hỏng hóc, cần phải thay thế hoặc bổ sung
4	Nguyên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh nhà hàng (rau củ quả, thực phẩm...)	Tấn/năm	25,00	62,50	Phục vụ cho hoạt động nấu ăn tại nhà hàng của cơ sở.
5	Nguyên liệu kinh doanh (đồ uống...)	Tấn/năm	0,86	2,15	Phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ cafe của cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Tổng I			26,41	66,03	
II	Nhiên liệu				
6	Dầu Diezel	Tấn/năm	18	45	Vận hành máy móc, thiết bị sử dụng nhiên liệu Diesel như phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng....
7	Dầu mỡ bôi trơn	Tấn/năm	0,02	0,06	Bảo dưỡng động cơ của máy móc, thiết bị
8	Gas	Tấn/năm	1,00	2,50	Phục vụ hoạt động nấu ăn tại nhà hàng
Tổng II			19,02	47,56	
III	Hoá chất				
9	NaClO	Tấn/năm	0,74	1,86	Mục đích: Khử trùng vi sinh vật gây bệnh trong nước thải.
10	Than hoạt tính	Tấn/năm	-	0,10	Than hoạt tính lọc nước thải.
11	Nước giặt, tẩy rửa	Tấn/năm	1,56	3,89	Giặt, tẩy rửa
12	HCl	Tấn/năm	0,41	1,03	Điều chỉnh pH tại bể bơi và bể giặt là
13	NaOH	Tấn/năm	0,03	0,06	Điều chỉnh pH tại bể bơi và bể giặt là
Tổng III			2,84	6,94	

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Tại cơ sở, nhu cầu sử dụng nước chủ yếu phục vụ cho các hoạt động sau:

- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- + Hoạt động sinh hoạt của khách ở khách sạn, căn hộ cho thuê;
- + Hoạt động sinh hoạt của khách đến nhà hàng

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

- + Hoạt động nấu ăn của nhà hàng
- + Hoạt động giặt đồ
- + Hoạt động súc rửa thiết bị lọc nước bể bơi;
- + Hoạt động tưới cây, rửa đường.

Tổng hợp hóa đơn tiêu thụ nước 12 tháng gần nhất của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 3. Lượng nước sử dụng của cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)
1	Tháng 5/2024	625
2	Tháng 6/2024	666
3	Tháng 7/2024	732
4	Tháng 8/2024	671
5	Tháng 9/2024	728
6	Tháng 10/2024	784
7	Tháng 11/2024	673
8	Tháng 12/2024	639
9	Tháng 1/2025	839
10	Tháng 2/2025	690
11	Tháng 3/2025	666
12	Tháng 4/2025	734
	Lượng nước sử dụng lớn nhất/tháng	839

**Tính toán lượng nước tiêu thụ lớn nhất theo hóa đơn nước:*

Căn cứ hóa đơn tiêu thụ nước 1 năm gần nhất của cơ sở, nhu cầu sử dụng nước lớn nhất sử dụng là 839 m³/tháng, theo thực tế cơ sở phục vụ đông khách vào cuối tuần (8 ngày/tháng) và các ngày còn lại trong tháng lượng khách tương đương với 7 ngày cuối tuần nên báo cáo ước tính lượng nước tiêu thụ 1 ngày lớn nhất hiện tại khoảng 839 m³/tháng : 15 ngày = 56 m³/ngày, được phân bổ như sau:

+ Lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của nhân viên tại khách sạn: Số lượng nhân viên làm việc hiện tại khoảng 165 người. Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước sinh hoạt là 15 l/người/ngày, lượng nước ăn uống tại nhà ăn tập thể là 25l/người/ngày. Như vậy, lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của nhân viên nhà hàng là:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

$$165 \text{ người} \times (15+25) \text{ lít/người/ngày.đêm} = 6,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

+ Lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của khách lưu trú (có sử dụng dịch vụ khách sạn-hạng khách sạn I): Số lượng khách hàng lưu trú tại khách sạn nhiều nhất thời điểm hiện tại khoảng 140 người/ngày. Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước cấp cho sinh hoạt là 300 lít/người/ngày.đêm. Như vậy, lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của Khách lưu trú là:

$$140 \text{ người} \times 300 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 42 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

+ Lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của khách đến nhà hàng: Số lượng khách đến nhà hàng nhiều nhất thời điểm hiện tại khoảng 120 người/ngày (không bao gồm khách ở khách sạn). Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước cấp cho sinh hoạt là 15 lít/người. Như vậy, lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của khách đến nhà hàng là:

$$120 \text{ người} \times 15 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 1,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

+ Lượng nước cấp cho quá trình nấu ăn của nhà hàng: tổng số món ăn nấu 1 ngày của nhà hàng khoảng 120 món. Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước cấp cho cửa hàng ăn uống chế biến tại chỗ là 12 lít/món. Như vậy, lượng nước cấp cho quá trình cho quá trình nấu ăn của nhà hàng là:

$$120 \text{ người} \times 12 \text{ lít/món} = 1,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

+ Lượng nước cấp cho hoạt động giặt đồ thông dụng (số lượng khăn tắm, khăn trải giường, vỏ gối,... của khách sạn khu căn hộ khoảng 300kg/ngày). Cơ sở sử dụng 2 máy giặt ước công suất 100kg/h tiêu thụ khoảng 500 lít nước. Như vậy lượng nước cấp cho quá trình giặt là: 3 mẻ x 500 lít/người/ngày.đêm = 1,5 m³/ngày.đêm.

+ Lượng nước súc rửa thiết bị lọc nước bể bơi: theo định mức của nhà sản xuất ước tính khoảng 2 m³/ngày.đêm.

+ Lượng tưới cây, rửa đường: ước tính khoảng 0,7 m³/ngày.đêm

Bảng tổng hợp như sau:

Bảng 1. 4. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hiện tại

STT	Hạng mục	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhu cầu (m ³ /ng.đ)
A	Nước cấp cho sinh hoạt					55,3
1	Cán bộ, nhân viên	165	người	40 ⁽¹⁾	l/người/ngày.đêm	6,6
2	Khách ở khách	140	người	300 ⁽¹⁾	l/người/ngày	42

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

	sạn, căn hộ				đêm	
3	Khách đến nhà hàng	120	người	15 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	1,8
4	Tổng số món ăn nấu 1 ngày của nhà hàng	120	món	12 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	1,4
5	Nước cấp cho khu vực giặt	3	mẻ	500	l/mẻ/ngày đêm	1,5
6	Nước súc rửa thiết bị lọc nước bể bơi	-	-	-	-	2
B	Nước tưới cây, rửa đường					0,7
	Tổng					56

Ghi chú:

(1) Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế

(2) QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy chuẩn xây dựng

**Tính toán lượng nước tiêu thụ lớn nhất theo công suất tối đa:*

Lượng nước tiêu thụ lớn nhất theo công suất xin cấp phép như sau:

Bảng 1. 5. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo công suất xin cấp phép

STT	Hạng mục	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhu cầu (m ³ /ng.đ)
A	Nước cấp cho sinh hoạt					155,2
1	Cán bộ, nhân viên	165	người	40 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	6,6
2	Khách ở khách sạn, căn hộ	456	người	300 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	136,8
3	Khách đến nhà hàng	250	người	15 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	3,8
4	Tổng số món ăn nấu 1 ngày của nhà hàng	250	người	12 ⁽¹⁾	l/người/ngày đêm	3
5	Nước cấp cho khu vực giặt	6	mẻ	500	l/mẻ/ngày đêm	3
6	Nước súc rửa thiết bị lọc nước bể bơi	-	-	-	-	2
B	Nước tưới cây, rửa đường					0,7
	Tổng					155,9

Ghi chú:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

(1) Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế

(2) QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy chuẩn xây dựng

Tổng lượng nước khi cơ sở đạt công suất tối đa khoảng **155,9** m³/ngày đêm

- Nguồn cung cấp nước: nhà máy nước khu vực.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện**

- Nhu cầu sử dụng: Nhu cầu tiêu thụ điện chủ yếu là cấp điện cho hoạt động sinh hoạt của khách sạn, khu căn hộ, khu tập gym,... khoảng 1.487.891kWh/năm.

- Nguồn cung cấp: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

❖ **Danh sách máy móc thiết bị**

Bảng 1. 6. Danh sách máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên máy móc thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nơi cung cấp
I	Buồng phòng			
1	Ti vi	Chiếc	245	Samsung VN
2	Tủ lạnh	Chiếc	245	Samsung VN
3	Điều hòa	Chiếc	245	Daikin VN
4	Ấm đun nước	Chiếc	245	Panasonic VN
5	Bếp từ	Chiếc	200	Samsung VN
6	Bàn là	Chiếc	245	Panasonic VN
II	Bếp			
1	Bếp ga	Chiếc	8	Trung quốc
2	Bếp điện	Chiếc	8	Samsung VN
3	Lò vi sóng	Chiếc	6	Samsung VN
4	Máy rửa bát đĩa	Chiếc	2	Trung quốc
5	Máy sấy bát đĩa	Chiếc	2	Trung Quốc
6	Máy đánh bột	Chiếc	2	Trung Quốc
7	Máy cán bột	Chiếc	2	Trung Quốc

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

8	Máy kho đông	Chiếc	2	Trung Quốc
9	Máy kho mát	Chiếc	6	Trung Quốc
III	Văn phòng điều hành			
1	Máy tính	Chiếc	15	Samsung VN
2	Máy in	Chiếc	10	Canon VN
3	Máy Fax, Scan	Chiếc	2	Canon VN
4	Bàn, ghế	Bộ	20	Đài Loan
5	Tủ tài liệu	Chiếc	20	Xuân Hòa
6	Bàn ghế phòng họp	Bộ	2	Đài Loan
IV	Hệ thống năng lượng xanh			
1	Hệ tấm trao đổi pin năng lượng mặt trời	Hệ	1	Trung Quốc - Đức
2	Máy gia nhiệt nước nóng	Hệ	1	Trung Quốc - Đức
V	Thiết bị phòng cháy chữa cháy, camera giám sát			
1	Hệ chữa cháy vách tường	Hệ	1	Việt Nam - TQ
2	Hệ chữa cháy tự động	Hệ	1	Việt Nam - TQ
3	Tủ báo cháy tự động 150 kênh	Tủ	2	Nhật
4	Đầu báo cháy khói, nhiệt	Hệ	2	Nhật
5	Hệ giám sát camera trong nhà	Hệ	2	Đài Loan
6	Hệ giám sát camera ngoài nhà	Hệ	2	Đài Loan
VI	Các máy móc, thiết bị khác			
1	Máy phát điện 750 KVA	Máy	1	Nhật Bản
2	Máy phát điện 1000 KVA	Máy	1	Nhật Bản

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

3	Trạm biến áp 750KVA	Máy	1	Việt Nam
4	Trạm biến áp 630KVA	Máy	1	Việt Nam
5	Bơm nước sinh hoạt 15KW	Máy	2	Italia
6	Bơm cấp nước sinh hoạt, ly tâm trục đứng Q= 30m ³ /h, H = 98,5m	Máy	2	Italia
7	Bơm chữa cháy Q = 150m ³ /h, H50m	Máy	2	Italia
8	Bơm chữa cháy Q = 250m ³ /h, H= 88m		2	Italia
9	Máy giặt khô công suất 50kg/h	Máy	1	Việt Nam LD
10	Máy giặt ướt công suất 100Kg/h	Hệ	2	Trung Quốc

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Giới thiệu sơ lược về cơ sở

Công ty TNHH H&H đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp là 0200545272, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2001 và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/10/2023 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp với các loại hình kinh doanh chính là dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ xông hơi massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Cơ sở đã được UBND quận Dương Kinh cấp Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 06/GCN-UBND ngày 09/05/2008.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 116/2015SDK-STNMT ngày 15/7/2015.

Cơ sở đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khách sạn Pearl River tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh số 2990/QĐ-UBND ngày 13/11/2018.

Cơ sở đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020 với thời hạn giấy phép là 5 năm.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Ngoài ra, Cơ sở đã có bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối cơ sở dịch vụ ăn uống được chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm xác nhận ngày 12/1/2021.

Thực hiện Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Công ty TNHH H&H lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở Khách sạn Pearl River trước khi hết thời hạn của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

1.5.2. Vị trí địa lý của cơ sở

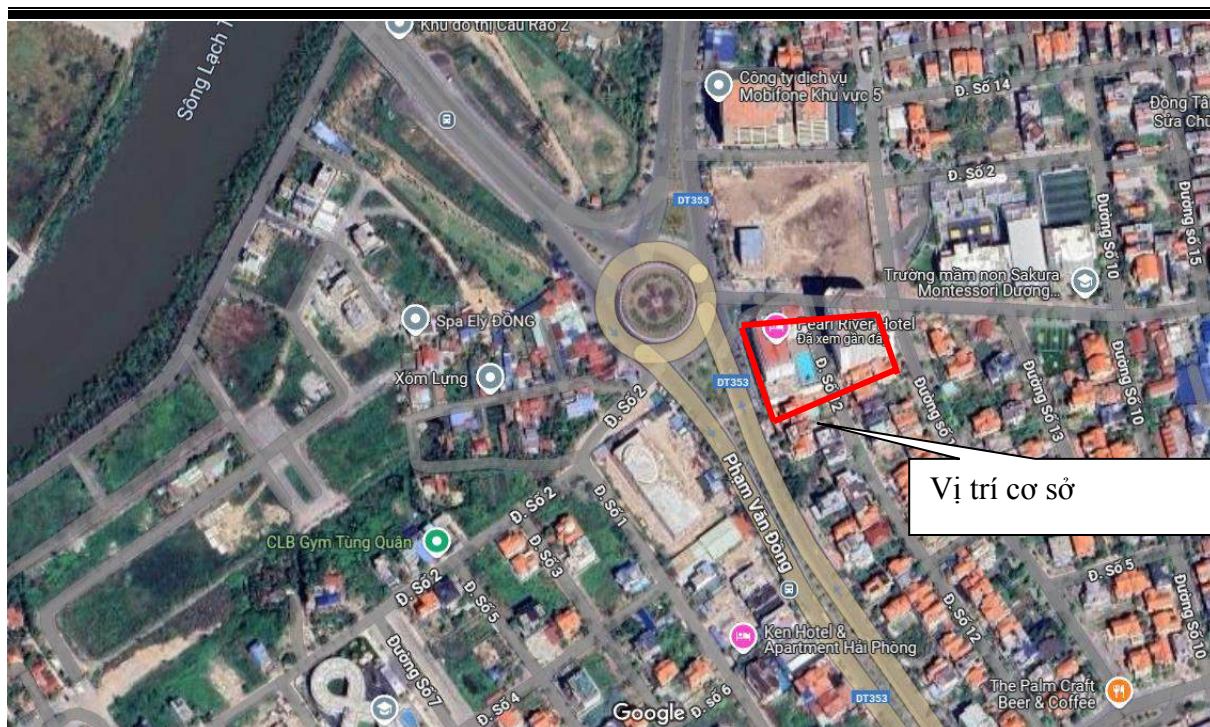
Vị trí cơ sở tại Km 8, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Khu đất cơ sở có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc: Giáp đường khu đô thị
- + Phía Đông: Giáp đường khu đô thị
- + Phía Nam: Giáp hộ dân ông bà Thiềm và ông bà Kiên
- + Phía Tây: Giáp đường Phạm Văn Đồng

Bảng 1. 7. Tọa độ mốc giới khu đất

STT	Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)
1	2302991.421	598500.059
2	2302992.398	598501.077
3	2302990.660	598539.037
4	2302990.097	598540.530
5	2302988.761	598541.411
6	2302965.180	598549.714
7	2302949.692	598513.051
8	2302990.096	598499.549
9	2302991.421	598500.059

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H



Hình 1. 3. Vị trí cơ sở

– **Đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực cơ sở:**

Cơ sở nằm tại Km 8, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, đây là con đường huyết mạch xuống khu du lịch Đồ Sơn được mệnh danh là con đường hoa phượng dài nhất, độc đáo nhất Việt Nam. Đường Phạm Văn Đồng cách Cảng hàng không Cát Bi khoảng 4km, gần ngay sông Lạch Tray, thuận lợi về giao thông đối nội và đối ngoại của một khu vực quan trọng gắn kết giữa các khu công nghiệp, khu dân cư, sân bay quốc tế và các tỉnh, thành phố khác.

Cơ sở nằm giữa khu dân cư phường Hưng Đạo.

Vị trí cơ sở cách sông Lạch Tray 400 m về phía Tây.

Nhìn chung, xung quanh cơ sở không có các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội nhạy cảm.

– **Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở:**

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống công thu gom nước thải của thành phố, nguồn tiếp nhận: Sông Lạch Tray.

1.5.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Khu đất của cơ sở “Khách sạn Pearl River” thuộc Công ty TNHH H&H địa điểm tại lô đất Km 8, đường Phạm Văn Đồng, phường Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng có tổng diện tích 3.788,5,0 m². Công ty TNHH H&H được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Khách sạn Pearl River I (gọi tắt là

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

P1) được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 091602 ngày 06/04/2005 với diện tích 2.370,5m² (mục đích sử dụng đất: xây dựng khách sạn); Khách sạn Pearl River II (gọi tắt là P2) được Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 540974 ngày 02/03/2016 với diện tích xây dựng là 1.418 m² (mục đích sử dụng đất: đất thương mại dịch vụ).

Các hạng mục công trình được tóm tắt như bảng sau:

Bảng 1. 8. Tóm tắt các hạng mục công trình của Công ty

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
1	Khách sạn Pearl River I với tổng diện tích xây dựng 2.370,5m ² bao gồm 8 tầng với 97 phòng	Khách sạn	01
2	Khách sạn Pearl River II với tổng diện tích xây dựng 1.418m ² bao gồm 14 tầng với 131 phòng	Khách sạn	01
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m ³ /ngày đêm	Khu	01
4	Khu vực chứa CTNH	Kho	01
5	Khu vực chứa rác sinh hoạt	Kho	01
6	Hệ thống lọc nước bể bơi	HT	01
7	Trạm sạc xe điện Vinfast	Trạm	01

Bảng 1. 9. Công năng của toà Khách sạn Pearl River I

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
1	Tầng 1 (khu lễ tân, quầy hàng đồ lưu niệm, Bar cafe, sảnh chờ, cầu lạc bộ, ..)	M ²	1.890
2	Tầng 2 (khu nhà hàng, phòng hội thảo, khu bếp, kho,...)	M ²	1.890
3	Tầng 3 (khu lễ tân, khu bể bơi, phòng tập thể hình, khu vật lý trị liệu,...)	M ²	1.890
4	Tầng 4 đến 8 (căn hộ cho thuê)	M ²	9.240
5	Tầng mái (khu thiết bị phụ trợ, mái chống nóng)	M ²	1.540

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Bảng 1. 10. Công năng của toà Khách sạn Pearl River II

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng
1	Tầng hầm 2 (khu để xe, bể chứa nước, bể xử lý nước thải, phòng bơm, phòng xử lý nước, kho)	M ²	1.418
2	Tầng hầm 1 (khu để xe, bể chứa, phòng bơm, phòng bảo trì, phòng buồng, khu vệ sinh)	M ²	1.418
3	Tầng lửng (khối văn phòng điều hành, phòng họp nội bộ, kho)	M ²	725
4	Tầng 1 (khu lễ tân, siêu thị mini, sảnh chờ, khu giặt là, nhà ăn nhân viên, bếp nhân viên, khu phụ trợ)	M ²	1.134
5	Tầng 2 (Khu chức năng phục vụ khách)	M ²	1.134
6	Tầng 3 đến 12 (Căn hộ cho thuê, 10 tầng)	M ²	11.340
7	Tầng 14 (Căn hộ cho thuê)	M ²	1.134
8	Tầng 15 (Căn hộ cho thuê)	M ²	1.134
9	Tầng tum (khu nhà hàng, nhà bếp, kho, khu phụ trợ)	M ²	1.100
10	Tầng mái (khu buồng thang máy, thiết bị phụ trợ)	M ²	725

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

*** Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:**

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Cơ sở tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 611/QĐ-TTg.

+ Cơ sở thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường phù hợp với quy định về định hướng phân vùng môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 1 Quyết định số 611/QĐ-TTg.

Theo đó, Dự án phù hợp với mục tiêu, định hướng phân vùng môi trường và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch thành phố Hải Phòng:**

- Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND thành phố Hải Phòng quyết định về việc Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Hướng thoát nước mưa: Theo điểm c, mục 3.2, khoản 3, điều 1: Lưu vực quận Dương Kinh hướng thoát nước sông Lạch Tray.

Cơ sở thoát nước mưa vào cống thoát trên đường Phạm Văn Đồng. Điểm tiếp nhận cuối cùng sông Lạch Tray.

- Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND thành phố Hải Phòng quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch thoát nước thải của thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Thoát nước thải: Theo điểm a, mục 3.4.3, khoản 3, điều 1: khu vực 5 được thu gom về nhà máy xử lý nước thải Hải Thành. Điểm tiếp nhận cuối cùng sông Lạch Tray.

Cơ sở thoát nước thải vào đường cống thoát nước trên đường Phạm Văn Đồng. Điểm tiếp nhận cuối cùng sông Lạch Tray.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Định hướng phát triển không gian: Theo điểm b, khoản 5, điều 1: Khu vực đô thị mở rộng phía Nam và Đông Nam (các quận Hải An, Dương Kinh, Kiến An, Đồ Sơn, huyện Kiến Thụy). Khu vực đô thị quận Dương Kinh: Hình thành đô thị đa chức năng mới hiện đại kết nối với khu vực nội đô lịch sử bằng hành lang giao thông tốc độ nhanh (đường Phạm Văn Đồng, đường Lạch Tray). Phát triển thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế... giảm tải cho khu vực nội đô lịch sử.

- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị: Theo khoản 3, mục IV, điều 1: Thành phố Hải Phòng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Đến năm 2030, hệ thống đô thị gồm: Khu vực nội thị (09 quận, trong đó có 07 quận hiện hữu: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và 02 quận thành lập mới: An Dương, Kiến Thụy); 01 đô thị loại III (thành phố Thủy Nguyên, bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên); 04 đô thị loại IV; 06 đô thị loại V.

- Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Dương Kinh đến năm 2025:

+ Vị trí khu vực quy hoạch: Theo bản vẽ quy hoạch 1/2000 được xác định là đất thương mại, dịch vụ.

Như vậy, vị trí cơ sở phù hợp với quy hoạch định hướng phát triển của Hải Phòng.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là sông Lạch Tray. Sông Lạch Tray được quy hoạch là sông tiếp nhận nước mưa, nước thải của thành phố. Sông Lạch Tray sử dụng cho mục đích giao thông thủy, yêu cầu chất lượng nước thấp.

Căn cứ vào quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, sông Lạch Tray không nằm trong danh mục đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước. Bên cạnh đó, công ty đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty
TNHH H&H**

thải ra môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Như vậy, sông Lạch Tray vẫn còn khả năng tiếp nhận nước mưa, nước thải của thành phố.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Bảng tổng hợp các công trình xử lý nước thải:

Bảng 3. 1. Bảng tổng hợp các công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Số lượng	Thể tích (m ³ /bể)	Ghi chú
1	Bể tự hoại khu vực Khách sạn Pearl River I (P1)	02 bể	50,7	Không thay đổi so với Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020
2	Bể tự hoại khu vực Khách sạn Pearl River II (P2)	02 bể	87,6	
			53,2	
3	Bể tách mỡ khu vực Khách sạn Pearl River I (P1)	01 bể	15,6	
4	Bể tách mỡ khu vực Khách sạn Pearl River II (P2)	01 bể	19,5	
5	Bể giặt là khu vực Khách sạn Pearl River II (P2)	01 bể	13,86	
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m ³ /ngày đêm	01 hệ thống	-	

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa trần mái:

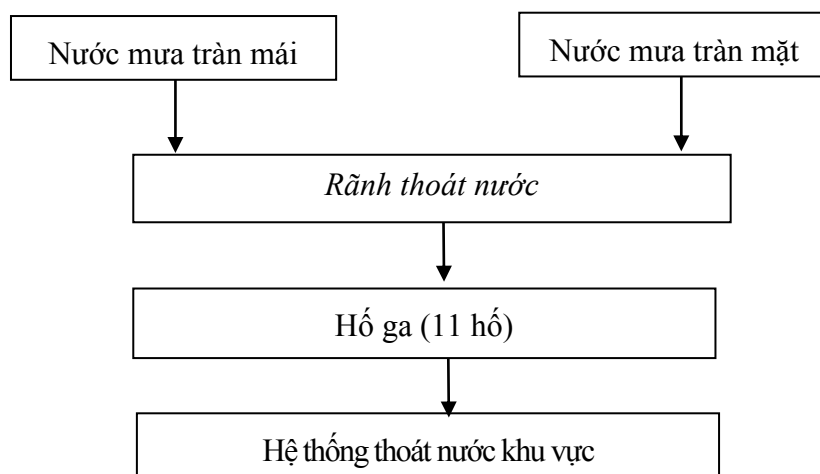
Nước mưa trần mái các công trình của cơ sở... được thu gom bằng các đường ống đứng PVC D76 – D110 - D140mm sau đó chảy vào rãnh thoát nước xung quanh Cơ sở, sau đó thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, cuối cùng thoát vào nguồn tiếp nhận trên sông Lạch Tray.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa trần mặt:

Toàn bộ nước mưa chảy trần trên mặt bằng sân, đường nội bộ và mái được thu gom và chảy vào rãnh thoát nước xung quanh Cơ sở. Hệ thống thoát nước mưa đã được bê tông hóa, có ga lửng và song chắn rác thô. Sau đó, nước mưa tiếp tục được xả vào hệ thống thoát nước của khu vực.

Nước mưa tại cơ sở được thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực bằng 11 điểm xả trong đó 5 điểm xả khu vực Khách sạn Pearl River I (P1) và 6 điểm xả khu vực Khách sạn Pearl River II (P2) với kích thước hố ga 1.200 x 1.000mm.

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở được mô tả như sau:



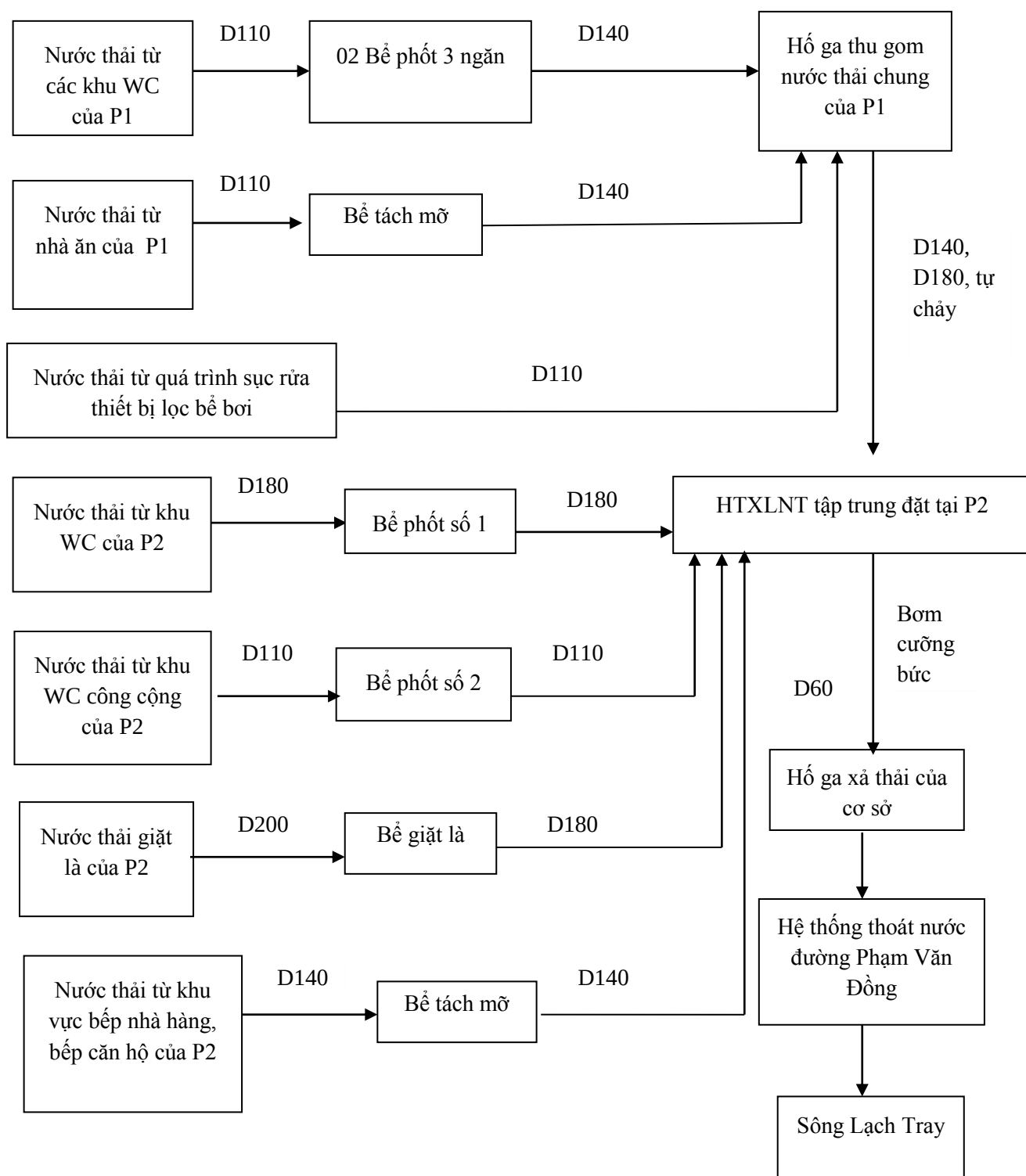
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Theo chương 1, lượng nước sinh hoạt sử dụng hiện tại 55,3 m³/ngày, lượng nước sinh hoạt sử dụng tối đa khoảng 155,2 m³/ngày. Theo khoản 1, điều 39 nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải: Định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Vậy lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hiện tại khoảng 55,3 m³/ngày, lượng nước sinh hoạt phát sinh tối đa khoảng 155,2 m³/ngày.

Sơ đồ thu gom, thoát nước như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Cơ sở

Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ khu vực vệ sinh, nước thải ăn uống từ nhà hàng, nước thải giặt là, và nước thải từ hoạt động rửa thiết bị lọc bể bơi. Nước

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

thải tại mỗi Khách sạn được thu gom theo hệ thống thu thoát nước riêng, cụ thể như sau:

*** Khách sạn P1**

- Nước thải phát sinh từ các khu WC của P1 được thu gom theo hệ thống đường ống D110 về 02 bể phốt của khách sạn sau đó chảy theo đường ống D140 về hố ga thu gom nước thải chung phía sau của khách sạn P1 trước khi đầu nối sang HTXLNT tập trung đặt tại P2.

- Nước thải từ nhà ăn được thu gom theo 2 đường ống riêng D110 về bể tách mỡ thể tích 15,6m³ rồi chảy vào hố ga thu gom chung theo đường ống D140 trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày.đêm của Cơ sở.

- Nước thải từ quá trình súc rửa thiết bị lọc bể bơi được thu gom theo đường ống D110 về hố ga thu gom chung của P1 trước khi đầu nối sang HTXLNT tập trung.

Toàn bộ nước thải của P1 được thu gom về hố ga thu gom chờ thể tích 10,8 m³ được bố trí ở phía sau của khách sạn P1 rồi theo 2 đường ống D140, D180 tự chảy về bể thu gom của HTXL nước thải tập trung đặt tại tầng hầm 2 của khách sạn P2 (do cost chảy tự nhiên của khách sạn P1 cao hơn so với HTXL nước thải tập trung).

*** Khách sạn P2**

+ Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh từ các căn hộ từ tầng 3-14 và nước thải từ khu WC công cộng tầng 1, tầng 2, tầng lửng, tầng tum được thu gom theo hệ thống đường ống D110 về đường ống D125, D140. Sau đó toàn bộ nước thải phát sinh từ khu WC này được thu gom về đường ống D180 chảy vào bể phốt 1 ở tầng hầm 1 rồi chảy vào bể thu gom của HTXLNT theo đường ống D180.

+ Nước thải từ khu WC công cộng ở tầng hầm 1 được thu gom theo đường ống D110 về bể phốt 2 ở tầng hầm 2 rồi chảy vào bể thu gom của HTXLNT theo đường ống D110.

- Nước thải giặt là từ các tầng (tầng 3-14) được thu gom theo hệ thống đường ống D48 về đường ống D90 rồi chảy vào bể xử lý nước thải giặt là theo đường ống D110, nước thải thoát rửa từ các khu WC căn hộ thu gom theo hệ thống đường ống D90 về đường ống D110, D125 rồi về đường ống D140 và D160, sau đó toàn bộ nước thải thoát rửa này được thu gom về bể xử lý nước thải giặt là thể tích 13,86 m³ theo đường ống D200 rồi chảy theo đường ống D180 về bể thu gom của HTXLNT tập trung.

- Nước thải giặt là từ quá trình giặt đồ thông dụng của cơ sở được thu gom theo đường ống D110 về đường ống D140, sau đó cùng với nước thải thoát giặt – rửa từ các

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

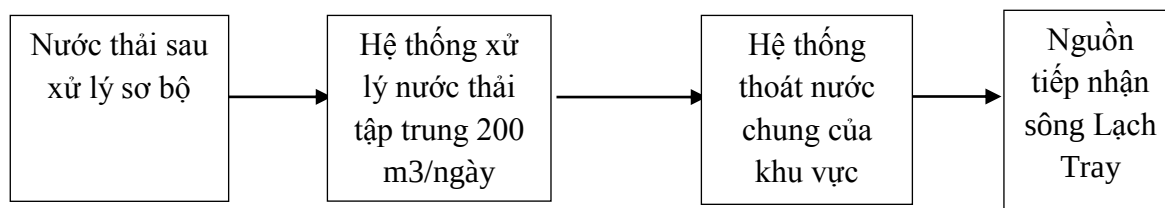
căn hộ chảy về bể xử lý nước thải giặt là theo đường ống D200 trước khi chảy vào bể thu gom của HTXLNT tập trung bằng đường ống D180.

- Nước thải phát sinh từ các khu bếp căn hộ của từng tầng (tầng 3-14) được thu gom theo hệ thống đường ống D60 về đường ống D90, D110. Nước thải từ bếp nhà hàng tầng tum được thu gom theo đường ống D140. Sau đó, toàn bộ nước thải này được thu gom về bể tách mỡ thể tích 19,5m³ theo đường ống D140 rồi chảy về bể thu gom của HTXLNT bằng đường ống D140.

Sau đó, toàn bộ nước thải của hai khách sạn đã được thu gom chảy vào bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm của Cơ sở.

Vị trí đặt hệ thống xử lý nước thải: HTXL nước thải tập trung của Cơ sở được xây dựng và đặt dưới tầng hầm 2 của Khách sạn P2.

Nước thải sau xử lý được chảy vào hệ thống thoát nước thành phố cùng với nước mưa chảy tràn chảy vào sông Lạch Tray.



- Công trình thoát nước thải:

Hình 3. 3. Sơ đồ thoát nước thải tại Cơ sở

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý được thải ra điểm xả thải bằng phương thức tự chảy. Tọa độ xả thải: X(m)= 2302975; Y(m) = 598539 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3⁰).

3.1.3. Xử lý nước thải

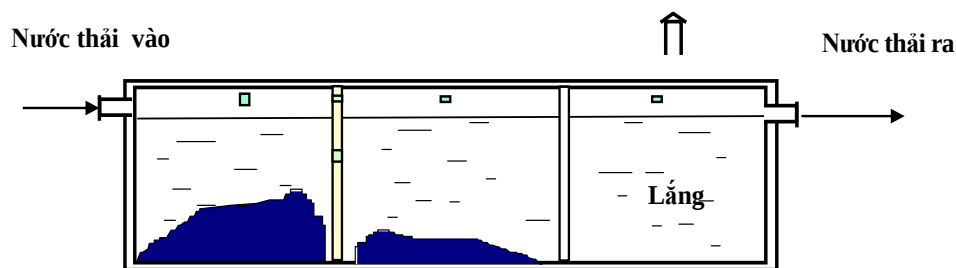
3.1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

• Việc xử lý sơ bộ nước thải bằng các bể phốt như sau:

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua bể phốt 3 ngăn, quy trình xử lý như sau:

Sơ đồ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở được mô phỏng như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H



Bảng 3. 2. Sơ đồ cấu tạo bể phốt

Bể phốt là công trình xử lý nước nhờ hai quá trình là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể tối thiểu là 3 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy làm giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn.

- Thể tích các bể tự hoại như sau:

STT	Các hạng mục công trình	Thể tích bể tự hoại (m ³ /bể)	Số lượng
1	Bể tự hoại khu vực Khách sạn Pearl River I (P1)	50,7	02
2	Bể tự hoại khu vực Khách sạn Pearl River II (P2)	87,6	01
		53,2	01

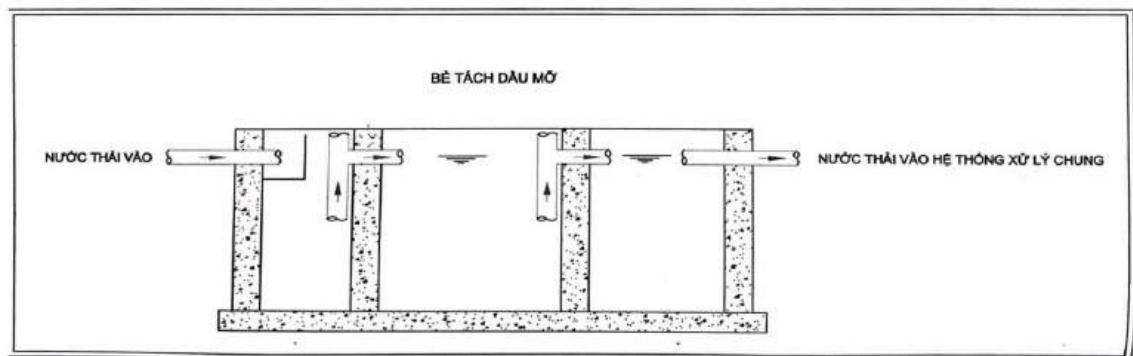
Bùn tích lũy tại bể phốt định kỳ 6 -12 tháng/lần sẽ thuê đơn vị chức năng nạo vét, thu gom và xử lý.

• Việc xử lý sơ bộ nước thải bằng các bể tách mỡ như sau:

Nước thải từ bếp các căn hộ và nước thải từ bếp nhà hàng qua hệ thống các lưới chắn rác thô, nước thải chảy trực tiếp vào bể tách mỡ. Bể tách mỡ của P1 có dung tích 15,6m³ với kích thước 3,46m x 3m x 1,5m, bể tách mỡ của P2 có dung tích 19,5 m³ với kích thước 4,2m x 2,11m x 2,2m. Nước thải sau khi đi xuyên qua lớp lưới lọc được thiết kế bên trong ngăn thứ nhất của bể tách dầu mỡ, cho phép giữ lại các cặn bẩn và tạp chất lớn như xương động vật, thức ăn thừa, rác thải lớn, bao nylon... Sau đó, nước chứa dầu mỡ đi vào ngăn thứ hai, tại đây thời gian lưu cho phép đủ để dầu mỡ nổi lên mặt nước, váng mỡ tích tụ dần tạo thành lớp mỡ trên bề mặt nước, định kỳ mở nắp để lấy mỡ ra. Nước sau khi đi qua ngăn thứ hai sang ngăn thứ ba và chảy sang bể thu gom của HTXLNT sinh hoạt bằng đường ống nhựa PVC D140.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Sơ đồ xử lý nước thải từ bếp căn hộ và bếp nhà hàng bằng bể tách mỡ như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ xử lý nước thải từ bếp căn hộ, bếp nhà hàng bằng bể tách mỡ

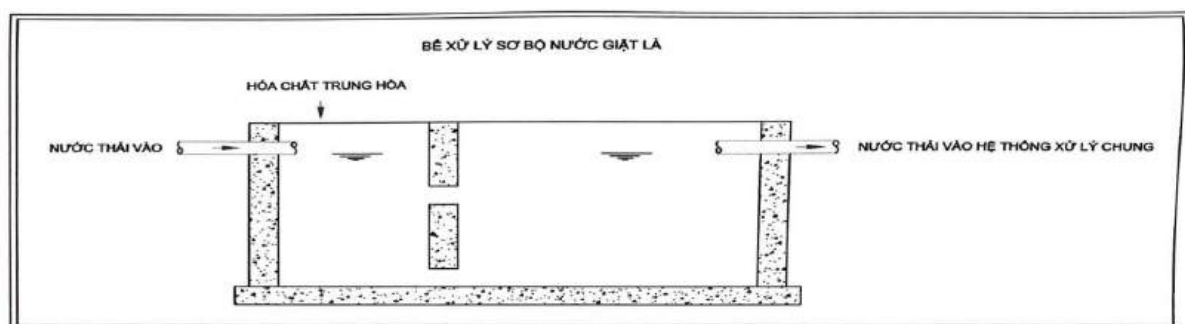
- **Thể tích các bể tách mỡ như sau:**

STT	Các hạng mục công trình	Thể tích (m ³ /bể)	Số lượng
1	Bể tách mỡ khu vực Khách sạn Pearl River I (P1)	15,6	01
2	Bể tách mỡ khu vực Khách sạn Pearl River II (P2)	19,5	01

• **Việc xử lý sơ bộ nước thải bằng bể lắng giặt là như sau:**

Nước thải giặt là của cơ sở bao gồm toàn bộ nước thải giặt là và thoát rửa từ các căn hộ cùng với nước thải giặt là từ quá trình giặt đồ thông dụng được thu gom về bể xử lý nước thải giặt là dung tích 13,86 m³ với kích thước 4,2m x 1,5m x 2,2m. Nước thải sau khi đi vào ngăn thứ nhất của bể xử lý nước thải giặt là sẽ được trung hòa bằng cách kiểm soát và điều chỉnh độ pH của nước thải, dùng PAC và polymer để keo tụ/tạo bông và lắng hóa lý. Công đoạn này sẽ trung hòa và giúp ổn định độ pH trong nước, loại bỏ một lượng lớn cặn lơ lửng, xử lý màu và một vài chất hữu cơ. Sau đó nước tiếp tục đi vào ngăn thứ hai, tại đây thời gian lưu đủ để lắng lại các tạp chất, bông cặn còn sót lại và sau đó đi vào bể thu gom của HTXLNT tập trung theo đường ống D180.

Sơ đồ xử lý nước thải giặt là bằng bể xử lý nước thải giặt là như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ xử lý nước thải giặt là bằng bể xử lý nước thải giặt là

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

• ***Việc xử lý nước thải bể bơi như sau:***

Công nghệ xử lý nước bể bơi được xử lý như sau:

Nước thu gom trên mặt bằng các máng dẫn đặt dọc theo bể bơi được đưa vào bể chứa dùng bơm nước tuần hoàn cho hệ thống tái sinh. Đặt nhiều bộ lọc sơ bộ ngay phía trước các bơm để chống cặn lắng. Thiết bị lọc sơ bộ là các bầu lọc đơn giản, tháo lắp nhanh chóng, có thể nhìn thấy và làm sạch được. Sau khi qua lọc sơ bộ, nước tuần hoàn tiếp tục đi qua bể lọc. Bể lọc thường dùng bộ lọc áp lực rửa ngược bằng nước và thổi khí nén. Chất làm keo tụ được phun vào bằng bơm định lượng trước khi vào bể lọc. Tại bể lọc các chất huyền phù được giữ lại trên vật liệu lọc. Sau đó nước được khử trùng bằng Clo và nước sạch được tuần hoàn lại bể bơi.

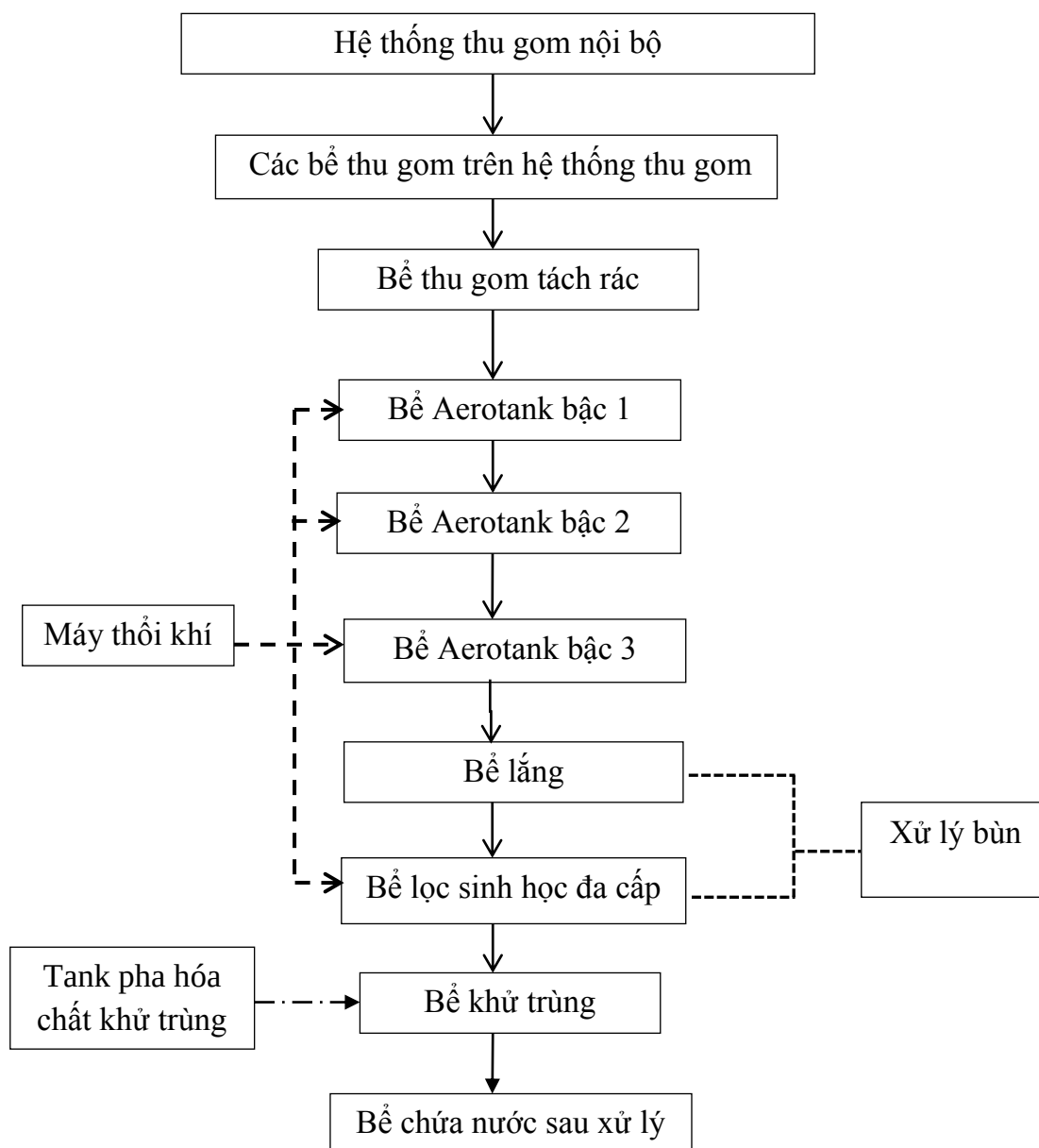
* Nước sau xử lý sẽ đạt các tiêu chuẩn sau:

- Nước không được kích thích da và các màng nhầy;
- Nước không chứa các loại chất có hại cho sức khỏe người bơi

Nước thải từ quá trình súc rửa các thiết bị lọc tại bể bơi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

• ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm:***

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ khu nhà ăn, nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, nước thải từ quá trình giặt là được xử lý sơ bộ qua bể giặt là và nước thải từ quá trình súc rửa thiết bị lọc bể bơi thu gom về hệ thống thoát nước chung của cơ sở sau đó thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm. Sơ đồ HTXLNT sinh hoạt công suất 200m³/ngày.đêm của Công ty như sau:



Hình 3. 6. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty

Ghi chú:

—————→	: Đường nước thải
-----→	: Đường bùn
-.-.-.-.-→	: Đường hóa chất
-----→	: Đường khí

* Mô tả quy trình xử lý:

Nước thải phát sinh từ 2 tòa khách sạn theo hệ thống thu gom được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm. Bể thu gom được hoạt động theo nguyên tắc bình thông nhau. Bể được chia làm 2 ngăn, nước được gom trực tiếp vào ngăn thứ nhất của bể sau đó qua song chắn rác sang ngăn thứ 2.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Nước sau khi xử lý tách rác tự chảy sang bể aerotank bậc 1. Nước thải sau bể Aerotank bậc 1 được dẫn về bể aerotank bậc 2 và bậc 3 bằng cách chảy tràn qua ống phân phối. Không khí sẽ được cấp vào bằng thiết bị máy thổi khí và được khuếch tán bởi các đĩa phân phối khí mịn vào bể Aerotank bậc 1 và bậc 2 bậc 3 thông qua hệ thống đĩa phân phối khí lắp đặt dưới đáy bể để cung cấp ôxy cho các quá trình phản ứng sinh học hiếu khí bởi các vi khuẩn hiếu khí. Hiệu suất xử lý theo BOD có thể đạt tới 85% - 95%.

Ngoài ra, trong bể Aerotank bậc 1 bậc 2 và bậc 3 được lắp đặt hệ thống giá thể vi sinh (đệm vi sinh) dạng tấm. Đệm vi sinh là một dạng thiết bị gồm nhiều màng mỏng ghép lại nên diện tích bề mặt rất lớn với bề mặt riêng: $\geq 110 - 150\text{m}^2/\text{m}^3$, độ rỗng xốp: $\geq 95\%$ để làm giá thể cho các vi sinh vật sinh trưởng phát triển, đồng thời lớp đệm vi sinh này cũng là tác nhân giúp giữ lại các bông cặn trong nước thải.

Nước thải có chứa các chất hữu cơ hòa tan và các chất lơ lửng đi vào bể aerotank, nhờ các vi khuẩn cư trú ở trong lớp đệm vi sinh, ở các chất lơ lửng, trưởng thành, sinh sản và dần phát triển lên thành các bông cặn gọi là bùn hoạt tính (bùn hoạt tính là các bông cặn có màu nâu sẫm chứa các chất hữu cơ hấp thụ từ nước thải và là nơi cư trú để phát triển của vô số vi khuẩn và các vi sinh vật sống khác). Các vi khuẩn và vi sinh vật sống dùng chất nền (BOD) và chất dinh dưỡng (N,P) làm thức ăn sau đó chuyển hóa chúng thành các chất trơ không hòa tan và thành các tế bào mới. Quá trình chuyển hóa thực hiện theo các bước xen kẽ và nối tiếp nhau. Một vài loại vi khuẩn phân hủy hợp chất hữu cơ có cấu trúc phức tạp sau khi chuyển hóa thải ra các hợp chất hữu cơ có cấu trúc đơn giản hơn, một số loại vi khuẩn khác dùng các chất này làm thức ăn và lại thải ra các hợp chất có cấu trúc đơn giản hơn nữa, quá trình cứ tiếp tục cho đến khi chất thải cuối cùng không thể làm thức ăn cho bất cứ loại vi khuẩn nào khác và như vậy các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý hoàn toàn. Hiện nay, các ngăn bể aerotank có lắp đặt các đệm vi sinh, lượng bùn hoạt tính được dính bám trên các đệm vi sinh và ổn định tại đây. Để cho lượng vi sinh trong bể aerotank được ổn định và duy trì nồng độ MLSS trong bể aerotank trong quá trình xử lý định kỳ Công ty sẽ bổ sung thêm vi sinh vật cho hệ thống hoặc tăng thời gian hoặc/và lưu lượng bùn hồi lưu và giảm cung cấp khí trong suốt thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l.

Sau bể aerotank 3 bậc hỗn hợp bùn sinh học và nước thải tự chảy qua bể lắng để lắng tách cặn bùn sinh học ra khỏi nước, làm trong nước trước khi đưa qua bể lọc. Sau bể lắng nước tự chảy tràn sang bể lọc ngược đa cấp có lớp than hoạt tính. Tại đây xác vi sinh vật sau quá trình xử lý hiếu khí và các cặn lơ lửng có tỷ trọng nhỏ

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

không thể lắng được giữ lại qua lớp vật liệu lọc. Mùi hôi của nước cũng được xử lý triệt để sau khi nước chảy qua lớp than hoạt tính. Nước sau lọc tự chảy qua bể khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trong nước thải.

Để phục vụ cho quá trình xả bùn từ bể lọc và vệ sinh bể trong quá trình xử lý cần cung cấp khí tại bể lọc. Quá trình sục rửa lớp vật liệu lọc tại bể lọc được thực hiện như sau: mở van xả bùn tại tank lọc đồng thời sục khí bể lọc cho đến khi lượng bùn trong bể lọc không còn thì đóng van lại và ngừng cấp khí. Trong quá trình thay thế vật liệu lọc hệ thống vẫn hoạt động bình thường, nước tại bể lọc được bơm sang bể lắng trong thời gian thay thế.

Nước thải sau bể lọc được bơm trộn với bơm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau khi khử trùng đạt quy chuẩn cho phép được chứa tại bể chứa nước sau xử lý và được bơm cưỡng bức ra hố ga xả thải của cơ sở rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung thành phố sau đó chảy ra sông Lạch Tray cùng với nước thải khu vực.

Bùn tạo thành trong bể lắng và bể lọc được Công ty định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn thải đến tiến hành hút bùn, vận chuyển về nơi xử lý bằng xe chuyên dụng hoặc phương tiện đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

STT	Các hạng mục công trình	Thể tích (m ³ /bể)	Số lượng
1	Bể thu gom tách rác	7,9	01
2	Bể Aerotank bậc 1	39	01
3	Bể Aerotank bậc 2	24,74	01
4	Bể Aerotank bậc 3	64,64	01
5	Bể lắng	10	01
6	Bể lọc sinh học	3,9	01
7	Bể khử trùng	2	01
7	Bể nước sau xử lý	2	01

Danh mục hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải

- Công ty đã sử dụng hóa chất Javen vào trong quá trình xử lý với khối lượng khoảng 125,9 lít/ngày.đêm. Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Phần nước sau khi lọc sẽ được khử trùng bằng dung dịch Javen để tiêu diệt vi trùng có hại bằng phương pháp châm thủ công.

Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

+ Liều lượng: Pha loãng 10 lần nước gia ven khử trùng 10% với nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng, nước gia ven khử trùng sử dụng trong hệ thống là 1%.

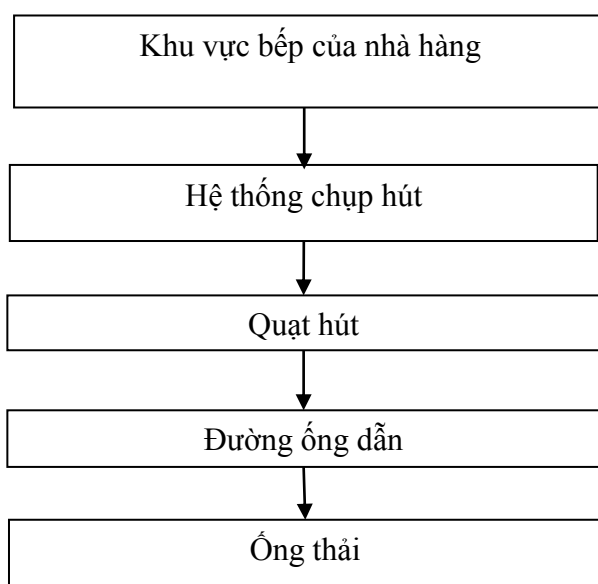
+ Thao tác thực hiện: cho một phần nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng sau đó cho nước gia ven 10%, tiếp theo cho nước sạch đến mức cần pha (đảm bảo pha loãng 10 lần).

+ Thiết đặt bơm hóa chất khử trùng đảm bảo lưu lượng $\geq 6,3$ lít/giờ.

+ Lượng dung dịch nước Javen khử trùng 1% (đã pha loãng) cần dùng khi hệ thống hoạt động đủ công suất thiết kế là 125,9 lít/ngày đêm

- Hóa chất được sử dụng cho việc cấp chất dinh dưỡng là cồn công nghiệp, mật mía. Hóa chất được pha với nước sạch với lượng 10 lít cồn + 1 lít mật mía pha trong 300 lít nước sạch

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải



a. Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn

Hình 3. 7. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi tại khu bếp nấu ăn của nhà hàng

Thuyết minh công nghệ:

Mùi phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu bếp của nhà hàng của khách sạn được quạt hút thu gom vào hệ thống chụp hút và theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường qua ống khói.

- *Thông số kỹ thuật của hệ thống chụp hút mùi tại bếp của khách sạn:*

Danh mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống chụp hút mùi, khí	01 hệ	- Miệng chụp hút hình chữ nhật được

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

thải	thống	làm bằng vật liệu chịu nhiệt cao - Kích thước: 2,5 x 1,5 m
Quạt hút	01 chiếc	Lưu lượng hút 1.000 m ³ /h
Đường ống dẫn	Hệ thống	Đường ống dẫn bằng thép có đường kính 15cm
Ống thải	01 ống	- Chiều cao 14cm - Đường kính ống thải 40cm

Hình ảnh hút mùi khu vực bếp khách sạn:



b. Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ:

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ của công ty sử dụng môi chất lạnh R410A – đây là loại dung môi lạnh an toàn, có mức độ tác động đến tầng ozon thấp và được phép sử dụng tại Việt Nam. Vậy nên, việc sử dụng điều hòa có môi chất lạnh R410A sẽ bảo vệ sức khỏe của người sử dụng.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điều hòa để kịp thời phát hiện rò rỉ dung môi chất lạnh.

- Khi xảy ra sự cố rò rỉ dung môi chất lạnh cần nhanh chóng ngắt cầu dao và xử lý kịp thời để đảm bảo quá trình hoạt động của công ty và bảo vệ môi trường.

c. Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

- Công ty bố trí 1 phòng chứa máy phát điện thông thoáng, bố trí quạt hút để điều hòa vi khí hậu trong phòng;

- Yêu cầu công nhân mặc đầy đủ bảo hộ lao động khi vận hành máy; thực hiện bảo dưỡng động cơ máy định kỳ;

- Chỉ vận hành máy trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện.

d. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận tải

- Công ty sử dụng phương tiện vận tải hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật, tiêu tốn ít nhiên liệu.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ động cơ của phương tiện vận chuyển để phát hiện hỏng hóc và có phương án thay thế, sửa chữa kịp thời.

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển ra vào khách sạn, đi chậm với tốc độ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ.

- Bố trí lao công dọn dẹp sân, đường nội bộ, bãi đỗ xe ô tô, xe máy thường xuyên.

- Phương tiện vận tải phải chở đúng tải trọng quy định, tuyệt đối không được gia cố thêm phần đuôi xe để chở thêm nguyên, nhiên liệu.

- Tổ bảo vệ điều tiết các phương tiện cá nhân của khách hàng sử dụng dịch vụ của cơ sở.

- Thường xuyên phun ẩm khu vực bãi đỗ xe để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh.

- Yêu cầu người điều khiển các phương tiện sử dụng dịch vụ (*xe ô tô, xe taxi, tải*) vận chuyển khách hàng của cơ sở phải tắt máy khi dừng đỗ trong bãi đỗ xe.

e. Mùi hôi phát sinh từ khu lưu trữ chất thải:

- Tổ chức thu gom rác thải hàng ngày về khu chứa chất thải của cơ sở.

- Các thùng chứa/ thiết bị lưu trữ chất thải có khả năng gây mùi hôi khó chịu được đậy nắp. Khu vực chứa rác thải phải được quét dọn vệ sinh hàng ngày.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- *Nguồn, khối lượng phát sinh:*

+ CTRSH: Theo hoá đơn chất thải rắn sinh hoạt năm 2023 và năm 2024, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở lần lượt khoảng 18,2 tấn/năm và 19,8 tấn/năm.

Theo QCVN 01:2021/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng của Bộ xây dựng tính cho 01 người là 1,3kg/người/ngày tương đương

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

0,43kg/người/ca thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $0,43 \times 706 = 303,58$ kg/ngày $\sim 0,3$ tấn/ngày

Nguồn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, khách ở khách sạn, căn hộ, nhà hàng...: các loại thực phẩm thừa, bao gói thức ăn, túi nilon, vỏ hoa quả...

- Công trình lưu giữ, biện pháp quản lý:

+ CTRSH: Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở được thu gom, phân loại tại nguồn 3 nhóm rác thải: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác, lưu trữ trong các thùng chứa có dung tích từ 240 lít, có nắp đậy, đảm bảo quy cách, đặt tại các khu vực phát sinh và tập kết tại kho gần khu vực cổng tổng diện tích khoảng $9m^2$ sau đó được Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng đến thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng số 6051/2025/HĐTĐ-VC về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Tần suất thu gom, vận chuyển: hằng ngày (tăng tần suất theo số lượng thực tế chất thải phát sinh)



Hình 3. 8. Hình ảnh khu chứa chất thải sinh hoạt

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

- Nguồn, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

Theo hoá đơn chất thải nguy hại với Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng năm 2024 và công suất khách đạt 37% so với công suất tối đa, thống kê khối lượng chất thải theo công suất tối đa như sau:

Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng năm 2024	Khối lượng đề xuất cấp GPMT
1	Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	16,5	44,6
2	Hộp đựng dầu mỡ thải	Rắn	17 02 04	16	43,2
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	16 01 06	15	40,5
4	Pin thải, ắc quy	Rắn	19 06 01	23	62,2
5	Than hoạt tính	Rắn	18 02 01	-	100
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	-	138,8
Tổng số lượng				70,5	429,3

Ghi chú: Hiện tại, than hoạt tính trong bể lọc nước thải chưa thay thế vì kết quả nước thải vẫn đạt quy chuẩn cho phép trước khi **xả thải** ra môi trường. Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải chiếm khoảng 2% khối lượng hoá chất là $6.940 \text{ kg/năm} \times 2\% = 138,8 \text{ kg/năm}$.

Kế hoạch quản lý CTNH: Cơ sở sẽ phân loại tại nguồn và lưu kho theo quy định sau đó Đơn vị có đủ chức năng sẽ đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại tại cơ sở được lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng dung tích 20-120 lít. Trên các thùng chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý, tần xuất thu gom phù hợp theo thực tế phát sinh.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 3 m^2 .

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

+ Thiết kế, cấu tạo: Khu vực được thiết kế theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn: mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài, có mái che kín nắng, mưa. Khu lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Khu lưu giữ CTNH có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng số 83/2025/CTNH/PH-H&H để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh

Tần suất thu gom, vận chuyển: theo thực tế phát sinh



Hình 3. 9. Hình ảnh khu chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động các hoạt động dịch vụ như bar, nhà hàng, Minimark, coffee ...

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động dịch vụ:

+ Tại các khu vực phát sinh tiếng ồn đều được bố trí có thiết kế cách âm tốt để không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của khách sạn.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị từng phòng của khách sạn lưu trú dài ngày và khách sạn cao cấp để đảm bảo độ cân bằng của thiết bị đồng thời phát hiện hỏng hóc và có phương án thay thế kịp thời.

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư: máy phát điện dự phòng, máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

+ Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện theo đúng quy định

+ Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Cơ sở đã trang bị hệ thống PCCC hoàn chỉnh và có hồ sơ PCCC

- Việc bố trí các phương tiện PCCC tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam về phòng chống cháy nổ và phải được cơ quan cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng thẩm duyệt trước khi đi vào hoạt động.

- Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt cách xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Đối với các thiết bị điện, thường xuyên có công tác kiểm tra nhằm phát hiện sớm những hư hỏng để sửa chữa kịp thời, tránh để xảy ra sự cố nguy hiểm.

- Cử cán bộ tham gia đầy đủ các hoạt động tuyên truyền phòng cháy, chữa cháy của địa phương và thành phố Hải Phòng.

3.6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố về hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, nạo vét hố ga, cống rãnh thoát nước mưa, nước thải để tránh tắc nghẽn đường ống hoặc vỡ đường ống gây mùi hôi khó chịu.

- Định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến nạo vét, hút bể phốt đảm bảo hiệu quả xử lý của công trình trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý, thay thế các thiết bị máy móc có dấu hiệu sự cố hoặc hoạt động không hiệu quả.

- Đối với sự cố tắc, vỡ ống, nước thải tràn ra ngoài, Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến thu gom đi xử lý trong thời gian chờ khắc phục hệ thống. Đồng thời lập biển báo hiệu nhà vệ sinh gặp sự cố để mọi người sử dụng.

- Lượng nước thải hiện thải của cơ sở chỉ bằng 25-30% công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở hàng ngày kiểm tra lượng bùn của hệ thống xử lý nước thải và bổ sung dinh dưỡng cho hệ vi sinh khi kiểm tra lượng bùn tại bể hiếu khí ít.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): không

3.8. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cấp:

Các hạng mục công trình thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được duyệt:

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

STT	Hạng mục công trình	Theo hồ sơ môi trường đã được duyệt	Thực tế
1	Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn - Khu vực bếp của nhà hàng	Mùi phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu bếp của nhà hàng của khách sạn được quạt hút thu gom vào hệ thống chụp hút lắp đặt vật liệu hấp phụ (than hoạt tính). Mùi, hơi dầu mỡ sẽ được giữ lại lớp vật liệu hấp phụ này, khí sạch sẽ và theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường qua ống thải.	Mùi phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu bếp của nhà hàng của khách sạn được quạt hút thu gom vào hệ thống chụp hút và theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường qua ống thải.

Đánh giá các hạng mục công trình bảo vệ môi trường thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được duyệt:

Thứ nhất: cơ sở hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống không phải là cơ sở sản xuất công nghiệp;

Thứ hai: theo ý kiến của chính quyền địa phương tại biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ngày 24/4/2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tính đến thời điểm hiện tại, UBND quận Dương Kinh và UBND phường Anh Dũng không nhận được đơn thư, kiến nghị về việc gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động kinh doanh của công ty nên có thể thấy rằng, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường không khí khu vực.

Mặt khác, Chủ dự án cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam và có biện pháp khắc phục hậu quả nếu khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn ảnh hưởng đến môi trường.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

A. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của khu vực Khách sạn Pearl River I (P1).
 - + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh của khu vực Khách sạn Pearl River II (P2).
 - + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn, nhà bếp của khu vực Khách sạn Pearl River I (P1).
 - + Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn, nhà bếp của khu vực Khách sạn Pearl River II (P2).
 - + Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu là
 - + Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình súc rửa thiết bị lọc bể bơi
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 200 m³/ngày đêm (theo công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung).
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý dẫn hồ ga cuối của cơ sở phía sau khách sạn Pearl River II sau đó chảy vào cống thoát nước chung của thành phố. Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng là sông Lạch Tray.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
Nước thải sinh hoạt giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đạt: QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, Cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Cụ thể:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤40		
3	COD	mg/l	≤100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤70		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

6	Tổng N	mg/l	≤40	08/2022/NĐ-CP	08/2022/NĐ-CP
7	Tổng P	mg/l	≤10		
8	Tổng Coliform	MPN/100 mL	≤5.000		
9	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤0,5		
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	≤20		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤10		

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰):

X(m) = 2302975; Y(m) = 598539

+ Phương thức xả thải: bơm cưỡng bức

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Lạch Tray.

B. Các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nước thải của cơ sở như sau:

b.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

b.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về công trình xử lý nước thải sơ bộ

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ khu nhà ăn, nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, nước thải từ quá trình giặt là được xử lý sơ bộ qua bể giặt là và nước thải từ quá trình rửa thiết bị lọc bể bơi thu gom về hệ thống thoát nước chung của cơ sở sau đó thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm.

b.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống thoát nước của công ty → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm → hệ thống thoát nước khu vực.

+ Nước thải từ nhà ăn, nhà bếp → bể tách mỡ → hệ thống thoát nước của công ty → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm → hệ thống thoát nước khu vực.

+ Nước thải từ khu giặt là → bể giặt là → hệ thống thoát nước của công ty → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm → hệ thống thoát nước khu vực.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình rửa thiết bị lọc bể bơi —> hệ thống thoát nước của công ty —> Hệ thống xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày đêm —> hệ thống thoát nước khu vực.

- Công suất:

+ 04 bể tự hoại 3 ngăn: 02 bể có thể tích 50,7 m³/bể, 01 bể có thể tích 87,6 m³/bể, 01 bể có thể tích 53,2 m³/bể.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm

b.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

b.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

b.1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu quy chuẩn môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Khu vực hoạt động dịch vụ như bar, nhà hàng, Minimark, coffee Tọa độ: X(m) = 2302962; Y(m) = 598471

+ Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X(m) = 2302970; Y(m) = 598538

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

+ Nguồn số 03: Khu vực đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X(m) = 2302960; Y(m) = 598519

(hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Đối với độ rung:

Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. Những yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố, tai biến môi trường

4.4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 0,3 tấn/ngày thành phần gồm: các loại thực phẩm thừa, bao gói thức ăn, túi nilon, vỏ hoa quả...

+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại như sau:

Bảng 4.4. Danh mục chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	44,6
2	Hộp đựng dầu mỡ thải	Rắn	17 02 04	43,2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

3	Bóng đèn huỳnh quang hồng	Rắn	16 01 06	40,5
4	Pin thải, ắc quy	Rắn	19 06 01	62,2
5	Than hoạt tính	Rắn	18 02 01	100
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	138,8
Tổng số lượng				429,3

4.4.2. *Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại*

❖ Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại tại cơ sở được lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng. Trên các thùng chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 3 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Khu vực được thiết kế theo đúng quy định và đảm bảo các tiêu chuẩn: mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài, có mái che kín nắng, mưa. Khu lưu giữ CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ. Khu lưu giữ CTNH có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

❖ Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở được thu gom, phân loại tại nguồn thành 3 nhóm rác thải: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác, lưu trữ trong các thùng chứa có dung tích từ 240 lít, có nắp đậy, đảm bảo quy cách, đặt tại các khu vực phát sinh và tập kết tại kho gần khu vực cổng tổng diện tích khoảng 9m² sau đó được Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng đến thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

Theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020, ***cơ sở có trách nhiệm:***

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh để theo dõi, giám sát. Cụ thể:

Trước ngày 15/12 hàng năm, lập Báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện các nội dung ghi trong Giấy phép, bao gồm: Thống kê lượng nước sạch sử dụng đầu vào; lượng nước xả hàng ngày, hàng tháng; tình hình thu gom, xử lý nước thải; đánh giá về chất lượng nước thải (đính kèm theo các Phiếu kết quả quan trắc chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận nước thải); tần suất quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận; các sự cố nước thải (nếu có).

4. Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng thải luôn đạt quy định tại Giấy phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải không đạt yêu cầu quy định của Giấy phép, đồng thời phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Lưu giữ Giấy phép xả nước thải, Báo cáo xả nước thải, Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải; lưu giữ các thông tin, số liệu quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận định kỳ đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

7. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác.

8. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép nếu vi phạm hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan.

Theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án, ***cơ sở có trách nhiệm:***

- Lập, phê duyệt và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án đến Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và Chữa cháy, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật An toàn thực phẩm, Luật Du lịch và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Chủ cơ sở từ khi triển khai đầu tư xây dựng Dự án đến nay đã luôn nghiêm túc thực hiện các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phòng ngừa sự cố môi trường:

- Các khu vực phát sinh khí thải có biện pháp giảm thiểu phù hợp.
- Nước thải sinh hoạt được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra hệ thống của khu vực.

- Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng thải luôn đạt quy định

- Các loại chất thải đều phân loại tại nguồn sau đó được đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, nguy hại theo quy định.

- Cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ và nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

Trong suốt thời gian hoạt động vừa qua, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã cam kết trong hồ sơ môi trường đã được chấp

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

thuận; thường xuyên vận hành công trình bảo vệ môi trường; thực hiện thu gom, chuyển giao chất thải đúng quy định; phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường đầy đủ thông số, tần suất cam kết. Ngoài ra, Công ty chưa để xảy ra tình trạng kiện tụng của các doanh nghiệp lân cận, điểm dân cư tập trung gần nhất và Công ty chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền:

Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã cam kết trong hồ sơ môi trường đã được chấp thuận; thường xuyên vận hành công trình bảo vệ môi trường; thực hiện thu gom, chuyển giao chất thải đúng quy định. Công ty chưa xảy ra sự cố liên quan đến môi trường. Chủ cơ sở định kỳ nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường, thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải trong 2 năm gần nhất như sau:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2024 là 6.016,8 m³ và năm 2023 là 6.065,6 m³

- Về giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải: cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND ngày 10/12/2020, tần suất quan trắc nước thải: 3 tháng/lần. nước mặt: 6 tháng/lần. Tuy nhiên, do ảnh hưởng hậu Covid-19 nên tình hình kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, lượng khách lưu trú tương đối ít nên trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024 cơ sở đã đề nghị UBND thành phố Hải Phòng và Sở Tài nguyên và môi trường Hải Phòng (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) thực hiện quan trắc nước thải tần suất 6 tháng/lần và bỏ quan trắc nước mặt sông Lạch Tray.

Kết quả nước thải định kỳ và kết quả quan trắc nước mặt bổ sung như sau:

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích (NT)					QCVN 14:2008/ BTNMT
			5/2023	12/2023	8/2024	12/2024	5/2025	
1.	pH	-	7,30	7,14	7,2	7,3	7,2	5-9
2.	TDS	mg/L	754	506	333	539	374	1.000

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

3.	TSS	mg/L	8	10	43	46	53	100
4.	BOD ₅	mg/L	20	25	37	36	36	50
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	1,16	1,82	6,26	8,7	4,5	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	10,48	10,43	3,38	2,4	2,82	50
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	3,66	3,25	3,08	4,11	2,18	10
8.	Sunfua	mg/L	<0,03	<0,03	0,14	0,12	0,16	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<0,3	<0,3	1,2	1,4	1,4	20
10.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,56	0,44	0,55	0,49	0,46	10
11.	Coliform	MPN/100mL	550	610	2.700	3.400	4.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải tại vị trí xả thải tại cơ sở, toạ độ X(m)= 2302975, Y(m)= 598539.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Đánh giá tổng hợp: Từ bảng kết quả quan trắc nước thải ta thấy chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2018/BTNMT trước khi xả thải, các công trình xử lý nước thải cơ sở đang hoạt động rất hiệu quả.

Bảng 5. 2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
			NM	
1.	pH	-	6,8	6-8,5
2.	DO	mg/L	5,37	≥4
3.	TSS	mg/L	72	100 và không có rác nổi
4.	COD	mg/L	16	≤20
5.	BOD ₅	mg/L	12	≤10
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	0,05	0,3
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	1,12	-
8.	Chất hoạt động bề	mg/L	0,05	0,1

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

	mặt anion			
9.	Phosphat ($\text{PO}_4^{3-} - \text{P}$)	mg/L	0,06	-
10.	Coliform	MPN/ 100mL	1.500	≤ 7.500

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NM: Mẫu nước mặt tại sông Lạch Tray tại vị trí điểm tiếp nhận nước thải của cơ sở. Toạ độ X(m) = 2303232, Y(m)=598187

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước. Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- Đánh giá tổng hợp: Từ bảng kết quả quan trắc nước mặt bổ sung ta thấy chất lượng nước mặt đang có dấu hiệu bị ô nhiễm chỉ tiêu BOD.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc môi trường xung quanh như sau:

Bảng 5. 3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc không khí xung quanh

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích					QCVN 05:2023/ BTNMT
			K1	K2	K3	K4	K5	
1.	Nhiệt độ	°C	33,4	33,7	33,5	33,2	32,9	-
2.	Độ ẩm	%	61	61	60	60	61	-
3.	Tốc độ gió	m/s	1,5	1,1	0,4	1,3	1,2	-
4.	Tiếng ồn	dBA	61,6	62,4	63,1	51,8	47,1	70⁽¹⁾
5.	Bụi lơ lửng	mg/Nm ³	123	99	126	86	103	300
6.	SO ₂	mg/Nm ³	38	41	45	37	35	350
7.	CO	mg/Nm ³	7.500	7.100	7.900	7.300	6.800	30.000

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

8.	NO ₂	mg/Nm ³	27	19	22	17	14	200
----	-----------------	--------------------	----	----	----	----	----	------------

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

K1: Không khí tại sảnh ra vào Khách sạn Pearl River I

K2: Không khí tại sảnh ra vào Khách sạn Pearl River II

K3: Không khí khu vực bãi đỗ xe Khách sạn Pearl River I

K4: Không khí khu vực bãi đỗ xe Khách sạn Pearl River II

K5: Không khí tại khu vực tiếp giáp nhà dân

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+(1) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhân xét: Kết quả phân tích cho thấy nồng độ các khí, bụi, độ ồn trong khu vực xung quanh Cơ sở trong năm 2025 đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường, thông tin về tình hình phát sinh chất thải trong 2 năm gần nhất như sau:

- Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2023 (tấn)	Khối lượng năm 2024 (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH
1	Rác thải sinh hoạt	18,2	19,8	Công ty cổ phần công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng

- Thống kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg)	Khối lượng năm 2024 (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại	18 02 01	0	16,5	HR	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng – giấy phép môi trường số 73/GPMT-BTNMT
Hộp đựng dầu mỡ thải	17 02 04	0	16	HR	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Bóng đèn huỳnh quang hồng	16 01 06	0	15	HR	
Pin thải, ắc quy	19 06 01	0	23	TĐ	
Tổng số lượng		0	70,5		

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới: nếu có CTNH phát sinh, Cơ sở sẽ phân loại tại nguồn theo quy định sau đó được Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo hợp

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, cơ sở có đoàn kiểm tra về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với cơ sở của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quyết định số 184/QĐ-SNNMT ngày 18/4/2025 kiểm tra vào ngày 7/5/2025.

Nhận xét của đoàn kiểm tra như sau:

- Khách sạn Pearl River - Công ty TNHH H&H được Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải và các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường của đoàn kiểm tra đối với Công ty

- Nghiên cứu, thực hiện, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, các cam kết trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, nội dung

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368 /BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ TNMT; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Rà soát, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nộp về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định để đảm bảo thời điểm phải có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Biện pháp khắc phục:

- Cơ sở cam kết tìm hiểu, rà soát, thực hiện, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Cơ sở đang phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368 /BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ TNMT; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Cơ sở đã lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nộp về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định vào tháng 7/2025 để đảm bảo thời điểm có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty
TNHH H&H**

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ theo điểm h, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025, Công trình xử lý chất thải của cơ sở khi đề xuất cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần nên cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Chủ cơ sở không đề xuất quan trắc

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc theo Quyết định 24/2021/QĐ-UBND ngày 01/9/2021: Quyết định quy định giá dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết:

1. Những thông tin, số liệu, tài liệu nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Đối với các công trình bảo vệ môi trường:

2.1. Về thu gom xử lý nước thải:

- Định kỳ vệ sinh, nạo vét đường ống dẫn nước thải. Cam kết toàn bộ nước thải sinh hoạt, được thu gom xử lý triệt để, đảm bảo các quy định của pháp luật trước khi thải ra môi trường.

2.2. Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

2.3. Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

2.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Cam kết tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025./.

PHỤ LỤC

1. Giấy đăng ký doanh nghiệp, Giấy uỷ quyền
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
3. Giấy xác nhận quyết định phê duyệt ĐTM, giấy phép xả thải vào nguồn nước, bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm
4. Hợp đồng rác thải sinh hoạt, nguy hại
5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC
6. Văn bản kiểm tra về môi trường
7. Phiếu kết quả quan trắc định kỳ, báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024
8. Biên bản nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải
9. Sơ đồ vị trí xả thải, tổng mặt bằng thoát nước mưa, thải
10. Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường: bể phốt, bể tách mỡ, hệ thống xử lý nước thải

**Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khách sạn Pearl River thuộc Công ty
TNHH H&H**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200545272

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 12 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 05 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN H & H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H&H COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H&H CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

368 lịch tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253880888

Fax: 02253880688

Email: info@pearlriverhotel.vn

Website: www.pearlriverhotel.vn

3. Vốn điều lệ : 510.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HÙNG	Việt Nam	H11, BT8 khu đô thị Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	479.400.000.000	94,000	031069000001	

2	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Việt Nam	303 tổ 37 cụm 6, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000.000	2,000	031167000814
3	NGUYỄN THỊ HẢO	Việt Nam	305 cụm 6, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000.000	2,000	030653524
4	NGUYỄN THỊ HUỆ	Việt Nam	số 347 tổ 35 cụm 6, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000.000	2,000	031174004168

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 29/11/1969 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031069000001

Ngày cấp: 18/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: H11,BT8, KĐT Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: H11,BT8, KĐT Tây Hồ Tây, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

PH. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Lâm

CÔNG TY TNHH H&H
H&H CO., LTD
Số/No: 012024/UQH&H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2024
Hai Phong, December 20th 2024

GIẤY ỦY QUYỀN POWER OF ATTORNEY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
Pursuant to Civil Code 2015
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH H&H;
Pursuant to the Charter of H&H Co., Ltd;
- Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT Công ty;
To be based on the power and competence of Chairman of the Board of members of the company;

I. BÊN ỦY QUYỀN/ THE AUTHORIZER

Công ty TNHH H&H/H&H Co., Ltd

Địa chỉ: Số 368 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Address: No. 368 Lach Tray, Dang Giang Ward, Ngo Quyen District, Hai Phong City

Mã số doanh nghiệp/*Business code*: 0200545272

Đại diện bởi/ *Representative*:

Ông/ <i>Mr</i>	: Nguyễn Văn Hưng
Ngày sinh/ <i>Date of birth</i>	: 29/11/1969
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	: Việt Nam/ <i>Vietnamese</i>
CCCD số/ <i>Citizen ID No</i>	: 031069000001
Ngày cấp/ <i>Granted date</i>	: 18/9/2022
Nơi cấp/ <i>Place of issuance</i>	: Cục cảnh sát QLHC về TTXH : <i>Police Department for Administrative Management of Social Order.</i>
Chức vụ/ <i>Position</i>	: Chủ tịch Hội đồng thành viên : <i>Chairman of the Board of members of the company</i>

II. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PARTY

Bà/ <i>Mrs</i>	: Nguyễn Thị Hương
Ngày sinh/ <i>Date of birth</i>	: 05/8/1967
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	: Việt Nam/ <i>Vietnamese</i>
CCCD số/ <i>Citizen Identity Card</i>	: 031167000814
Ngày cấp/ <i>Granted date</i>	: 09/5/2021
Nơi cấp/ <i>Place of issuance</i>	: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH : <i>The police department for administrative management of social order</i>
Chức vụ/ <i>Position</i>	: Giám đốc Công ty TNHH H&H : <i>Director of H&H Co., Ltd</i>

III. PHẠM VI ỦY QUYỀN/ SCOPE OF AUTHORIZATION

3.1. Bên ủy quyền - bằng văn bản này ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền được thay mặt, đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện các giao dịch với các đối tác, ký kết Hợp đồng, văn bản cho Công ty theo phạm vi như sau:

The Authorizer hereby authorizes the Authorized Person on behalf of the Authorizer to perform transactions with partner, sign contracts and documents for the Company in the following scopes:

Được ký tất cả các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn đặt hàng, thanh lý hợp đồng và các văn bản pháp luật có liên quan đến Công ty TNHH H&H

Signed all contracts, appendices, orders, contracts of liquidation and other documents relating of H&H Co., Ltd.

3.2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày 20/12/2024 đến hết ngày 31/12/2026.

Time of authorization: From December 20th 2024 to December, 31th 2026.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN NHẬN ỦY QUYỀN/ RESPONSIBILITIES OF AUTHORIZED PARTY

Thực hiện các công việc được ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Công ty; báo cáo tình hình thực hiện công việc được ủy quyền cho Bên ủy quyền theo yêu cầu; không được ủy quyền lại khi chưa có sự chấp thuận của Bên ủy quyền.

Implement the work of authorization under provisions of Vietnamese law, regulations of the Company; report performance to the Authorizer as required; must not reauthorize without prior consent of the Authorizer.

V. QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL PROVISIONS

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2024, gồm 02 (hai) trang, song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt thì nội dung Tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng để giải thích và áp dụng.

This power of attorney takes effect from December 20th 2024, includes two pages, those are in both English and Vietnamese. In case of having any conflict between English and Vietnamese, the content of Vietnamese is used to interpret and apply.



BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

The Authorized Person

Nguyễn Thị Hương
Giám đốc/Director



BÊN ỦY QUYỀN

The Authorizer

Nguyễn Văn Hưng
Chủ tịch HĐQT/Chairman



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 091602

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất
Công ty Trách nhiệm hữu hạn H & H

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số:
2. Tờ bản đồ số:
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
4. Diện tích: 2.370,5 m².
Bằng chữ: Hai nghìn, ba trăm bảy mươi phẩy năm mét vuông.
5. Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 2.370,5 m².
 - + Sử dụng chung: Không m².
6. Mục đích sử dụng: Xây dựng khách sạn.
7. Thời hạn sử dụng: Lâu dài
8. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
(Nhận chuyển nhượng đất của Công ty TNHH thương mại Sao Đỏ).

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Ngày 06 tháng 4 năm 200

T. M. ỦY BAN NHÂN DÂN

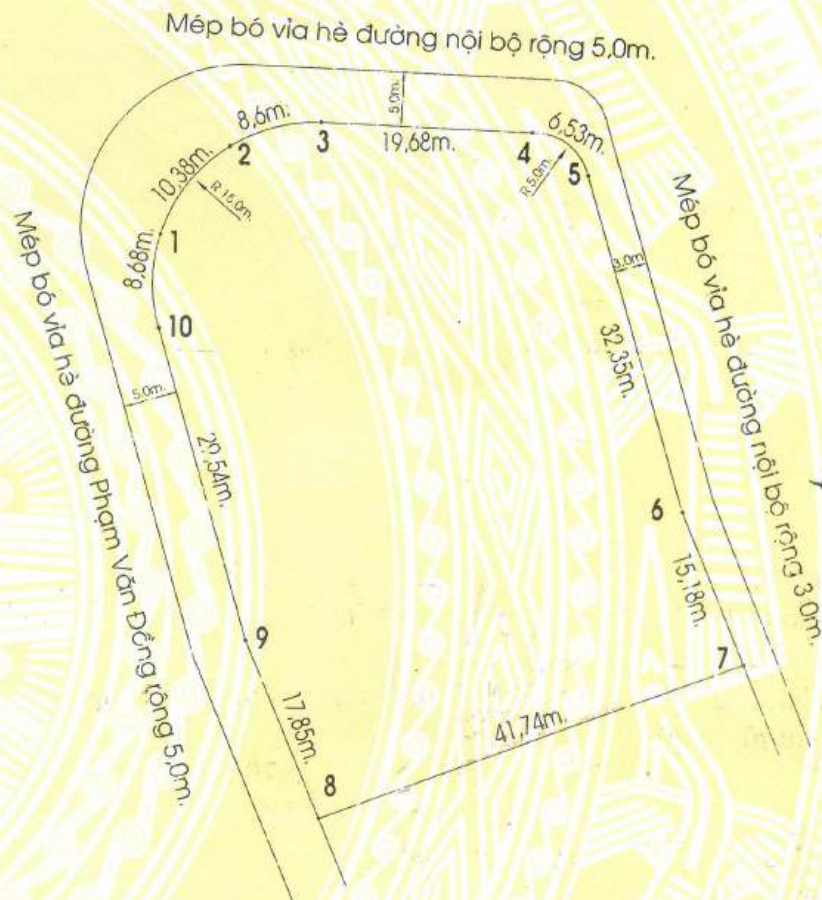


PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN THÀNH

KHÔNG ĐƯỢC ÉP PLASTIC

V- Sơ đồ thửa đất

Tỷ lệ: 1/700



Ngày 24 tháng 3 năm 2005

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Chu Mai

GIÁM ĐỐC
CHU MINH TUẤN

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01/2005

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN H&H

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số 0200545272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2001, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 27/12/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 368 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

CC 540974

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: Tờ bản đồ số: "00"
b) Địa chỉ: Lô C02, dự án xây dựng nhà ở Anh Dũng II, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
c) Diện tích: 1.418,0 m² (Một nghìn, bốn trăm mười tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ (Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn, văn phòng).
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất

2. Công trình xây dựng: -/-

3. Ghi chú:

Hải Phòng, ngày 02 tháng 3 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC

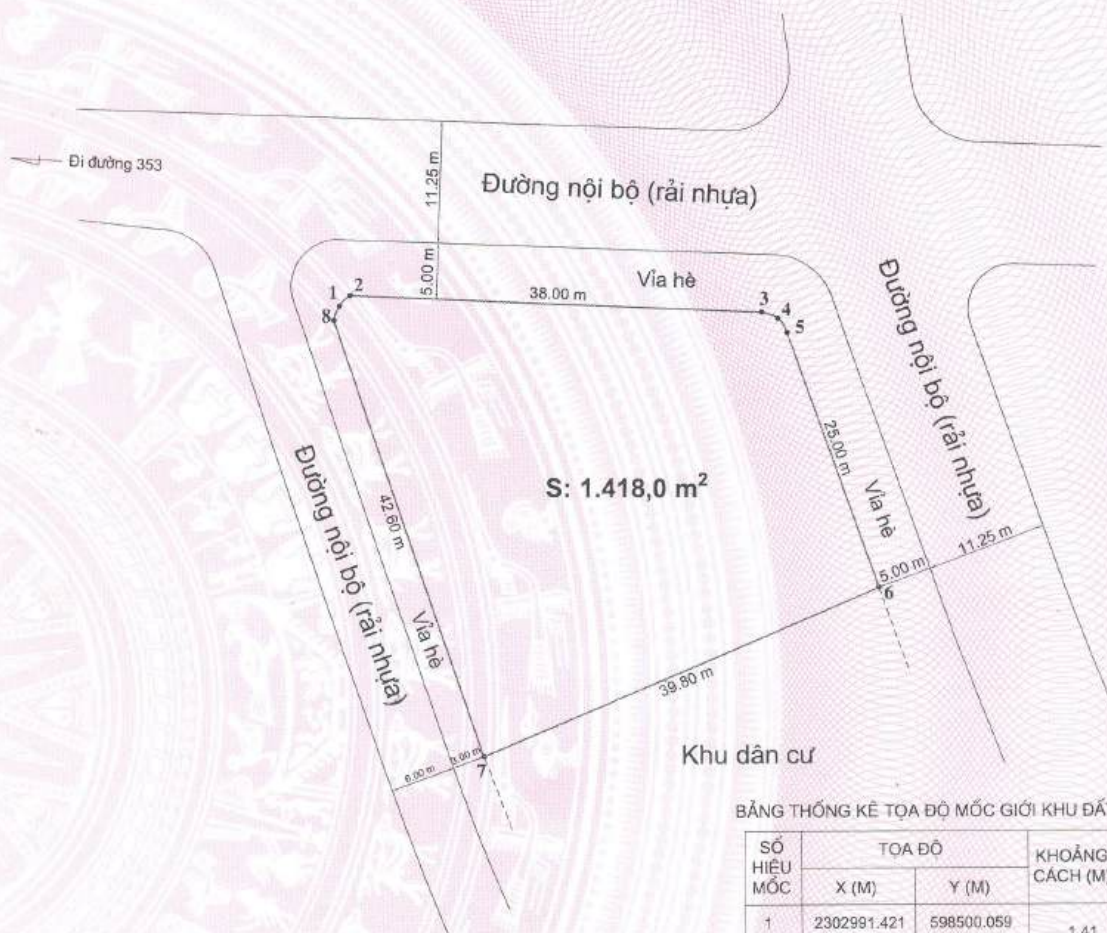


Phạm Quốc Ka

Số vào sổ cấp GCN: CT05014

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1 / 700



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC GIỚI KHU ĐẤT

SỐ HIỆU MỐC	TỌA ĐỘ		KHOẢNG CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2302991.421	598500.059	1,41
2	2302992.398	598501.077	38,00
3	2302990.660	598539.037	1,60
4	2302990.097	598540.530	1,60
5	2302988.761	598541.411	25,00
6	2302965.180	598549.714	39,80
7	2302949.692	598513.051	42,60
8	2302990.096	598499.549	1,41
1	2302991.421	598500.059	

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311168916000035

Số: 2990/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Khách sạn Pearlrivier giai đoạn II tại Dự án xây dựng nhà ở Anh Dũng II,
phường Anh Dũng, quận Dương Kinh do Công ty TNHH H&H làm Chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Điều: 8, 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định (thành lập tại Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố) họp ngày 10/10/2018 và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khách sạn Pearlrivier giai đoạn II tại Dự án xây dựng nhà ở Anh Dũng II, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh đã được Công ty TNHH H&H chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 05-18/CV-MT ngày 5/11/2018;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-STNMT ngày 07/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khách sạn Pearlrivier giai đoạn II tại Dự án xây dựng nhà ở Anh Dũng II, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh do Công ty TNHH H&H làm Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Dự án xây dựng nhà ở Anh Dũng II, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

- Diện tích: 3.788,5 m².

- Mục tiêu: Xây dựng khách sạn 5 sao.

- Quy mô, công suất: 228 phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án.

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các giải pháp chống ồn, chống rung, xử lý các loại khí thải, bụi đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thi công và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra; báo cáo chất lượng môi trường định kỳ với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Lập, phê duyệt và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án đến Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và Chữa cháy, Luật Xây dựng, Luật Tài nguyên nước, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật An toàn thực phẩm, Luật Du lịch và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương liên quan.

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chứng thực vào mặt sau của trang phụ bìa Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt gửi tới Chủ đầu tư một (01) bản, Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh một (01) bản, lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản kèm theo một (01) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu theo quy định;

- Quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định.

- Chủ trì cùng Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh có trách nhiệm căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh; Chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng; Giám đốc Công ty TNHH H&H và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- PCT Nguyễn Văn Thành;
- Tổng cục Môi trường;
- Như Điều 5;
- CVP, các PCVP;
- Các phòng NNTNMT, KTGSTĐKT;
- CV: MT, QH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành

Số: 3753/GP-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2020

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 13/10/2020 của Công ty TNHH H&H và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-STN&MT ngày 26/11/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH H&H, địa chỉ trụ sở chính tại Km8 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng được xả nước thải vào nguồn nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Lạch Tray, đoạn chảy qua địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

2. Vị trí xả nước thải:

- Cơ sở xả nước thải: Khách sạn Pearl River của Công ty TNHH H&H tại Km8 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh.

- Vị trí xả nước thải: tại hố ga trên vỉa hè phía sau Khách sạn Pearl River II, trước phía khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố, có tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiều 3°):
X (m) = 2302975.714; Y (m) = 598539.174

(Kèm theo Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước).

3. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24h).

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Nồng độ các thông số ô nhiễm phải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; hệ số K = 1,0). Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	
			C	C _{max} = C x 1
1	pH	-	5 – 9	5 – 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000

7. Thời hạn của Giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH H&H:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận nước thải:

a) Theo dõi lưu lượng xả nước thải hàng ngày theo chỉ số đồng hồ đo nước thải, cập nhật vào Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

b) Quan trắc chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải tại điểm xả thải có tọa độ:
X (m) = 2302975.714; Y (m) = 598539.174

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số và quy chuẩn áp dụng: Quy định tại Khoản 6 Điều 1 Giấy phép.

c) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước mặt sông Lạch Tray tại vị trí điểm tiếp nhận nước thải của cơ sở thuộc phường Anh Dũng, quận Dương Kinh có tọa độ: X (m) = 2303232.629; Y (m) = 598187.359

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số quan trắc theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B2)
1	pH	-	5,5-9
2	DO	mg/l	≥ 4
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	25
4	COD	mg/l	50
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,9
7	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	15
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	0,5
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,5
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	10.000

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh để theo dõi, giám sát. Cụ thể:

Trước ngày 15/12 hàng năm, lập Báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện các nội dung ghi trong Giấy phép, bao gồm: Thống kê lượng nước sạch sử dụng đầu vào; lượng nước xả hàng ngày, hàng tháng; tình hình thu gom, xử lý nước thải; đánh giá về chất lượng nước thải (đính kèm theo các Phiếu kết quả quan trắc chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận nước thải); tần suất quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận; các sự cố nước thải (nếu có).

4. Thường xuyên nạo vét, duy tu các công trình thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo thu gom 100% nước thải phát sinh để xử lý; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng thải luôn đạt quy định tại Giấy phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào trong nước thải không đạt yêu cầu quy định của Giấy phép, đồng thời phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Lưu giữ Giấy phép xả nước thải, Báo cáo xả nước thải, Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải; lưu giữ các thông tin, số liệu quan trắc nước thải, nước nguồn tiếp nhận định kỳ đúng quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

7. Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác.

8. Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép nếu vi phạm hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, Luật Tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan.

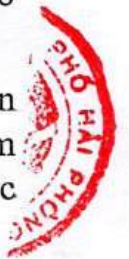
Điều 3. Công ty TNHH H&H được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Công ty TNHH H&H đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

2. Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh: Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Giấy phép xả nước thải và các cam kết của Công ty TNHH H&H đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

3. Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng đảm bảo việc tiêu thoát nước của Công ty vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo quy định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH H&H còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. Công ty TNHH H&H phải lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ. 

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng, Chủ tịch Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH H&H và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Giấy phép thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- CV: MT;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI CƠ SỞ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hải Phòng

Tên cơ sở: **Công ty trách nhiệm hữu hạn H & H**

Người đại diện: **Bà Nguyễn Thị Hương – Phó giám đốc**

Địa chỉ: **Số 368 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền,**
Thành phố Hải Phòng

Loại hình cung cấp/kinh doanh: **Dịch vụ ăn uống (Nhà hàng ăn uống)**

Địa chỉ/địa điểm kinh doanh: **KHÁCH SẠN PEARL RIVER**
Công ty trách nhiệm hữu hạn H & H
Km 8, đường Phạm Văn Đồng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: **0225.3880.888**

Fax: **0225.3880.688**

CAM KẾT

Thực hiện đúng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm trong cung cấp dịch vụ ăn uống và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật với những nội dung sau:

(1) Cơ sở tuân thủ đầy đủ các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, nguồn nước sạch để chế biến thức ăn, nước đá sạch...

(2) Chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến phải tuân thủ các quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Toàn

Số: **01/2021/BCK-ATTP**

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký & ghi họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 02./2023/HĐXLCT

Về việc “Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ vào luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005.

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số: 08/2022/NĐ – CP của chính phủ ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có 02 thành viên trở lên của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng.

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1- 2- 3.073.VX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/08/2021.

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH H & H và khả năng của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, Tại Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH H & H

Địa chỉ : Số 368 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Điện thoại : 0225.3880888

Mã số thuế : 0200545272

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Hương

Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

Địa chỉ : Thôn My Sơn, Xã Ngũ Lão, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Điện thoại : 02253.875.413

Fax: 02253.875.413

Mã số thuế : 0200575090

Số TK : 21252112055

Tại : Ngân hàng Agribank - chi nhánh Ngô Quyền Hải Phòng.

Đại diện : Bà Phạm Thị Toàn

Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển các loại chất thải nguy hại (có mã số quản lý chất thải nguy hại phù hợp với Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của bên B đã được Tổng cục Môi trường cấp) và việc thu gom vận chuyển của bên B phải theo đúng các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

1.3. Quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên B phải đảm bảo các điều kiện thực hiện dịch vụ dưới đây:

1.3.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Khách sạn Pearl River, địa chỉ: KM 8 đường Phạm Văn Đồng, Q. Dương Kinh, TP. Hải Phòng.

1.3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng có địa chỉ tại Khu vực Phía Tây Núi Thần Vi, Phường Minh Đức, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

1.3.3. Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện.

1.3.4. Số lượng hàng hóa:

- Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải dựa trên thỏa thuận giữa hai bên trước khi ký hợp đồng, khối lượng chất thải phát sinh của từng đợt giao nhận phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

- Khối lượng chất thải được tính theo thỏa thuận giữa hai bên.

1.3.5. Phương tiện thu gom và vận chuyển:

- Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển (Phương tiện tham gia vận chuyển chất thải cho bên A phải là phương tiện đăng ký ở giấy phép hành nghề quản lý CTNH đã được Tổng cục Môi trường cấp: Mã số QLCTNH 1-2-3-073.VX).

- Đối với chất thải nặng hoặc khó bốc xếp thì bên B phải bố trí phương tiện và nhân lực kết hợp cùng với bên A để đưa chất thải lên xe.

1.3.6. Nhân sự:

- Cán bộ làm việc với bên A phải là người được ủy quyền hợp pháp của bên B.

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán

2.1. Đơn giá

- Bên A đồng ý trả cho bên B số tiền trọn gói là: **10.000.000đ/năm** (Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn trên năm). Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên A không phát sinh chất thải hoặc không bàn giao chất thải cho bên B thì bên B sẽ không hoàn trả bên A số tiền trên.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

- Khi bên A phát sinh chất thải ngoài thỏa thuận thì hai bên cân đối và có báo giá đính kèm.

2.2. Phương thức thanh toán

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được chứng từ hợp lệ của bên B thì bên A phải thanh toán cho bên B.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán đầy đủ cho bên B theo thỏa thuận tại điều 2.
- Trước mỗi đợt giao nhận chất thải thì bên A báo trước cho bên B 48h để bên B bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển.
- Cử người hướng dẫn nội quy ra vào cơ sở của mình và xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thanh toán.
- Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để phối hợp giải quyết.
- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về những chất thải phát sinh của mình mà không bàn giao cho bên B xử lý.
- Bàn giao chất thải phát sinh đúng chủ hành nghề quản lý chất thải.
- Chuyển cho bên B Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (trong trường hợp có sổ đăng ký) hoặc giấy đăng ký kinh doanh và bộ chứng từ CTNH để bên B hoàn tất các thủ tục cho bên A. Sau khi bên B hoàn thiện chứng từ CTNH chuyển cho bên A, bên A có trách nhiệm giữ lại liên số 3, số 4 và gửi liên 1 cho bên B.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Gửi cho bên A bộ giấy phép xử lý (công chứng) còn giá trị để bên A trình cho cơ quan chức năng khi bên A có sự kiểm tra.
- Nhanh chóng bố trí phương tiện vận chuyển, nhân lực thu gom khi có yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình làm việc tại địa bàn bên A. Đồng thời chịu trách nhiệm nếu xảy ra sự cố cháy nổ, gây tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường trước bên A và pháp luật về quá trình vận chuyển, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải thu gom từ bên A.
- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng đã được cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Đảm bảo đúng các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.
- Sau khi bên B hoàn tất việc tiêu hủy chất thải bên B có trách nhiệm trả lại chứng từ quản lý đã xác nhận cho bên A. Đảm bảo bên B đã hoàn thành việc xử lý tiêu hủy chất thải của bên A.

Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng ký giữa Công ty TNHH H & H và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

- Khi hết hạn hợp đồng thì hai bên gặp nhau để gia hạn hợp đồng hoặc hợp đồng tự thanh lý sau khi mỗi bên đã hoàn thành trách nhiệm đối với bên kia.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Loan



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

o0o

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trộn gói)

Số: 83/2025/CTNH/PH-H&H

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 73/GPMT-BTNMT của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/03/2023;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 04 năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH H&H

Người đại diện : Bà Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 368 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Điện thoại : (0225) 3880888
Mã số thuế : 0200545272

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Hứa Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225.6508999
Mã số thuế : 0200867992
Tài khoản số : 02001010160203 tại Ngân hàng MSB CN Hải Phòng

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

1.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phát sinh từ quá trình hoạt động kinh



doanh của bên A. Chất nguy hại phát sinh của bên A phát sinh có trong danh mục giấy phép môi trường Số 73/GPMT-BTNMT của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và môi trường cấp ngày 24/3/2023.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu hủy các chất thải có trong danh mục của bên A và phù hợp với giấy phép của bên B để tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam theo danh mục dưới đây:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04
2	Ắc quy chì thải	19 06 01
3	Nước thải lẫn dầu hoặc thành phần nguy hại	15 02 12
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	1601 06

Điều 2: Địa điểm và thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển:

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của Bên A.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại nhà máy xử lý chất thải Minh Tân tại Khu đầm Ao La, xã Bạch Đằng, TP Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

2.3. Khối lượng giao nhận:

- Theo thỏa thuận giữa bên A và bên B và bằng biên bản xác nhận giữa hai bên.

2.4. Khối lượng giao nhận: ≤ 100 kg/1 lần thu gom;

2.5. Tần suất thu gom: 01 lần/năm. Thời gian cụ thể sẽ được 2 bên thỏa thuận và thống nhất.

2.6. Phương tiện vận chuyển và bốc xếp: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển, sắp xếp người để đưa chất thải lên xe.

Điều 3: Đơn giá và Phương thức thanh toán

3.1. Đơn giá thực hiện:

- Bên A trả cho bên B chi phí duy trì trọn gói là 12.000.000 đồng/năm (Bằng chữ Bằng chữ: Mười hai triệu đồng chẵn./.).

- Trong trường hợp, Bên A không có chất thải phát sinh thì Bên B sẽ không hoàn trả số tiền trên.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành.

- Trong trường hợp, Bên A không có chất thải phát sinh thì Bên B sẽ không hoàn trả số tiền trên. Nếu số lượng vượt quá 100 kg mỗi kg vượt đơn giá: 10.000 vnd/kg.



3.2. Phương thức thanh toán, loại hợp đồng:

- Loại hợp đồng: **Trọn gói**
- Bên A thanh toán bằng chuyển khoản.
- Bên A thanh toán phí thu gom tối thiểu 1 năm cho bên B sau khi ký kết hợp đồng này và bên B xuất hoá đơn GTGT cho bên A.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Hướng dẫn Bên A thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải tại khu vực lưu giữ chất thải của Bên A theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định và các văn bản có liên quan về xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của nhà nước Việt Nam hiện hành.
- Thông báo cho Bên A nếu có phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải để cùng phối hợp giải quyết.
- Bố trí nhân lực vận chuyển chất thải lên xe, phương tiện vận chuyển chuyên dụng và xử lý chất thải theo đúng quy định của hợp đồng.
- Tiếp nhận, vận chuyển chất thải đúng chủng loại, đúng khối lượng theo hợp đồng.
- Phối hợp với bên A trong việc cung cấp các thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Xuất hóa đơn GTGT cho Bên A theo quy định hiện hành.
- Cấp đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi thu gom và xử lý chất thải nguy hại của Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên A.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ chứa đựng và thực hiện việc chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo đúng pháp luật Việt Nam hiện hành về lưu giữ chất thải.
- Khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc thu gom, vận chuyển - xử lý chất thải được nhanh chóng, thuận lợi.
- Bên A phải báo trước thời gian, lịch vận chuyển cho bên B để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Cử người xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B. Trong trường hợp thanh toán không đúng hạn bên B có quyền ngừng cung cấp dịch vụ.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.



Điều 5: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

5.1. Bên B có quyền dừng cung cấp dịch vụ cho bên A khi bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ quá hạn được ký kết trong Thỏa thuận tín dụng giữa hai Bên. Trong trường hợp này, bên A có trách nhiệm thanh toán ngay theo qui định và chỉ khi bên B xác nhận việc thanh toán trên thì Hợp đồng mới được tiếp tục thực hiện.

5.2. Nếu Bên nào muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước cho Bên còn lại và hai Bên phải có xác nhận bằng văn bản, đồng thời hai bên tiến hành thanh quyết toán công nợ và ký biên bản thanh lý Hợp đồng làm văn bản chính thức cho phép Hợp đồng này được chấm dứt.

5.3. Nếu Bên nào đơn phương hủy bỏ Hợp đồng làm thiệt hại đến quyền lợi kinh tế của Bên còn lại thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên còn lại.

5.4. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc các biện pháp giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất cách giải quyết thì hai Bên sẽ đưa vụ việc ra Tòa án Kinh tế thành phố Hải Phòng, toàn bộ chi phí xét xử do Bên thua chịu.

5.5. Quyết định của Tòa án sẽ mang tính chung thẩm và có giá trị ràng buộc các Bên thi hành. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo qui định của Hợp đồng này.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng:

6.1. Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng này có giá trị **01 năm** kể từ ngày ký.

6.2. Hợp đồng này sẽ tự động được thanh lý khi hai Bên đã thanh quyết toán xong toàn bộ công nợ phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này.

6.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất kì phát sinh (cơ sở, mã chất thải, khối lượng,...) ngoài phạm vi hợp đồng sẽ được hai bên thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hương



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 6051/2024/HĐTĐ-VC

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND thành phố Hải Phòng “ về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng”;

Căn cứ Công văn số:7085/UBND-XD2 ngày 10/11/2020 của UBND thành phố Hải Phòng “V/v tiếp nhận chất thải rắn trên địa bàn các quận Đồ Sơn, Dương Kinh” và Công văn số:5734/SXD-HTKT ngày 17/11/2020 của Sở Xây dựng Hải Phòng “V/v phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại đầu nguồn trên địa bàn các quận Đồ Sơn, Dương Kinh và xử lý chất thải rắn sau khi phân loại”;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên. Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, thành phần chúng tôi gồm có:

1. Bên A: CÔNG TY TNHH H&H - KHÁCH SẠN PEARL RIVER

Do bà : Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện
Địa chỉ : Số 368 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
MST : 0200545272 Điện thoại: 02253.880888
Tài khoản : Tại

2. Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG & DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG.

Do Ông : Đỗ Phục Long Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện
Địa chỉ : Số 8 Vạn Sơn - Phường Hải Sơn - Quận Đồ Sơn - TP Hải Phòng
MST : 0200534908 Điện thoại: 0225.3561.115
Số Tài khoản : 117000009591 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Đông Hải Phòng.

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển toàn bộ rác thải sinh hoạt của Bên A mỗi ngày một lần từ ga tập kết rác của Bên A đến Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của Thành phố.

- Bên B không nhận vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp.

Điều 2. Giá trị của hợp đồng

Giá dịch vụ vệ sinh: 294.545,45/m³ (Chưa bao gồm thuế VAT)

Giá trị thanh toán:

Theo khối lượng thực tế: $15\text{m}^3/\text{tháng} \times 294.545,45\text{đ}/\text{m}^3 = 4.418.182 \text{ đồng /tháng}$
(Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm mười tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng)

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

- Thời hạn thanh toán: từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng;
- Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hóa đơn do Bên B phát hành, Bên A phải thực hiện việc thanh toán cho Bên B. Nếu quá thời hạn trên mà chưa thanh toán thì Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng và yêu cầu Bên A phải thanh toán dứt điểm số công nợ còn tồn đọng trước khi Hợp đồng được thực hiện lại.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1 Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết chất thải sinh hoạt của Bên A để thu gom, vận chuyển theo đúng nội dung của Hợp đồng.
- Cử đại diện tham gia cùng Bên B xác định khối lượng rác thải phát sinh tăng, giảm (nếu có).

5.2 Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A tự trang bị dụng cụ chứa rác thải. Thực hiện phân loại chất thải đầu nguồn, chứa đựng rác thải hữu cơ, nhựa, rác thải còn lại vào các thùng chứa riêng biệt. Không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp... vào chung với rác thải sinh hoạt như hợp đồng đã ký kết. Nếu để xảy ra tình trạng rác thải khác lẫn trong rác thải sinh hoạt, hai Bên sẽ lập biên bản sự việc và Bên B có quyền từ chối vận chuyển rác thải của Bên A ngày hôm đó mà Bên A không được quyền khiếu kiện gì.
- Chứa rác thải đã được phân loại vào các dụng cụ chứa đựng bằng xe gom rác hoặc thùng chứa rác (dung tích < 100 lít) và tập kết tại các ga chứa rác thuận lợi để phương tiện vận chuyển của Bên B dễ dàng vận chuyển rác ra khu xử lý.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

6.1 Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên A chứa đựng, tập kết chất thải sinh hoạt đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.
- Yêu cầu Bên A khắc phục các trở ngại để Bên B thực hiện công việc thu gom, xúc, vận chuyển rác được nhanh chóng, thuận lợi.
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không thanh toán đầy đủ chi phí thu gom, vận chuyển hoặc thành phần chất thải không đúng như hợp đồng đã ký kết.

- Bên B có quyền cử cán bộ kiểm tra giám sát cân đo khối lượng của Bên A và việc kiểm tra, giám sát không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên A.

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản hợp đồng này, lập biên bản nếu bên A vi phạm hợp đồng.

6.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ thu gom, xúc, vận chuyển chất thải sinh hoạt cho Bên A theo đúng nội dung của Hợp đồng.

- Đảm bảo việc an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy, nổ tại địa điểm thực hiện dịch vụ.

- Nếu phải ngừng cung cấp dịch vụ vì bất cứ lý do, sự cố gì thì phải thông báo cho Bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.

- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thoả thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Điều chỉnh hợp đồng:

Hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Nếu có sự thay đổi về mức giá dịch vụ thu gom vận chuyển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trước kỳ thu tiền của tháng kế tiếp nhưng không được chậm hơn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi mức giá dịch vụ thu gom của các cơ quan có thẩm quyền để cùng thực hiện theo mức giá mới.

- Nếu lượng rác của Bên A phát sinh (tăng hoặc giảm) so với lượng rác thải đã ký trong Hợp đồng này thì hai bên sẽ cùng nhau kiểm tra, xác nhận để điều chỉnh Hợp đồng theo lượng rác thực tế phát sinh bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 8. Thoả thuận chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và các điều khoản đã ghi trên Hợp đồng. Bên nào vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Hết thời gian thực hiện hợp đồng mà không còn vướng mắc gì và Bên A đã thanh toán đủ số tiền của Hợp đồng thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B



Đỗ Phục Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT

Số: 6051/2025/HĐTĐG-VC

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND thành phố Hải Phòng “ về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng”;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên. Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, thành phần chúng tôi gồm có:

1. Bên A: CÔNG TY TNHH H&H - KHÁCH SẠN PEARL RIVER

Do bà : Nguyễn Thị Hương Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện
Địa chỉ : Số 368 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
MST : 0200545272 Điện thoại: 02253.880888
Tài khoản : Tại



2. Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG & DỊCH VỤ DU LỊCH HẢI PHÒNG.

Do Ông : Đỗ Phục Long Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện
Địa chỉ : Số 8 Vạn Sơn - Phường Hải Sơn - Quận Đồ Sơn - TP Hải Phòng
MST : 0200534908 Điện thoại: 0225.3561.115
Số Tài khoản : 117000009591 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN- Chi nhánh Đông Hải Phòng.

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thoả thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển toàn bộ rác thải sinh hoạt đã phân loại của Bên A mỗi ngày một lần từ ga tập kết rác của Bên A đến Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của Thành phố.

- Bên B không nhận vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp.

Điều 2. Giá trị của hợp đồng

Giá dịch vụ vệ sinh: 294.545,45/m3 (Chưa bao gồm thuế VAT)

Giá trị thanh toán:

Theo khối lượng thực tế: $15\text{m}^3/\text{tháng} \times 294.545,45\text{đ}/\text{m}^3 = 4.418.182 \text{ đồng /tháng}$
(Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm mười tám ngàn, một trăm tám mươi hai đồng)

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

Hợp đồng có giá trị kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

- Thời hạn thanh toán: từ ngày 20 đến ngày 25 hàng tháng;
- Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hóa đơn do Bên B phát hành, Bên A phải thực hiện việc thanh toán cho Bên B. Nếu quá thời hạn trên mà chưa thanh toán thì Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng và yêu cầu Bên A phải thanh toán dứt điểm số công nợ còn tồn đọng trước khi Hợp đồng được thực hiện lại.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1 Bên A có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết chất thải sinh hoạt của Bên A để thu gom, vận chuyển theo đúng nội dung của Hợp đồng.
- Cử đại diện tham gia cùng Bên B xác định khối lượng rác thải phát sinh tăng, giảm (nếu có).

5.2 Bên A có các nghĩa vụ sau:

- Bên A tự trang bị dụng cụ chứa rác thải. Thực hiện phân loại chất thải đầu nguồn, chứa đựng rác thải hữu cơ, nhựa, rác thải còn lại vào các thùng chứa riêng biệt. Không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải xây dựng, rác thải y tế và rác thải công nghiệp... vào chung với rác thải sinh hoạt như hợp đồng đã ký kết. Nếu để xảy ra tình trạng rác thải khác lẫn trong rác thải sinh hoạt, hai Bên sẽ lập biên bản sự việc và Bên B có quyền từ chối vận chuyển rác thải không phân loại của Bên A ngày hôm đó mà Bên A không được quyền khiếu kiện gì.
- Chứa rác thải đã được phân loại vào các dụng cụ chứa đựng bằng xe gom rác hoặc thùng chứa rác (dung tích < 100 lít) và tập kết tại các ga chứa rác thuận lợi phương tiện vận chuyển của Bên B để dàng vận chuyển rác ra khu xử lý.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

6.1 Bên B có các quyền sau:

- Yêu cầu Bên A chứa đựng, tập kết chất thải sinh hoạt đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.
- Yêu cầu Bên A khắc phục các trở ngại để Bên B thực hiện công việc thu gom, xúc, vận chuyển rác được nhanh chóng, thuận lợi.
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không thanh toán đầy đủ chi phí thu gom, vận chuyển hoặc thành phần chất thải không đúng như hợp đồng đã ký kết.

- Bên B có quyền cử cán bộ kiểm tra giám sát cân đo khối lượng của Bên A và việc kiểm tra, giám sát không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên A.

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định việc thực hiện các điều khoản hợp đồng này, lập biên bản nếu bên A vi phạm hợp đồng.

6.2. Bên B có các nghĩa vụ sau:

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ thu gom, xúc, vận chuyển chất thải sinh hoạt cho Bên A theo đúng nội dung của Hợp đồng.

- Đảm bảo việc an toàn vệ sinh lao động, an toàn phòng chống cháy, nổ tại địa điểm thực hiện dịch vụ.

- Nếu phải ngừng cung cấp dịch vụ vì bất cứ lý do, sự cố gì thì phải thông báo cho Bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.

- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thỏa thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Điều chỉnh hợp đồng:

Hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Nếu có sự thay đổi về mức giá dịch vụ thu gom vận chuyển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trước kỳ thu tiền của tháng kế tiếp nhưng không được chậm hơn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi mức giá dịch vụ thu gom của các cơ quan có thẩm quyền để cùng thực hiện theo mức giá mới.

- Nếu lượng rác của Bên A phát sinh (tăng hoặc giảm) so với lượng rác thải đã ký trong Hợp đồng này thì hai bên sẽ cùng nhau kiểm tra, xác nhận để điều chỉnh Hợp đồng theo lượng rác thực tế phát sinh bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 8. Thỏa thuận chung:

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và các điều khoản đã ghi trên Hợp đồng. Bên nào vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng này thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự vi phạm của mình gây ra theo Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Hết thời gian thực hiện hợp đồng mà không còn vướng mắc gì và Bên A đã thanh toán đủ số tiền của Hợp đồng thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hương


ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Phục Long

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
 - Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
 - Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
 - Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:
-
Nguyễn Văn Hưng Chức vụ: Giám đốc.

đại diện cho: Công ty TNHH H & H
và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC-CATP Hải Phòng
lập ngày 01 tháng 02 năm 2008

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC-CATP HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN:

(2) KHÁCH SẠN PEARL RIVER

Thuộc: Công ty TNHH H & H

Địa chỉ: Khu Anh Dũng II, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Hải Phòng.

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật để:

Kinh doanh, dịch vụ khách sạn

Đồng thời ông/bà: Nguyễn Văn Hưng có trách nhiệm
duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của Phòng Cảnh sát PCCC-CATP
trong suốt quá trình hoạt động.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2008

(3) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

(Ký tên, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Th.S. Thượng tá: Phạm Gia Dân

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.

(2) Tên cơ sở hoặc phương tiện giao thông cơ giới.

(3) Chức danh người ký giấy.

Số: 109 /NT-PC07

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH H&H

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 33/TD-PCCC ngày 31/10/2018 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ngày 20/6/2021 của Công ty TNHH H&H.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Văn Hưng; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình: Khách sạn Pearl River 2 với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Km8, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH H&H.

Đơn vị thi công: - Công ty cổ phần xây dựng GM;

- Công ty cổ phần Bigcom;

- Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Duyên Hải.

Quy mô công trình: Khách sạn 02 tầng hầm, 16 tầng nổi (bao gồm 01 tầng lửng và 01 tầng mái) diện tích 1.418m².

- Tầng hầm 2 diện tích 1.418m² gồm: Bể nước, khu vực để xe;

- Tầng hầm 1 diện tích 1.418m² gồm: Phòng bơm, khu vực để xe, phòng thay đồ, bể xử lý nước thải, kho dụng cụ vệ sinh, phòng bảo trì;

- Tầng 1 diện tích 1.134m² gồm: Sảnh, khu vực minimart, phòng ăn, phòng máy phát điện;

- Tầng lửng tầng 1 diện tích 725m² gồm: Văn phòng;

- Tầng 2 diện tích 1.134m² gồm: Khu dịch vụ công cộng;

- Tầng 3 đến tầng 14 diện tích 1.134m² gồm: Các căn hộ;

- Tầng mái diện tích 443m² gồm: Phòng kỹ thuật.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Bậc chịu lửa; Giao thông phục vụ chữa cháy;

2. Khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan;

3. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;

4. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;

5. Hệ thống tăng áp buồng thang, buồng đệm thang máy;
6. Hệ thống hút khói cưỡng bức;
7. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy;
8. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
9. Phương tiện chữa cháy xách tay.

Các yêu cầu kèm theo:

- Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các yêu cầu ghi tại biên bản kiểm tra tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 29/6/2021;
- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020;
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07 (Đ2).

TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Hoàng Văn Bình

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC)

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Khách sạn Pearl River 2.

Địa chỉ: Km8, đường Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng;
- Ông Đặng Văn Lịch; Cấp bậc: Thượng tá; Chức vụ: Phó Trưởng phòng;
- Ông Lê Văn Phương; Cấp bậc: Trung tá; Chức vụ: Đội trưởng;
- Ông Phạm Anh Đức; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Phó Đội trưởng;
- Ông Nguyễn Xuân Anh; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Vũ Quang Vịnh; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Hoàng Sỹ Khái; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Nguyễn Văn Trang; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với:

- Công trình: Khách sạn Pearl River 2.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH H&H.
- Địa điểm xây dựng: Km8, đường Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH H&H:

- Ông Nguyễn Văn Hưng; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Hải Ba; Chức vụ: Trưởng ban dự án;
- Ông Lưu Đình Huân; Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật;
- Ông Nguyễn Thanh Đạt; Chức vụ: Tư vấn giám sát.

2. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục xây dựng): Công ty CP xây dựng GM:

- Ông Nguyễn Xuân Sáng; Chức vụ: Giám đốc;
- Ông Đặng Mai Vinh; Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

3. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục điện, chống sét, tăng áp, hút khói):
Công ty cổ phần Bigcom:

- Ông Trần Văn Duy; Chức vụ: Giám đốc;
- Ông Nguyễn Hữu Kiên; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.



Handwritten signature

4. Đại diện đơn vị thi công (hạng mục PCCC): Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Duyên Hải:

- Ông Nguyễn Hữu Minh; Chức vụ: Giám đốc;
- Ông Nguyễn Thành Đạt; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Kiểm tra nội dung của hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư cung cấp:

1. Hồ sơ thiết kế công trình Khách sạn Pearl River 2 do Công ty TNHH H&H làm chủ đầu tư đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 33/TD-PCCC ngày 31/10/2018 với các nội dung gồm:

- + Bậc chịu lửa; Khoảng cách an toàn PCCC;
- + Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- + Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- + Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý); Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống tăng áp buồng thang, buồng đệm thang máy;
- + Hệ thống hút khói cưỡng bức;
- + Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- + Hệ thống cấp nước chữa cháy; Phương tiện chữa cháy xách tay.

2. Công văn số 01/CV ngày 20/6/2021 của Công ty TNHH H&H gửi Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc đề nghị nghiệm thu về PCCC.

3. Hồ sơ hoàn công công trình gồm: Bản vẽ hoàn công, các biên bản nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu hoàn thành giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công, báo cáo thi công, hướng dẫn sử dụng, vận hành hệ thống thiết bị PCCC.

4. Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy:

- Số 10919/KĐ-PCCC-P7 ngày 07/8/2020 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với cửa chống cháy.

- Số 19031/KĐ-PCCC-P7 ngày 10/12/2020 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với lăng chữa cháy.

- Số 20620/KĐ-PCCC-P7 ngày 31/12/2020 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với đầu phun Sprinkler.

- Số 1032/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/01/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Số 2752/KĐ-PCCC-P7 ngày 05/3/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với vòi chữa cháy.

- Số 1075/KĐ-PCCC ngày 11/8/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với bình chữa cháy xách tay.

- Số 20/KĐ-PCCC ngày 07/01/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hồ Chí Minh cấp đối với tủ trung tâm, chuông, đèn, nút ấn báo cháy.

- Số 160/KĐ-PCCC ngày 12/8/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp đối với máy bơm chữa cháy.

5. Kết quả đo điện trở tiếp đất chống sét số 4120/KQTD-PKĐ2 ngày 24/10/2020 do Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hải Phòng tiến hành đo, giấy chứng nhận người đo, kiểm định phương tiện đo.

II. Kiểm tra thực tế tại hiện trường.

1. Đặc điểm kiến trúc công trình:

Công trình xây dựng độc lập, gồm 02 tầng hầm, 16 tầng nổi (bao gồm 01 tầng lửng và 01 tầng mái) diện tích 1.418m², kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, sàn, mái, cầu thang bê tông cốt thép. Các tầng bố trí như sau:

- Tầng hầm 2 diện tích 1.418m² gồm: Bể nước, khu vực để xe;

- Tầng hầm 1 diện tích 1.418m² gồm: Phòng bơm, khu vực để xe, phòng thay đồ, bể xử lý nước thải, kho dụng cụ vệ sinh, phòng bảo trì;

- Tầng 1 diện tích 1.134m² gồm: Sảnh, khu vực minimart, phòng ăn, phòng máy phát điện;

- Tầng lửng tầng 1 diện tích 725m² gồm: Văn phòng;

- Tầng 2 diện tích 1.134m² gồm: Khu dịch vụ công cộng;

- Tầng 3 đến tầng 14 diện tích 1.134m² gồm: Các căn hộ;

- Tầng mái diện tích 443m² gồm: Phòng kỹ thuật.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy.

- Công trình tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng và đường nội bộ khu dân cư; chiều rộng làn đường lớn hơn 3,5m, nền đường có kết cấu trải nhựa asphalt.

3. Lối thoát nạn.

- Tầng hầm 2 và tầng hầm 1: có 03 lối thoát gồm 01 đường dốc có độ dốc nhỏ hơn 9,5° và 02 lối theo 02 buồng thang bộ lên tầng 1 thoát ra ngoài nhà tại tầng 1, được ngăn cách với phần còn lại của buồng thang bộ bằng tường gạch.

- Tầng 1: phòng máy phát điện 1, 2, phòng kỹ thuật điện có lối thoát trực tiếp ra ngoài qua cửa bản lề hướng mở xuôi chiều thoát nạn. Các khu vực còn lại thoát nạn qua 02 cửa bản lề hướng mở xuôi chiều thoát nạn.

- Tầng lửng tầng 1 xuống tầng 1: có 02 lối thoát nạn qua 02 buồng thang bộ.

- Tầng 2 xuống tầng 1: có 02 lối thoát nạn qua 01 buồng thang bộ (là buồng thang bộ đi từ tầng mái xuống tầng 1) và 01 cầu thang bộ trong nhà, để hồ.

- Tầng mái xuống tầng 2: có 02 lối thoát nạn qua 02 buồng thang bộ.

- 01 buồng thang bộ đi từ tầng hầm 2 lên tầng 1, 01 buồng thang bộ đi từ tầng mái xuống tầng 1, 01 buồng thang bộ đi từ tầng mái xuống tầng 2 đi qua buồng đệm, buồng đệm và buồng thang nêu trên được tạo áp suất không khí dương khi có cháy. Cầu thang thoát nạn là loại cầu thang có chiều nghỉ, không phải loại xoắn ốc, rẽ quạt. Cửa thoát nạn mở theo chiều lối thoát nạn, kích thước thang, cửa đảm bảo yêu cầu thoát nạn. Cửa buồng thang, buồng đệm thang bộ, buồng đệm thang máy là cửa chống cháy EI70 có cơ cấu tự đóng.

- Thang máy chữa cháy có cửa sập khẩn cấp trên nóc cabin, đi từ tầng mái xuống tầng 1 trong thời gian dưới 60 giây, trước lối vào thang máy chữa cháy có buồng đệm được tạo áp suất không khí dương khi xảy ra cháy.

4. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Bên trong tòa nhà, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

5. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý).

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện của thành phố qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các tầng, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho trạm bơm chữa cháy.

- Tủ điện được nối đất an toàn. Dây điện ruột đồng, cách điện XLPE/PVC được luồn trong ống bảo vệ, đi ngầm tường

- Cửa phòng kỹ thuật điện tại các tầng là cửa chống cháy EI70.

- Đường điện đi xuyên qua sàn các tầng được chèn bịt kín.

- Tại công trình có trang bị 02 máy phát điện dự phòng có công suất 750KVA và 800KVA đảm bảo cấp điện cho toàn bộ công trình qua bộ tự động chuyển đổi nguồn ATS. Khu vực 02 máy phát điện tại tầng 1 có đê ngăn tràn dầu khi xảy ra sự cố.

6. Hệ thống thông gió thoát khói.

- Tòa nhà lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức với:

+ 01 quạt hút khói hành lang tầng 2 đến tầng mái có lưu lượng $Q=31.400 \text{ m}^3/\text{h}$.

+ Tầng hầm 1: 01 quạt hút khói có lưu lượng $Q=64.000 \text{ m}^3/\text{h}$, 02 quạt đuổi gió có lưu lượng $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

+ Tầng hầm 2: 01 quạt hút khói có lưu lượng $Q=64.000 \text{ m}^3/\text{h}$, 04 quạt đuổi gió có lưu lượng $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Khi có cháy, các cửa hút khói được điều khiển bằng 2 cách: nút ấn bật tắt và tín hiệu báo cháy. Diện tích cho 01 cửa hút khói phục vụ không quá 900m^2 .

- Các cửa hút khói bố trí cách nhau không quá 30m. Cửa thải khói bố trí trên mái nhà, thải khói trực tiếp ra ngoài.

7. Hệ thống tăng áp buồng thang.

- Trong công trình lắp đặt 02 quạt tăng áp cho thang bộ, 02 quạt tăng áp cho buồng đệm thang bộ và 02 quạt tăng áp cho giếng thang máy. Lưu lượng 02 quạt tăng áp thang bộ $Q=40.200\text{m}^3/\text{h}$, 02 quạt tăng áp buồng đệm thang bộ từ tầng 1 đến tầng mái và từ tầng 2 đến tầng mái $Q=24.000\text{m}^3/\text{h}$, 01 quạt tăng áp giếng thang máy và buồng đệm thang máy $Q=24.000\text{m}^3/\text{h}$; 01 quạt tăng áp giếng thang máy $Q=22.400\text{m}^3/\text{h}$. Khi có cháy, các quạt tăng áp tự động vận hành khi có tín hiệu khởi động từ hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống điện cho các quạt tăng áp được lấy tại tủ điện tổng của công trình và có nguồn điện dự phòng từ máy phát điện.

8. Hệ thống chống sét.

- Tại công trình lắp đặt hệ thống chống sét với 01 kim thu sét tia tiên đạo trên mái tòa nhà, chiều cao so với mái là 5m, bán kính bảo vệ 30m. Các thiết bị của hệ thống chống sét được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

9. Hệ thống báo cháy tự động.

- Tủ trung tâm báo cháy 06 loop, đặt tại phòng trực PCCC tại tầng 1 (nơi có người thường trực 24/24h). Trung tâm báo cháy được nối đất an toàn.

- Tòa nhà lắp đặt đầu báo cháy khói và đầu báo cháy nhiệt. Các đầu báo cháy được lắp đặt dưới trần giả.

- Cấp tín hiệu của hệ thống báo cháy: Cấp $2 \times 1\text{mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

10. Hệ thống chữa cháy.

10.1. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho tòa nhà.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước là đường ống thép có đường kính D100.

- Các đầu phun Sprinkler là đầu hướng lên, hướng xuống và hướng ngang.

- Khoảng cách giữa các đầu phun sprinkler với nhau và đến tường đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

10.2. Hệ thống cấp họng nước chữa cháy trong và ngoài nhà.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường kết nối chung với hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt 02 họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng của công trình. Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí ở nơi dễ thấy, dễ sử dụng. Tại vị trí các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 02 cuộn vòi D50, 02 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ. Phía ngoài nhà có 01 họng tiếp nước từ xe chữa cháy.

- Cách công trình dưới 150m có trụ nước chữa cháy thành phố.

10.3. Màn ngăn cháy Drencher bằng nước.

- Lắp đặt màn ngăn cháy Drencher bằng nước ở khu vực đường dốc của tầng hầm 2 và tầng hầm 1. Màn ngăn cháy Drencher đã kết nối liên động với hệ thống báo cháy tự động để khởi động khi xảy ra cháy.

- Đường ống của hệ thống làm bằng thép, có đường kính D100.

- Các đầu phun hờ được lắp đặt thành 02 dải cách nhau 0,5m, bố trí so le và cách nhau 2m trên một dải. Độ dài của dải là 6m/dải.

10.4. Trạm bơm chữa cháy.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước, màn ngăn cháy Drencher bằng nước và hệ thống họng nước chữa cháy vách tường kết nối chung một trạm bơm chữa cháy gồm 02 máy bơm chữa cháy động cơ điện có $Q=2000-6000$ lít/phút $=120-360m^3/h$, $H=93,9-73,2m$, 01 máy bơm điện bù áp có $Q=40-170$ lít/phút $=2,4-10,2m^3/h$, $H=123-61m$ và 01 bình tích áp 500 lít. Các máy bơm chữa cháy được bố trí tại phòng bơm riêng biệt tại tầng hầm, có lối thoát ra ngoài trực tiếp tại tầng 1.

- Nguồn cấp điện cho máy bơm là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực và từ máy phát điện dự phòng.

- Đã niêm yết quy trình vận hành hệ thống cấp nước chữa cháy.

10.5. Nguồn nước phục vụ chữa cháy.

- Bể nước chữa cháy đặt ngầm có khối tích $307m^3$. Ngoài ra còn có bể nước trên mái khối tích $42m^3$ được nối thông với bể nước chữa cháy bằng đường ống D100 có thể bổ sung nước khi có sự cố xảy ra.

11. Phương tiện chữa cháy xách tay.

- Công trình được trang bị 68 bình chữa cháy loại bình bột ABC MFZL4, 34 bình khí CO_2 MT3.

12. Phương tiện cứu người và bảo hộ chống khói.

- Trang bị búa, rìu, kim, một số mặt nạ phòng độc tại phòng trực điều khiển chống cháy tại tầng 1.

III. Tiến hành thử nghiệm:

1. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

- Trong điều kiện bình thường chỉ có đèn chỉ dẫn thoát nạn sáng.

- Khi ngắt nguồn điện lưới cấp cho các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn thấy các đèn đều sáng.

2. Hệ thống điện (Sơ đồ nguyên lý).

Ngắt và bật cầu dao của từng hệ thống: Quan sát thấy hệ thống được ngắt, bật theo đúng sơ đồ phân nhánh theo nội dung thiết kế.

3. Hệ thống chống sét.

- Kết quả đo điện trở tiếp đất chống sét số 4120/KQTD-PKD2 ngày 24/10/2020 do Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hải Phòng tiến hành đo với kết quả đạt yêu cầu.

4. Hệ thống báo cháy tự động:

Thử nghiệm hoạt động thiết bị ở 2 chế độ:

4.1. Chế độ thường trực:

- Kiểm tra tín hiệu báo sự cố (đứt dây, chập mạch, báo nguồn) của tủ trung tâm báo cháy tự động.

- Chế độ thường trực của các đầu báo cháy, nút ấn, chuông.

4.2. Chế độ báo cháy:

- Đầu báo cháy nhiệt: Thổi hơi nóng vào các đầu báo cháy nhiệt.

- Đầu báo cháy khói: Tạo đám cháy giả bằng khói tại vị trí lắp đặt đầu báo cháy.

- Kích hoạt các vị trí nút ấn báo cháy trực tiếp tại các đầu báo cháy ở các khu vực của công trình.

Nhận xét sau thử nghiệm:

- Các đầu báo cháy: Thời gian nhận và truyền tín hiệu báo cháy từ các vị trí thử nghiệm về tủ trung tâm khoảng 10 giây, nhanh, đạt yêu cầu.

- Các nút ấn, chuông báo cháy: Tín hiệu báo động nhanh, rõ và đạt yêu cầu.

5. Hệ thống tăng áp và hút khói.

5.1. Kiểm tra bằng liên động với hệ thống báo cháy tự động.

- Kiểm tra sự hoạt động của quạt hút khói hành lang, quạt cấp khí tươi buồng thang bộ bằng các nút ấn báo cháy thấy các quạt hoạt động bình thường. Các thang

máy tự chuyển xuống tầng 1 và không tiếp tục hoạt động. Thang máy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ vẫn hoạt động bình thường.

- Kích hoạt lần lượt các đầu báo cháy nhiệt và đầu báo cháy khói hoạt động, thấy khi có tín hiệu báo cháy sau 30 giây thì hệ thống quạt cấp khí tươi cho buồng đệm thang bộ, buồng đệm thang máy tự hoạt động. Đồng thời quạt hút khói hành lang cũng tự hoạt động.

- Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống hút khói tại các tầng bằng nút ấn báo cháy và tín hiệu báo cháy tại các tầng thấy sau khi có tín hiệu báo cháy 20 giây thì các quạt hoạt động.

- Tạo khói vào hành lang sau đó khởi động hệ thống tăng áp buồng thang bộ, thang máy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, quạt hút khói thấy không khí được cấp vào các buồng đệm thang bộ qua miệng xả khí tươi, khói từ khu vực hành lang không bị tràn vào buồng thang bộ đồng thời khói bị hút vào hệ thống hút khói qua các cửa hút khói lắp đặt phía dưới trần hành lang.

5.2 Kiểm tra bằng nút ấn khởi động trực tiếp.

- Kiểm tra sự hoạt động của quạt hút khói bằng các nút ấn khởi động trực tiếp thấy các quạt hoạt động bình thường.

6. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

6.1. Máy bơm nước chữa cháy:

- Vận hành máy bơm chữa cháy trường hợp:

- + Hoạt động của máy bơm khi không tải: Bơm có hoạt động.

- + Hoạt động của máy bơm khi có tải (bơm và xả nước qua các họng nước chữa cháy vách tường).

6.2. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước:

- Thử nghiệm xác suất đầu phun nước Sprinkler: bằng cách thổi hơi nóng vào đầu phun Sprinkler, đầu phun Sprinkler vỡ và phun nước, bán kính phun nước của đầu sprinkler khoảng 2,0m.

- * Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

6.3. Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà:

- Vòi chữa cháy, lăng phun chữa cháy: Vòi chữa cháy không bị bụi, liên kết giữa vòi chữa cháy và lăng chữa cháy bằng khớp nối nhanh đảm bảo theo quy định.

- Tầm phun xa đầu lăng của tia nước đặc > 6m;

- Áp lực đồng hồ trong trạm bơm khi sử dụng > 5KG/cm².

6.4. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà:

- Dùng dụng cụ mở van trụ nước chữa cháy thành phố thấy nước ra đều.

6.5. Màn ngăn cháy Drencher bằng nước:

- Thử nghiệm khởi động hệ thống màn ngăn cháy Drencher bằng nước, bằng tay qua van mở nhanh, bán kính phun nước của mỗi đầu phun khoảng 2,5m, tạo thành một màn nước.

* Nhận xét sau thử nghiệm:

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của máy bơm, các thiết bị lắp đặt trong chế độ thường trực chữa cháy đảm bảo.

7. Phương tiện chữa cháy xách tay:

- Thử phun 02 bình chữa cháy bất kỳ vào đám cháy có diện tích 1m² (kích thước 1mx1m) thấy đám cháy được dập tắt hoàn toàn sau thời gian khoảng 05 giây.

IV. Kết luận:

1. Bậc chịu lửa: Nhà có bậc I chịu lửa;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đạt yêu cầu;
3. Khoảng cách an toàn PCCC: Đạt yêu cầu;
4. Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan: Đạt yêu cầu;
5. Lối thoát nạn: Đạt yêu cầu;
6. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Đạt yêu cầu;
7. Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý): Đạt yêu cầu;
8. Hệ thống chống sét: Đạt yêu cầu;
9. Hệ thống tăng áp buồng thang, buồng đệm thang máy: Đạt yêu cầu;
10. Hệ thống hút khói cưỡng bức: Đạt yêu cầu;
11. Hệ thống báo cháy tự động: Đạt yêu cầu;
12. Hệ thống cấp nước chữa cháy: Đạt yêu cầu;
13. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước: Đạt yêu cầu;
14. Phương tiện chữa cháy xách tay: Đạt yêu cầu.

V. Yêu cầu:

1. Hoàn thiện giải pháp bọc bảo vệ hoặc làm bằng vật liệu không cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI30 cho đường ống của hệ thống hút khói.

2. Chủ đầu tư phải nghiên cứu các văn bản pháp luật về PCCC ban hành sau thời điểm Khách sạn được thẩm duyệt thiết kế về PCCC như: Quy chuẩn xây dựng QCVN 06:2020; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an để bổ sung các giải pháp PCCC; Thực hiện số hóa dữ liệu về PCCC; Lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy sớm và bổ sung các lối vào khách sạn từ trên cao... đúng thời hạn quy định chuyển tiếp trong các văn bản pháp luật nêu trên.

3. Đơn vị thi công phải hướng dẫn và bàn giao quy trình vận hành, sử dụng các phương tiện PCCC đã trang bị cho chủ đầu tư, đơn vị sử dụng.

4. Chủ đầu tư, đơn vị sử dụng phải thực hiện đúng quy định về bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng hệ thống PCCC theo quy định.

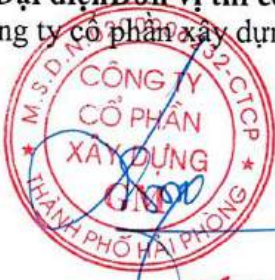
5. Chủ đầu tư phải thiết lập hồ sơ quản lý công tác PCCC, và thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020, hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2021 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày gồm 09 trang, được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.


Đại diện Chủ đầu tư
CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Hưng


Đại diện Đoàn kiểm tra
TRƯỞNG PHÒNG
Đại tá Hoàng Văn Bình

Đại diện Đơn vị thi công
(Công ty cổ phần xây dựng GM)


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Sảng

Đại diện Đơn vị thi công
(Công ty cổ phần Bigcom)


GIÁM ĐỐC
Trần Văn Duy

Đại diện Đơn vị thi công
(Công ty TNHH thiết bị PCCC Duyên Hải)


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Minh

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Pearl River - Công ty TNHH H&H

Thực hiện Quyết định số 405/QĐ.-UBND ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-SNNMT ngày 18/4/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Pearl River - Công ty TNHH H&H.

Vào 08 giờ 00 ngày 07/5/2025, Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 184/QĐ-SNNMT ngày 18/4/2025 tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Pearl River - Công ty TNHH H&H.

- Địa chỉ: Km8 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0225.3880.888

I. Thành phần

1. Đoàn kiểm tra:

- Bà Đỗ Thị Hương, Phó Trưởng phòng Quản lý môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phó Trưởng đoàn (được Ông Phạm Văn Thuận, Trưởng đoàn ủy quyền);

- Bà Đỗ Thị Loan Oanh, Chuyên viên Phòng Quản lý môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thư ký;

- Ông Nguyễn Văn Tiếp - PTP Phòng Quan trắc và Phân tích môi trường, Trung tâm Quan trắc môi trường;

- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận Dương Kinh;

- Ông Thiều tá Trương Bá Mạnh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường (PC03), Công an thành phố;

- Đại diện các cơ quan, đơn vị có mời nhưng vắng mặt: Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; phường Anh Dũng.

2. Đại diện cơ sở được kiểm tra: Công ty TNHH H&H (sau đây gọi là Công ty).

- Bà Nguyễn Thị Hương - Giám đốc Công ty (được Ông Nguyễn Văn Hưng - Chủ tịch Hội đồng thành viên đại diện ủy quyền theo pháp luật của Công ty ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 012024/UQH&H ngày 20/12/2024);

- Ông Trịnh Văn Tuyển - Trưởng phòng Nhân sự;

- Ông Lưu Đình Huân - Trưởng phòng Kỹ thuật.

II. Nội dung kiểm tra

Trên cơ sở Biên bản kiểm tra (thu thập tài liệu, hồ sơ pháp lý) ngày 24/4/2025 tại Công ty, hôm nay Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty theo quy định (Công ty có Báo cáo số 022025/BC-H&H ngày 05/5/2025 gửi Đoàn kiểm tra). Kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0200545272 đăng ký lần đầu ngày 17/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

- Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 161 người.

- Thời gian đi vào hoạt động của Khách sạn Pearl River: ngày 15/6/2008.

- Quy mô hoạt động: Khách sạn Pearl River có 02 tòa (Pearl River I; Pearl River II), 112 phòng lưu trú (phòng lưu trú tòa 1), 02 nhà hàng, 01 quầy bar, 01 bể bơi, 03 phòng hội nghị; 01 khu vực spa, 01 phòng trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài. Diện tích đất sử dụng: 3.788,5 m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 091602 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp ngày 24/03/2005 với diện tích là 2.370,5 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 540974 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp ngày 02/3/2016 với diện tích 1.418 m².

- Lượng nước sử dụng: Năm 2023: 6.900 m³, năm 2024: 8.272 m³, 03 tháng đầu năm 2025: 2.090 m³. Nguồn cung cấp từ Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

- Lượng điện sử dụng: Năm 2023: 1.493.591 kW; năm 2024: 1.487.891 kW; 03 tháng đầu năm 2025: 328.178 kW. Nguồn cung cấp từ Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

- Hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước thải bể bơi:

TT	Loại hóa chất	Năm 2023	Năm 2024	Từ năm 2025 đến nay
1	Clorin Nhật	20kg	0	Từ đầu năm 2025 đến nay do bể bơi chưa hoạt động nên không phát sinh lượng hóa chất sử dụng.
2	Clorin Ấn Độ	145 kg	189 kg	
3	Javen 12%	370 lít	555 lít	
4	HCL 34%	385 lít	410 lít	
5	NAOH	25kg	25 kg	

2. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

- Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 06/GCN-UBND ngày 09/05/2008 do UBND quận Dương Kinh cấp.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 116/2015SDK-STNMT do Sở Tài nguyên & Môi trường Hải Phòng cấp ngày 15/7/2015.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số: 2990/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND do UBND Hải Phòng cấp ngày 10/12/2020. Thời hạn 05 năm (đến ngày 10/12/2025).
- Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường theo hóa đơn tiền nước sạch.
- Công ty đã có Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, 2024 theo pháp luật quy định.

3. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp giảm thiểu, theo Báo cáo của Công ty:

3.1. Về nước thải:

- Thành phần, khối lượng phát sinh: thành phần phát sinh là nước thải sinh hoạt với khối lượng nước thải trung bình 20 m³/ngày, khối lượng nước thải lớn nhất là 30 m³/ngày. Công ty đã xây dựng và đang vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 200m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được bơm ra ngoài hồ ga xả thải thuộc đường thoát nước của khu vực và chảy ra sông Lạch Tray.

- Biện pháp giảm thiểu: toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 200 m³/ngày đêm đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

- Về giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP

ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện quan trắc: năm 2023 quan trắc 02 đợt (đợt 1: tháng 5/2023; đợt 2: tháng 12/2023), năm 2024 quan trắc 02 đợt (đợt 1: tháng 8/2024; đợt 2: tháng 12/2024). Kết quả quan trắc nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

3.2. Về khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải của Công ty không đáng kể, chủ yếu từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp ăn của nhà hàng; hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khách sạn.

- Biện pháp giảm thiểu: Công ty đã bố trí cán bộ kỹ thuật vận hành và định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị theo đúng quy định.

3.3. Về chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: thành phần chất thải bao gồm giấy vụn, giấy văn phòng, bìa carton, vỏ đồ hộp, túi nilon đựng thức ăn, vỏ đựng hoa quả thừa, vỏ rau củ quả,... với khối lượng năm 2023 là 18,2 tấn, năm 2024 là 19.8 tấn và từ đầu năm 2025 đến nay khoảng 5,2 tấn.

+ Biện pháp giảm thiểu: Công ty đã bố trí 01 kho chứa rác sinh hoạt đặt tại phía sau khách sạn, có diện tích khoảng 09m². Công ty ký hợp đồng số: 6051/2023/HĐTG-VC ngày 01/01/2023; 6051/2024/HĐTG-VC ngày 02/01/2024; 6051/2025/HĐTG-VC ngày 02/01/2025 với Công ty CP Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng để thu gom, vận chuyển hàng ngày về bãi rác thành phố để xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại:

+ Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: thành phần chất thải bao gồm: Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại; Hộp đựng dầu mỡ thải; Bóng đèn huỳnh quang hỏng; Pin thải, ắc quy; Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; Mực in thải ... với khối lượng năm 2023 là 0 kg, năm 2024 và 2025 (từ tháng 6/2024 đến tháng 4/2025) 98 kg.

+ Biện pháp giảm thiểu: toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động kinh doanh của khách sạn được thu gom, tập kết vào kho chứa chất thải nguy hại của khu Khách sạn tòa Pearl I, có diện tích khoảng 03m². Mỗi thùng chứa có ghi đầy đủ tên, mã, dấu hiệu cảnh báo, trạng thái tồn tại của từng loại chất thải nguy hại phát sinh.

Công ty đã ký hợp đồng số 0301/2023/HĐXLCT ngày 03/01/2023 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng và ký Hợp đồng số 83/2025/CTNH/PH-H&H ngày 11/4/2025 với Công ty cổ phần Thương mại & Dịch vụ Kho vận Phú

Hung để thu gom, vận chuyển, xử lý và cung cấp chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại tháng 4 năm 2025.

3.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không

3.5. Các nội dung khác (nếu có): không.

4. Nhận xét ban đầu của Đoàn kiểm tra:

- Khách sạn Pearl River - Công ty TNHH H&H được Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải và các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

5. Ý kiến của chính quyền địa phương:

Từ năm 2023 đến nay, Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh và Ủy ban nhân dân phường Anh Dũng không nhận được đơn thư, kiến nghị về việc gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty

- Nghiên cứu, thực hiện, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, các cam kết trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận, nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

- Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368 /BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ TNMT; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Rà soát, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và nộp về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định để đảm bảo thời điểm phải có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ý kiến của Công ty:

Công ty nhất trí với nội dung nhận xét và yêu cầu của Đoàn kiểm tra; cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

Biên bản được lập thành 03 bản tại địa điểm hoạt động của Công ty, kết thúc lúc 11 giờ 30 cùng ngày, Đoàn kiểm tra giữ 02 bản và Công ty giữ 01 bản được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.



CHỦ CƠ SỞ

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**

**THƯ KÝ
ĐOÀN KIỂM TRA**

Nguyễn Thị Hương
GIÁM ĐỐC

[Signature]

[Signature]

Đỗ Thị Hương

Đỗ Thị Loan Oanh

CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Thị Thanh Huyền

[Signature]

Trần Bá Mạnh



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.971/30.05.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH H&H
- Địa chỉ : Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Khách sạn Pear River Hải Phòng – Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 14/05/2025
- Thời gian phân tích : 14/05/2025 đến 30/05/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT1)	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	53	100
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	374	1.000
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	36	50
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,50	10
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,16	4
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,18	6
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,82	50
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	20
10.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,46	10
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT1: Nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường. Tọa độ: X(m) = 2302975; Y(m) = 598539.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.



Hải Phòng, ngày 30 tháng 05 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Thanh
GIÁM ĐỐC

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



QUÂN CHŨNG HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: **Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng**
Điện thoại: **0225.3814019** Fax: **0225.3814017** Email: **memac@vnn.vn**

Số: 0098.2025/608-KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: *Khách sạn PearlRiver*
Địa chỉ: *Vòng xuyên cầu rào 2, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng*.....
Tên mẫu thử: *Không khí xung quanh* Số lượng mẫu: *05*
Ngày quan trắc, lấy mẫu: *10/6/2025*..... Ngày phân tích mẫu: *10/6/2025 ÷ 17/6/2025*
Vị trí lấy mẫu:

K1: Không khí tại sảnh ra vào Khách sạn PearlRiver I (N20°49'01,6"; E106°41'51,6") (608.1.1)
K2: Không khí tại sảnh ra vào Khách sạn PearlRiver II (N20°49'01,3"; E106°41'53,4") (608.1.2)
K3: Không khí khu vực bãi đỗ xe Khách sạn PearlRiver I (N20°49'01,7"; E106°41'52,3") (608.1.3)
K4: Không khí khu vực bãi đỗ xe Khách sạn PearlRiver II (N20°49'00"; E106°41'54") (608.1.4)
K5: Không khí tại khu vực tiếp giáp nhà dân (N20°49'00"; E106°41'53") (608.1.5)

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả					QCVN 05/2023/ BTNMT ⁽¹⁾
				K1	K2	K3	K4	K5	
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2017/BTNMT	°C	33,4	33,7	33,5	33,2	32,9	-
	Độ ẩm		%	61	61	60	60	61	-
	Tốc độ gió	MEMAC QT.01:2020	m/s	1,5	1,1	0,4	1,3	1,2	-
	Hướng gió	-	-	ĐB	ĐB	ĐB	ĐB	ĐB	-
2	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	dBA	61,6	62,4	63,1	51,8	47,1	70 ⁽²⁾
3	Bụi lơ lửng	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	123	99	126	86	103	300
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	38	41	45	37	35	350
5	CO	MEMAC PT.14:2021	µg/Nm ³	7.500	7.100	7.900	7.300	6.800	30.000
6	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	27	19	22	17	14	200

Ghi chú:

⁽¹⁾ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

⁽²⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hải Phòng, ngày 17 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Signature)

Ngô Thị Xinh

(Signature)

Thân Văn Hậu



Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu (*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ



QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BIỂN
(VIMCERTS 047 - VILAS 426)

Địa chỉ: Phú Hải - Anh Dũng - Dương Kinh - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3814019 Fax: 0225.3814017 Email: memac@vnn.vn

Số: 0099.2025/608-KQ



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Khách sạn PearlRiver
Địa chỉ: Vòng xuyên cầu rào 2, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu thử: Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc, lấy mẫu: 10/6/2025 Ngày phân tích mẫu: 10/6/2025 ÷ 17/6/2025
Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước mặt tại sông Lạch Tray tại vị trí điểm tiếp nhận nước thải của cơ sở thuộc phường Anh Dũng, quận Dương Kinh (NM)
Tọa độ: X(m)=2303232; Y(m)=598187 (608.1.6)

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT ⁽¹⁾
				NM	
1	pH	TCVN 6492-2011	-	6,8	-
2	Ôxy hoà tan (DO)	SMEWW 4500-OG:2023	mg/l	5,37	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (*)	TCVN 6625:2000	mg/l	72	-
4	COD	SMEWW 5520C:2023	mg/l	16	-
5	BOD ₅ (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	12	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,05	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	US EPA Method 352.1	mg/l	1,12	-
8	Chất hoạt động bề mặt anion	SMEWW 5540B&C:2023	mg/l	0,05	0,1
9	Phosphat (P)	TCVN 6202:2008	mg/l	0,06	-
10	Coliform	SMEWW 9222B:2023	CFU/ 100ml	1.500	-

Ghi chú:

⁽¹⁾ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 1.

Hải Phòng, ngày 17 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN NHÓM QT-PT

QLCL

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Xinh

Thân Văn Hậu



Phạm Thế Tùng

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của MEMAC.
- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu tại thời điểm được lấy. Vị trí lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm MEMAC cam kết bảo mật mọi thông tin của khách hàng, ngoại trừ thông tin mà khách hàng công khai hoặc khi đã được phòng thí nghiệm và khách hàng thống nhất.
- Chỉ tiêu (*) đã được VILAS công nhận. Chỉ tiêu đánh dấu (**) được phân tích bởi nhà thầu phụ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.81/10.01.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH H&H
- Địa chỉ : Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Khách sạn Pear River Hải Phòng - Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 31/12/2024
- Thời gian phân tích : 31/12/2024 đến ngày 10/01/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	46	100
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	539	1000
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	36	50
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	2,40	50
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,12	4,0
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,11	10
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	8,70	10
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,49	10
10.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	20
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3.400	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường. Tọa độ: X(m)= 2302975; Y(m)= 598539.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Thống Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép mọi phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1875/14.09.2024_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH H&H
2. Địa chỉ : Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Khách sạn Pear River Hải Phòng – Km 8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 30/08/2024
6. Thời gian phân tích : 30/08/2024 đến ngày 14/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	43	100
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	333	1000
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	37	50
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,26	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2017	3,38	50
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,08	10
8.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,14	4,0
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,55	10
11.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.700	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường. Tọa độ: X(m)= 2302975; Y(m)= 598539

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 09 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng	:	CÔNG TY TNHH H&H	
Địa điểm quan trắc	:	Khách sạn Pearl River Hải Phòng - Km8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	
Loại mẫu	:	Nước thải	Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu	:	NT.232012.50	Tên mẫu: NT
Ngày quan trắc	:	20/12/2023	Ngày hoàn thành thử nghiệm: 29/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008 /BTNMT Cột B
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,14	5 - 9
2	TDS	mg/L	TCED/HT.TDS	506	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	10	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25	50
5	NH ₄ ⁺ - N	mg/L	SMEWW 4500NH ₃ B&F:2017	1,82	10
6	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ E:2017	10,43	50
7	PO ₄ ³⁻ - P	mg/L	TCVN 6202:2008	3,25	10
8	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017	<0,03	4
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,44	10
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B&G:2017	610	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ NT: Nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường;
(Tọa độ: X: 2302975/ Y: 0598539).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, (Cột B - Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

NGƯỜI LẬP PHIẾU


Nguyễn Hà Thanh Thủy



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hoàng

- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TCED.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng	:	CÔNG TY TNHH H&H		
Địa điểm quan trắc	:	Khách sạn Pearl River Hải Phòng - Km8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng		
Loại mẫu	:	Nước thải	Số lượng mẫu:	01
Mã mẫu	:	NT.231105.08	Tên mẫu:	NT
Ngày quan trắc	:	11/05/2023	Ngày hoàn thành thử nghiệm:	21/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008 /BTNMT Cột B
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,30	5 - 9
2	TDS	mg/L	TCED/HT.TDS	754	1.000
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	8	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	50
5	NH ₄ ⁺ - N	mg/L	SMEWW 4500NH ₃ B&F:2017	1,16	10
6	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ E:2017	10,48	50
7	PO ₄ ³⁻ - P	mg/L	TCVN 6202:2008	3,66	10
8	Sulfua	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017	<0,03	4
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,56	10
11	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B&G:2017	550	5.000

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ NT: Nước thải tại hồ ga cuối trước khi thải ra môi trường;
(Tọa độ: X: 2302975/ Y: 0598539).

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, (Cột B - Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

NGƯỜI LẬP PHIẾU



Nguyễn Hà Thanh Thúy



Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2023
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC


- Kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm có thông tin nêu trên phiếu.
- Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích được giải quyết trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TCED.

CÔNG TY TNHH H&H
KHÁCH SẠN PEARL RIVER**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012024/BC-H&H

Hải Phòng, 04 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2023**THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở: Công ty TNHH H&H
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 368 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ hoạt động kinh doanh, sản xuất: Km8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3880.888
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hưng, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, ĐTDĐ: 0915 666 666
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; Quy mô/công suất: 243 phòng; Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200545272 ngày 17/12/2001, sửa đổi lần 12 ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy phép môi trường số: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND do UBND Hải Phòng cấp ngày 10/12/2020.
- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

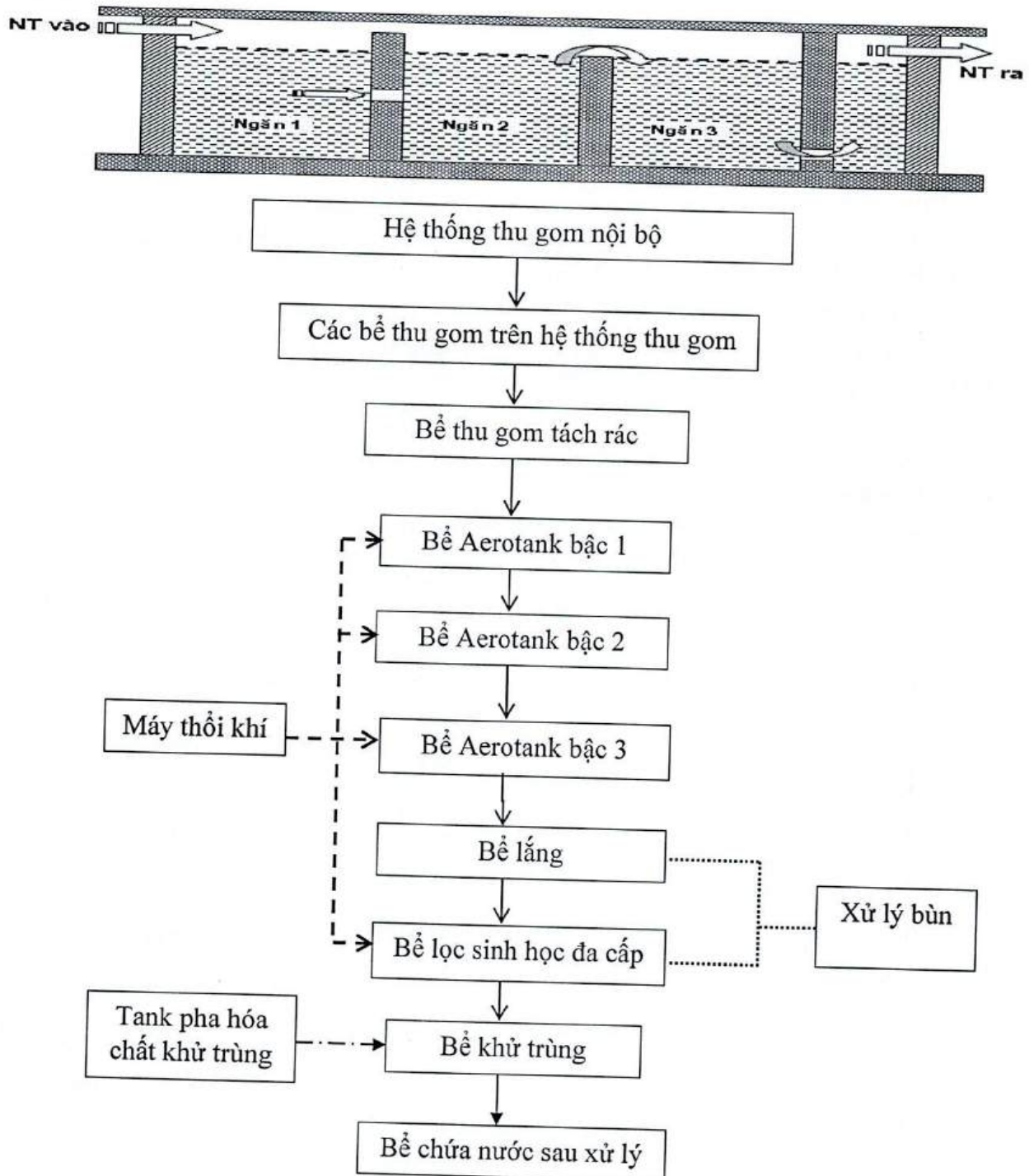
	Năm 2023	Năm 2022
Dầu DO	2250 lít	2150 lít
Điện tiêu thụ	1493591 kWh	1393709 kWh
Nước tiêu thụ	7582 m ³	7086 m ³

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải****1.1. Xử lý nước thải**

- Khách sạn Pearl River có 2 tòa nhà, tòa nhà tháp A và tòa nhà tháp B. Hệ thống thu gom nước thải của khách sạn được thu gom và xử lý qua hệ thống bể phốt 3 ngăn. Nước thải từ nhà ăn, khu vực bếp, nhà hàng, bếp của căn hộ cho thuê được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ và song chắn rác. Nước giặt là và nước lau sàn được xử lý sơ bộ qua bể giặt là. Sau đó, toàn bộ nước thải này cùng với nước thải từ tòa nhà tháp A đã được xử lý qua bể phốt 3 ngăn và bể

tách mỡ và nước thải từ quá trình sử dụng được thu gom về hố ga thu gom chung của tòa nhà tháp A tiếp tục được thu gom chảy về bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất tối đa 200m³/ngày đêm đặt tại tòa nhà tháp B. Nước thải sau xử lý được bơm ra ngoài hố ga xả thải, nằm tại vỉa hè nội bộ thoát chung với đường thoát nước của khu vực và chảy vào sông Lạch Tray.

- Vị trí đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng và đặt dưới tầng hầm của Tòa tháp B. Nước thải phát sinh từ 2 tòa khách sạn theo hệ thống thu gom được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất tối đa 200m³/ngày đêm. Sơ đồ quy trình công nghệ như sau:



Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty

Ghi chú:



Mô tả quy trình xử lý:

Nước thải phát sinh từ 2 tòa khách sạn theo hệ thống thu gom được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm. Bể thu gom được hoạt động theo nguyên tắc bình thông nhau. Bể được chia làm 2 ngăn, nước được gom trực tiếp vào ngăn thứ nhất của bể sau đó qua song chắn rác sang ngăn thứ 2.

Nước sau khi xử lý tách rác tự chảy sang bể aerotank bậc 1. Nước thải sau bể Aerotank bậc 1 được dẫn về bể aerotank bậc 2 và bậc 3 bằng cách chảy tràn qua ống phân phối. Không khí sẽ được cấp vào bằng thiết bị máy thổi khí và được khuếch tán bởi các đĩa phân phối khí mịn vào bể Aerotank bậc 1 và bậc 2 bậc 3 thông qua hệ thống đĩa phân phối khí lắp đặt dưới đáy bể để cung cấp oxy cho các quá trình phản ứng sinh học hiếu khí bởi các vi khuẩn hiếu khí. Hiệu suất xử lý theo BOD có thể đạt tới 85% - 95%.

Ngoài ra, trong bể Aerotank bậc 1 bậc 2 và bậc 3 được lắp đặt hệ thống giá thể vi sinh (đệm vi sinh) dạng tấm. Đệm vi sinh là một dạng thiết bị gồm nhiều màng mỏng ghép lại nên diện tích bề mặt rất lớn với bề mặt riêng: $\geq 110 - 150\text{m}^2/\text{m}^3$, độ rỗng xốp: $\geq 95\%$ để làm giá thể cho các vi sinh vật sinh trưởng phát triển, đồng thời lớp đệm vi sinh này cũng là tác nhân giúp giữ lại các bông cặn trong nước thải.

Nước thải có chứa các chất hữu cơ hòa tan và các chất lơ lửng đi vào bể aerotank, nhờ các vi khuẩn cư trú ở trong lớp đệm vi sinh, ở các chất lơ lửng, trưởng thành, sinh sản và dần phát triển lên thành các bông cặn gọi là bùn hoạt tính (bùn hoạt tính là các bông cặn có màu nâu sẫm chứa các chất hữu cơ hấp thụ từ nước thải và là nơi cư trú để phát triển của vô số vi khuẩn và các vi sinh vật sống khác). Các vi khuẩn và vi sinh vật sống dùng chất nền (BOD) và chất dinh dưỡng (N,P) làm thức ăn sau đó chuyển hóa chúng thành các chất trơ không hòa tan và thành các tế bào mới. Quá trình chuyển hóa thực hiện theo các bước xen kẽ và nối tiếp nhau. Một vài loại vi khuẩn phân hủy hợp chất hữu cơ có cấu trúc phức tạp sau khi chuyển hóa thải ra các hợp chất hữu cơ có cấu trúc đơn giản hơn, một số loại vi khuẩn khác dùng các chất này làm thức ăn và lại thải ra các hợp chất có cấu trúc đơn giản hơn nữa, quá trình cứ tiếp tục cho đến khi chất thải cuối cùng không thể làm thức ăn cho bất cứ loại vi khuẩn nào khác và như vậy các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý hoàn toàn. Hiện nay, các ngăn bể aerotank có lắp đặt các đệm vi sinh, lượng bùn hoạt tính được dính bám trên các đệm vi sinh và ổn định tại đây. Để cho lượng vi sinh trong bể aerotank được ổn định và duy trì nồng độ MLSS trong bể aerotank trong quá trình xử lý định kỳ Công ty bổ sung thêm vi sinh vật cho hệ thống hoặc tăng thời gian hoặc/và lưu lượng bùn hồi lưu và giảm cung cấp khí trong suốt thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l.

Sau bể aerotank 3 bậc hỗn hợp bùn sinh học và nước thải tự chảy qua bể lắng để lắng tách cặn bùn sinh học ra khỏi nước, làm trong nước trước khi đưa qua bể lọc. Sau bể lắng nước tự chảy tràn sang bể lọc ngược đa cấp có lớp than hoạt tính. Tại đây xác vi sinh vật sau quá trình xử lý hiếu khí và các cặn lơ lửng có tỷ trọng nhỏ không thể lắng được giữ lại qua lớp vật liệu lọc. Mùi hôi của nước cũng được xử lý triệt để sau khi nước chảy qua lớp than

054
CỘNG HÒA
H
UYÊN

hoạt tính. Nước sau lọc tự chảy qua bể khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trong nước thải.

Để phục vụ cho quá trình xả bùn từ bể lọc và vệ sinh bể trong quá trình xử lý cần cung cấp khí tại bể lọc. Quá trình sục rửa lớp vật liệu lọc tại bể lọc được thực hiện như sau: mở van xả bùn tại tank lọc đồng thời sục khí bể lọc cho đến khi lượng bùn trong bể lọc không còn thì đóng van lại và ngừng cấp khí. Trong quá trình thay thế vật liệu lọc hệ thống vẫn hoạt động bình thường, nước tại bể lọc được bơm sang bể lắng trong thời gian thay thế. Vật liệu lọc được thải bỏ là lớp than hoạt tính với khối lượng thải bỏ cho 1 lần là 100kg (05 bao than) và được thu gom cùng với rác thải sinh hoạt.

Cùng với các thiết bị máy móc để cho quá trình xử lý nước thải tại khách sạn đạt hiệu quả, công ty đã sử dụng hóa chất Javen vào trong quá trình xử lý với số lượng từ 5 đến 10 lít/ngày đêm. Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Phần nước sau khi lọc sẽ được khử trùng bằng dung dịch Javen để tiêu diệt vi trùng có hại bằng phương pháp châm thủ công.

- Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

+ Liều lượng: Pha loãng 10 lần nước Javen khử trùng 10% với nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng, nước Javen khử trùng sử dụng trong hệ thống là 1%.

+ Thao tác thực hiện: cho một phần nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng sau đó cho nước Javen 10%, tiếp theo cho nước sạch đến mức cần pha (đảm bảo pha loãng 10 lần).

+ Thiết đặt bơm hóa chất khử trùng đảm bảo lưu lượng $\geq 6,3$ lít/giờ.

+ Lượng dung dịch nước Javen khử trùng 1% (đã pha loãng) cần dùng khi hệ thống hoạt động đủ công suất thiết kế là 125,9 lít/ngày đêm.

Nước thải sau bể lọc được bơm trộn với bơm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau khi khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT giá trị C, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được chứa tại bể chứa nước sau xử lý và được bơm cưỡng bức ra hố ga xả thải của khách sạn rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung thành phố sau đó chảy ra sông Lạch Tray cùng với nước thải khu vực.

Nước thải sau khi tuần tự đi qua các Bể xử lý trên đảm bảo đạt yêu cầu của QCVN 14:2008/BTNMT giá trị C cột B được xả vào nguồn tiếp nhận.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất (m^3): Năm 2023 là 6065.6 m^3 , Năm 2022 là 5668.8 m^3

Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường: 200 m^3 /ngày đêm

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: Ngày 11/05/2023, ngày 29/12/2023

- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc: Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường.

Tọa độ X(m)=2302975; Y(m)=598539.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu/lần
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: 14:2008/BTNMT (Cột B)
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty cổ phần công nghiệp môi trường Hải Việt Số

Vimcerts 312

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): không có

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Công ty TNHH H&H kinh doanh lĩnh vực khách sạn cung cấp các dịch vụ như lưu trú, ăn uống nên khí thải phát sinh từ sinh hoạt gồm: Từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng; từ hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp ăn của nhà hàng, từ hoạt động nấu ăn tại các phòng căn hộ cho thuê, từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khách sạn, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng: Công ty sử dụng máy phát điện phòng khi xảy ra sự cố mất điện. Công ty đã lựa chọn 01 máy phát điện dự phòng Diesel 3 pha 380/220V, công suất 1250kVA (công suất dự phòng) để cung cấp điện cho toàn bộ phụ tải ưu tiên của khách sạn. Máy phát điện sử dụng loại máy trần đặt trong phòng cách âm có tiêu âm đầu vào ra. Có thể nhận định, tác động của nguồn thải này đến môi trường không khí là không cao.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng: Nhiên liệu sử dụng tại các khu bếp nấu ăn của nhà hàng là gas, nên nồng độ khí thải phát sinh từ hoạt động sử dụng nhiên liệu này là rất thấp và không gây nhiều ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh. Ngoài khí thải từ việc sử dụng nhiên liệu, quá trình nấu ăn tại khu vực bếp còn phát sinh mùi. Mùi phát sinh từ hoạt động nấu ăn không có tính độc hại.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn của phòng căn hộ: Khách sạn lắp đặt bếp từ cho khách hàng sử dụng, hoạt động nấu ăn diễn ra nhưng phát sinh khí thải là không đáng kể, khách chủ yếu ăn uống tại nhà hàng, chỉ có thể diễn ra ăn nhanh.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khách sạn: Công ty đã lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ sử dụng môi chất lạnh R410A, đảm bảo an toàn cho môi trường.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn sinh hoạt thực phẩm	16.7	Công ty cổ phần công trình công cộng & dịch vụ du lịch Hải Phòng	14.5
2	Chất thải rắn sinh hoạt khác	1.5		1.1
	Tổng cộng	18.2		15.6

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã	Số lượng	Phương	Tổ chức, cá nhân	Khối
---------------	----	----------	--------	------------------	------

	CTNH	(kg)	pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	tiếp nhận CTNH	lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại	180201	0		Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng, giấy phép môi trường số QLCTNH: 1-2-3.073.VX	0
Hộp đựng dầu mỡ thải	170204	0			0
Bóng đèn huỳnh quang hỏng	160106	0			0
Pin thải, ắc quy	190601	0			0
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	080204	0			0
Mực in thải	080201	0			0

- **Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:** Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động kinh doanh của khách sạn được thu gom và phân loại ngay tại nguồn vào thùng chứa, sau đó tập kết vào Kho chứa chất thải nguy hại của Tòa tháp A. Mỗi thùng chứa có ghi đầy đủ mã số, dấu hiệu cảnh báo của chất thải nguy hại.

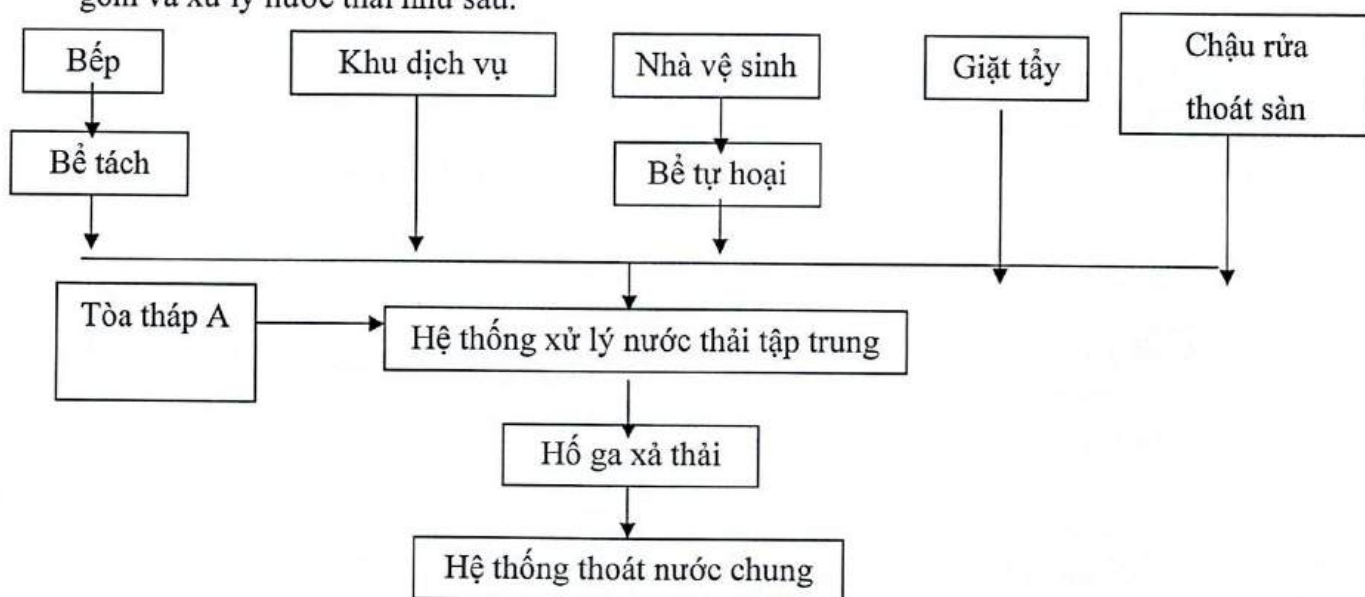
- Kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 3m². Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH là Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

5.1.1 Về nước thải:

Căn cứ vào thành phần nước thải phát sinh của khách sạn, Công ty đưa ra phương án thu gom và xử lý nước thải như sau:



Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại khách sạn

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống riêng biệt về bể thu dầu mỡ. Tại mỗi miệng thu nước nhà bếp đều được lắp đặt các song chắn rác để tránh rác thải theo đường ống làm tắc nghẽn dòng chảy. Tại bể thu, dầu mỡ sẽ được giữ lại, định kỳ hút mang đi thải bỏ. Nước sau khi qua bể này được đưa về hệ thống xử lý nước thải chung, để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ toilet (sau khi được xử lý qua bể tự hoại) sẽ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý.

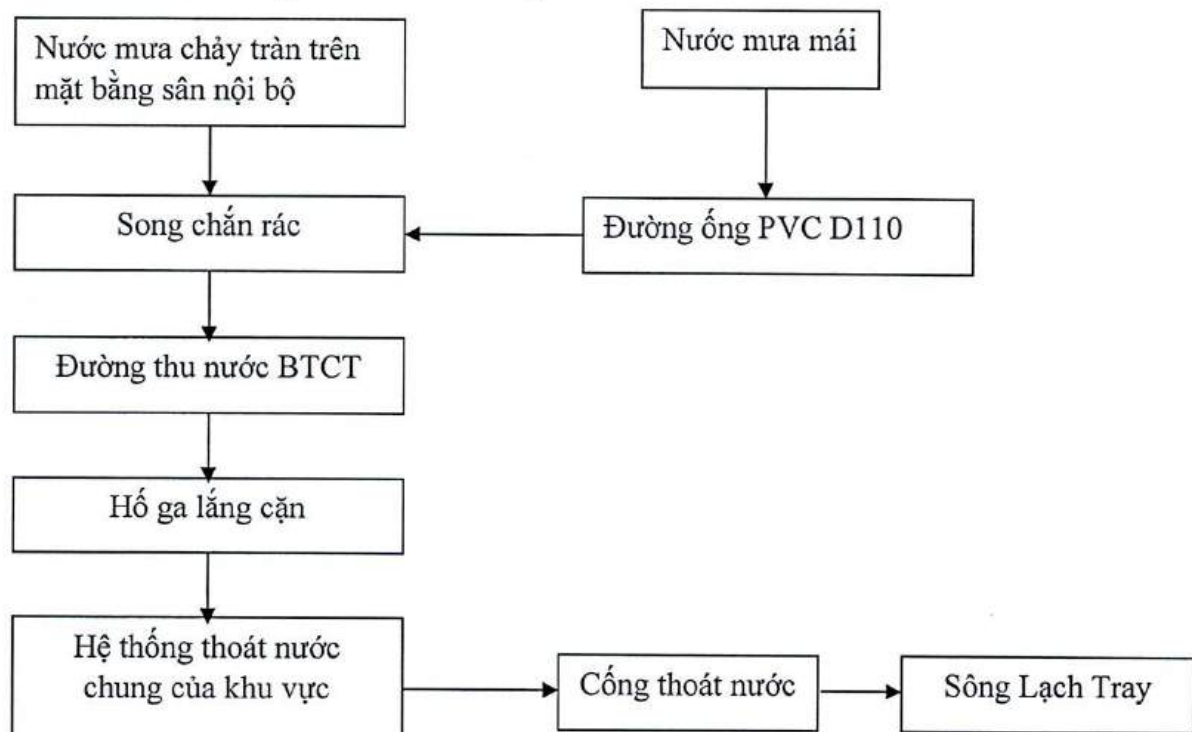
+ Nước thải trong quá trình giặt rửa: Nước thải sử dụng cho việc giặt là theo nhu cầu của khách du lịch, ước tính chiếm khoảng 20 lít/người/ngày đêm. Tuy nhiên khách sạn đầu tư hệ thống giặt bằng hơi, hơi được cung cấp từ nồi hơi. Do đó tại khu vực giặt là không thải nước vào nguồn tiếp nhận, nước sẽ được tuần hoàn sử dụng lại. Một phần hơi được thoát ra ngoài theo đường ống chảy vào cùng với nước mưa tràn mặt.

+ Nước thải của các khu dịch vụ, từ các chậu rửa thoát sàn, khu Khách sạn tòa Pearl I...theo đường ống dẫn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ xử lý tất cả các loại nước thải như: nước thải sau bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp đã qua bể thu dầu mỡ, nước thải từ các khu vệ sinh, tắm, rửa, giặt là...

+ Nước mưa chảy tràn: Sơ đồ thu gom:



Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mái các công trình khách sạn: Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mái các công trình khách sạn sẽ theo đường ống dẫn PVC lắp đứng vào đường thu nước BTCT bố trí xung quanh khuôn viên khách sạn.

- Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân đường nội bộ của khách sạn: Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, đường nội bộ được thu gom vào đường thu nước BTCT bố trí xung quanh khuôn viên của khách sạn để lắng cặn chất bẩn. Rác thải có kích thước lớn được giữ lại tại song chắn rác lắp đặt trên đường thu nước. Phần nước còn lại tiếp tục dẫn vào hồ ga lắng cặn bố trí xen kẽ đường thu nước để tăng cường khả năng lắng cặn trước khi theo hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Phần rác thải có kích thước lớn sẽ được thu gom, dọn dẹp vệ sinh định kỳ tần suất 1 lần/ngày và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của khách sạn.

+ Bùn lắng tại hồ ga lắng cặn, đường thu nước được nạo vét định kỳ 1 năm/lần bởi đơn vị có chức năng.

+ Bố trí nhân viên vệ sinh dọn dẹp mặt bằng sân, đường nội bộ của Khách sạn vào cuối ngày làm việc, đảm bảo hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa.

+ Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

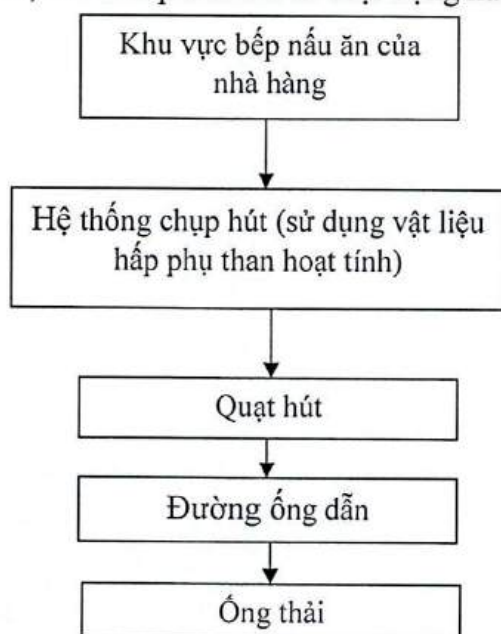
+ Khách sạn đã xây dựng thêm một bể dự trữ nước sự cố, bể được sử dụng khi có ngập lụt, không thoát kịp nước, sẽ gây ảnh hưởng hỏng hóc hệ thống máy móc, xe của khách hàng. Bể dự trữ nước này khi có lụt sẽ được mở để thu gom nước ngập lụt trong tầng hầm

5.1.2 Về khí thải

a) Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Công ty sử dụng máy phát điện mới 100%, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện để khí thải ra đạt tiêu chuẩn cho phép.

b) Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ: Hệ thống điều hòa nhiệt độ mà khách sạn lắp đặt sử dụng môi chất lạnh R410A – đây là loại dung môi lạnh an toàn, có mức độ tác động đến tầng ozon thấp và được phép sử dụng tại Việt Nam. Vậy nên, việc sử dụng điều hòa có môi chất lạnh R410A sẽ bảo vệ sức khỏe của người sử dụng.

c) Giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn



Sơ đồ thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh tại khu bếp nấu ăn của nhà hàng

Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu bếp ăn của nhà hàng của khách sạn được quạt hút thu gom vào hệ thống chụp hút lắp đặt vật liệu hấp thụ (than hoạt tính). Mùi, hơi dầu mỡ, khí thải bẩn sẽ được giữ lại lớp vật liệu hấp thụ này, khí sạch sẽ theo đường ống dẫn ra ngoài môi trường qua ống khói. Than hoạt tính tại hệ thống chụp hút sẽ được thay thế định kỳ 3 tháng/lần. Toàn bộ than hoạt tính thay thế được thu gom, xử lý cùng các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống chụp hút mùi, khí thải tại bếp nấu ăn của khách sạn:

Danh mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống chụp hút mùi, khí thải	01 hệ thống	- Miệng chụp hút hình chữ nhật được làm bằng vật liệu chịu nhiệt cao - Kích thước: 2,5 x 1,5 m
Quạt hút	01 chiếc	Lưu lượng hút 1.000 m ³ /h
Đường ống dẫn	Hệ thống	Đường ống dẫn bằng thép có đường kính 15cm
Ống thải	01 ống	- Chiều cao 14cm - Đường kính ống thải 40cm

5.1.3 Về chất thải

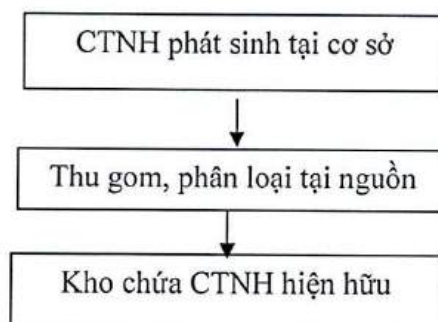
a) Chất thải rắn thông thường: Do đặc thù là kinh doanh dịch vụ lưu trú khách sạn và các dịch vụ ăn uống, nên khách sạn chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Công ty sử dụng các biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh như sau:

- Bố trí thùng rác tại các khu vực dịch vụ (Mini mart, bar, khu coffe, nhà hàng,...), khu văn phòng, các phòng nghỉ của khách sạn. Vào cuối ngày làm việc, bộ phận lao công thu gom rác thải phát sinh tại các khu vực sau đó chuyển về kho lưu trữ rác thải sinh hoạt.

Công ty ký hợp đồng với Công ty cổ phần công trình công cộng & Dịch vụ du lịch Hải Phòng. Cuối ngày, Công ty cổ phần công trình công cộng & Dịch vụ du lịch Hải Phòng tới thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Kho lưu trữ Tòa tháp A.

- Bên cạnh đó, công ty tổ chức tuyên truyền cho nhân viên, khách hàng nâng cao ý thức sử dụng dịch vụ trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường chung tại doanh nghiệp. Đồng thời, bố trí bộ phận lao động thực hiện công tác thu gom rác thải sinh hoạt vào đúng thời gian quy định trong ngày, tuyệt đối không để tình trạng tồn lưu rác thải xảy ra, điều đó sẽ gây mùi hôi thối, ảnh hưởng đến mỹ quan của khách sạn.

b) Chất thải rắn nguy hại: Công ty xây dựng kế hoạch thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:



↓

Ký Hợp đồng với Công ty
TNHH thương mại dịch vụ
Toàn Thắng

Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải nguy hại của khách sạn

- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của Khách sạn sẽ được thu gom và phân loại ngay tại nguồn vào thùng chứa, sau đó tập kết vào kho chứa chất thải nguy hại của tòa tháp A. Mỗi thùng chứa có ghi mã số, dấu hiệu, trạng thái của chất thải nguy hại.

- Kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 3m². Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý là Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

- Nghiêm túc thực hiện theo nội dung đề án môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác giáo dục về nhận thức đối với cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường.

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về Luật môi trường và công tác bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng 3

hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

- Các chất ô nhiễm khó phân hủy, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy được bộ phận Kỹ thuật tập kết, chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại đúng quy định.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

8. Kiến nghị:

Ngày 10/12/2020, UBND Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND cho Công ty TNHH H&H. Trong giấy phép xả thải yêu cầu doanh nghiệp thực hiện tần suất quan trắc chất lượng nước thải 3 tháng/lần tại điểm xả thải của doanh nghiệp, và 6 tháng/lần tại nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải sông Lạch Tray. Tuy nhiên, do ảnh hưởng hậu Covid-19, nên tình hình kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, lượng khách lưu trú thấp. Do vậy, chúng tôi kính đề nghị UBND thành phố Hải Phòng, Sở Tài Nguyên & Môi trường Hải Phòng xem xét cho phép doanh nghiệp thực hiện quan trắc chất lượng nước thải 6 tháng/lần tại điểm xả thải của doanh nghiệp, và bỏ quan trắc tại nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải sông Lạch Tray.

Nơi nhận:

- Chi Cục bảo vệ môi trường Hải Phòng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH H&H

(Ký tên, đóng dấu) 



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

CÔNG TY TNHH H&H
KHÁCH SẠN PEARL RIVER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BC-H&H

Hải Phòng, 04 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2024

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: Công ty TNHH H&H
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 368 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ hoạt động kinh doanh, sản xuất: Km8 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3880.888
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hưng, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, ĐTDĐ: 0915 666 666
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; Quy mô/công suất: 243 phòng; Tần suất hoạt động: thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh Giấy Đăng ký kinh doanh số 0200545272 ngày 17/12/2001, sửa đổi lần 12 ngày 05/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy phép môi trường số: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND do UBND Hải Phòng cấp ngày 10/12/2020.
- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

	Năm 2024	Năm 2023
Dầu DO	2400 lít	2250 lít
Điện tiêu thụ	1487891 kWh	1493591 kWh
Nước tiêu thụ	8272 m ³	7582 m ³

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

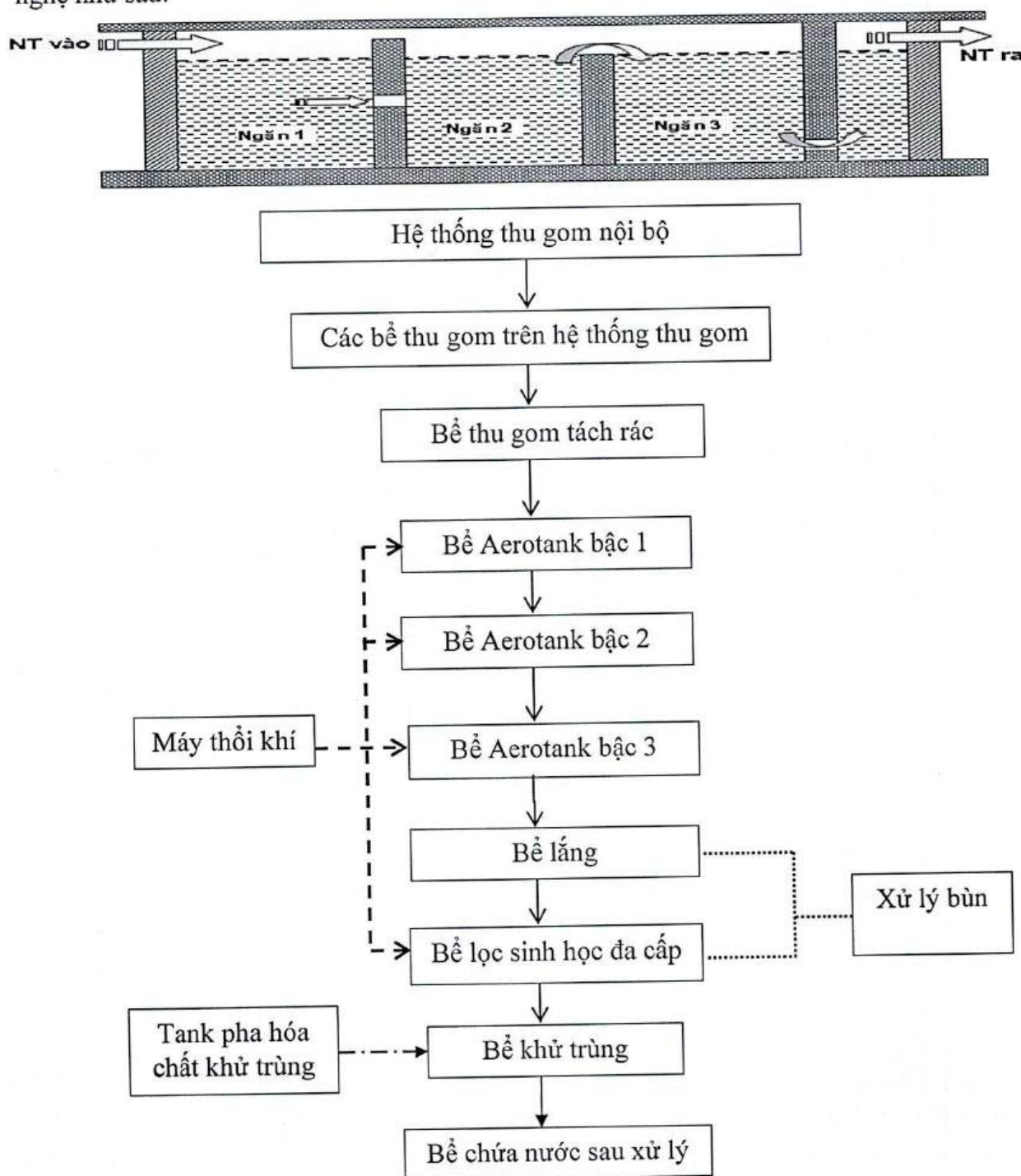
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Khách sạn Pearl River có 2 tòa nhà, tòa nhà tháp A và tòa nhà tháp B. Hệ thống thu gom nước thải của khách sạn được thu gom và xử lý qua hệ thống bể phốt 3 ngăn. Nước thải từ nhà ăn, khu vực bếp, nhà hàng, bếp của căn hộ cho thuê được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ và song chắn rác. Nước giặt là và nước lau sàn được xử lý sơ bộ qua bể giặt là. Sau đó, toàn bộ nước thải này cùng với nước thải từ tòa nhà tháp A đã được xử lý qua bể phốt 3 ngăn và bể tách mỡ và nước thải từ quá trình sử dụng được thu gom về hố ga thu gom chung của tòa nhà

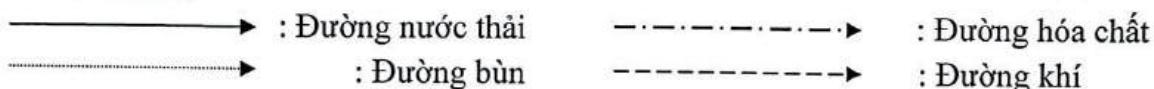
tháp A tiếp tục được thu gom chảy về bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất tối đa 200m³/ngày đêm đặt tại tòa nhà tháp B. Nước thải sau xử lý được bơm ra ngoài hồ ga xả thải, nằm tại vỉa hè nội bộ thoát chung với đường thoát nước của khu vực và chảy vào sông Lạch Tray.

- Vị trí đặt hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng và đặt dưới tầng hầm của Tòa tháp B. Nước thải phát sinh từ 2 tòa khách sạn theo hệ thống thu gom được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất tối đa 200m³/ngày đêm. Sơ đồ quy trình công nghệ như sau:



Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty

Ghi chú:



Mô tả quy trình xử lý:

Nước thải phát sinh từ 2 tòa khách sạn theo hệ thống thu gom được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm. Bể thu gom được hoạt động theo nguyên tắc bình thông nhau. Bể được chia làm 2 ngăn, nước được gom trực tiếp vào ngăn thứ nhất của bể sau đó qua song chắn rác sang ngăn thứ 2.

Nước sau khi xử lý tách rác tự chảy sang bể aerotank bậc 1. Nước thải sau bể Aerotank bậc 1 được dẫn về bể aerotank bậc 2 và bậc 3 bằng cách chảy tràn qua ống phân phối. Không khí sẽ được cấp vào bằng thiết bị máy thổi khí và được khuếch tán bởi các đĩa phân phối khí mịn vào bể Aerotank bậc 1 và bậc 2 bậc 3 thông qua hệ thống đĩa phân phối khí lắp đặt dưới đáy bể để cung cấp oxy cho các quá trình phản ứng sinh học hiếu khí bởi các vi khuẩn hiếu khí. Hiệu suất xử lý theo BOD có thể đạt tới 85% - 95%.

Ngoài ra, trong bể Aerotank bậc 1 bậc 2 và bậc 3 được lắp đặt hệ thống giá thể vi sinh (đệm vi sinh) dạng tấm. Đệm vi sinh là một dạng thiết bị gồm nhiều màng mỏng ghép lại nên diện tích bề mặt rất lớn với bề mặt riêng: $\geq 110 - 150\text{m}^2/\text{m}^3$, độ rỗng xốp: $\geq 95\%$ để làm giá thể cho các vi sinh vật sinh trưởng phát triển, đồng thời lớp đệm vi sinh này cũng là tác nhân giúp giữ lại các bông cặn trong nước thải.

Nước thải có chứa các chất hữu cơ hòa tan và các chất lơ lửng đi vào bể aerotank, nhờ các vi khuẩn cư trú ở trong lớp đệm vi sinh, ở các chất lơ lửng, trưởng thành, sinh sản và dần phát triển lên thành các bông cặn gọi là bùn hoạt tính (bùn hoạt tính là các bông cặn có màu nâu sẫm chứa các chất hữu cơ hấp thụ từ nước thải và là nơi cư trú để phát triển của vô số vi khuẩn và các vi sinh vật sống khác). Các vi khuẩn và vi sinh vật sống dùng chất nền (BOD) và chất dinh dưỡng (N,P) làm thức ăn sau đó chuyển hóa chúng thành các chất trơ không hòa tan và thành các tế bào mới. Quá trình chuyển hóa thực hiện theo các bước xen kẽ và nối tiếp nhau. Một vài loại vi khuẩn phân hủy hợp chất hữu cơ có cấu trúc phức tạp sau khi chuyển hóa thải ra các hợp chất hữu cơ có cấu trúc đơn giản hơn, một số loại vi khuẩn khác dùng các chất này làm thức ăn và lại thải ra các hợp chất có cấu trúc đơn giản hơn nữa, quá trình cứ tiếp tục cho đến khi chất thải cuối cùng không thể làm thức ăn cho bất cứ loại vi khuẩn nào khác và như vậy các chất ô nhiễm trong nước thải được xử lý hoàn toàn. Hiện nay, các ngăn bể aerotank có lắp đặt các đệm vi sinh, lượng bùn hoạt tính được dính bám trên các đệm vi sinh và ổn định tại đây. Để cho lượng vi sinh trong bể aerotank được ổn định và duy trì nồng độ MLSS trong bể aerotank trong quá trình xử lý định kỳ Công ty bổ sung thêm vi sinh vật cho hệ thống hoặc tăng thời gian hoặc/và lưu lượng bùn hồi lưu và giảm cung cấp khí trong suốt thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l.

Sau bể aerotank 3 bậc hỗn hợp bùn sinh học và nước thải tự chảy qua bể lắng để lắng tách cặn bùn sinh học ra khỏi nước, làm trong nước trước khi đưa qua bể lọc. Sau bể lắng nước tự chảy tràn sang bể lọc ngược đa cấp có lớp than hoạt tính. Tại đây xác vi sinh vật sau quá trình xử lý hiếu khí và các cặn lơ lửng có tỷ trọng nhỏ không thể lắng được giữ lại qua lớp vật liệu lọc. Mùi hôi của nước cũng được xử lý triệt để sau khi nước chảy qua lớp than hoạt tính. Nước sau lọc tự chảy qua bể khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trong

nước thải.

Để phục vụ cho quá trình xả bùn từ bể lọc và vệ sinh bể trong quá trình xử lý cần cung cấp khí tại bể lọc. Quá trình sục rửa lớp vật liệu lọc tại bể lọc được thực hiện như sau: mở van xả bùn tại tank lọc đồng thời sục khí bể lọc cho đến khi lượng bùn trong bể lọc không còn thì đóng van lại và ngừng cấp khí. Trong quá trình thay thế vật liệu lọc hệ thống vẫn hoạt động bình thường, nước tại bể lọc được bơm sang bể lắng trong thời gian thay thế. Vật liệu lọc được thải bỏ là lớp than hoạt tính với khối lượng thải bỏ cho 1 lần là 100kg (05 bao than) và được thu gom cùng với rác thải sinh hoạt.

Cùng với các thiết bị máy móc để cho quá trình xử lý nước thải tại khách sạn đạt hiệu quả, công ty đã sử dụng hóa chất Javen vào trong quá trình xử lý với số lượng từ 5 đến 10 lít/ngày đêm. Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Phần nước sau khi lọc sẽ được khử trùng bằng dung dịch Javen để tiêu diệt vi trùng có hại bằng phương pháp châm thủ công.

- Quy trình sử dụng hóa chất trong công đoạn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

+ Liều lượng: Pha loãng 10 lần nước Javen khử trùng 10% với nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng, nước Javen khử trùng sử dụng trong hệ thống là 1%.

+ Thao tác thực hiện: cho một phần nước sạch vào bồn chứa hóa chất khử trùng sau đó cho nước Javen 10%, tiếp theo cho nước sạch đến mức cần pha (đảm bảo pha loãng 10 lần).

+ Thiết đặt bơm hóa chất khử trùng đảm bảo lưu lượng $\geq 6,3$ lít/giờ.

+ Lượng dung dịch nước Javen khử trùng 1% (đã pha loãng) cần dùng khi hệ thống hoạt động đủ công suất thiết kế là 125,9 lít/ngày đêm.

Nước thải sau bể lọc được bơm trộn với bơm hóa chất khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau khi khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT giá trị C, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được chứa tại bể chứa nước sau xử lý và được bơm cưỡng bức ra hố ga xả thải của khách sạn rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung thành phố sau đó chảy ra sông Lạch Tray cùng với nước thải khu vực.

Nước thải sau khi tuần tự đi qua các Bể xử lý trên đảm bảo đạt yêu cầu của QCVN 14:2008/BTNMT giá trị C cột B được xả vào nguồn tiếp nhận.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất (m^3): Năm 2024 là 6016,8 m^3 ; Năm 2023 là 6065,6 m^3

Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường: 200 m^3 /ngày đêm

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc: Ngày 30/8/2024, ngày 31/12/2024

- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc: Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra môi trường.

Tọa độ X(m)=2302975; Y(m)=598539.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu/lần

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: 14:2008/BTNMT (Cột B)

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty cổ phần công nghiệp môi trường Hải Việt Số Vmcerts 312

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có): không có

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

Công ty TNHH H&H kinh doanh lĩnh vực khách sạn cung cấp các dịch vụ như lưu trú, ăn uống nên khí thải phát sinh từ sinh hoạt gồm: Từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng; từ hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp ăn của nhà hàng, từ hoạt động nấu ăn tại các phòng căn hộ cho thuê, từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khách sạn, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng: Công ty sử dụng máy phát điện phòng khi xảy ra sự cố mất điện. Công ty đã lựa chọn 01 máy phát điện dự phòng Diesel 3 pha 380/220V, công suất 1250kVA (công suất dự phòng) để cung cấp điện cho toàn bộ phụ tải ưu tiên của khách sạn. Máy phát điện sử dụng loại máy trần đặt trong phòng cách âm có tiêu âm đầu vào ra. Có thể nhận định, tác động của nguồn thải này đến môi trường không khí là không cao.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng: Nhiên liệu sử dụng tại các khu bếp nấu ăn của nhà hàng là gas, nên nồng độ khí thải phát sinh từ hoạt động sử dụng nhiên liệu này là rất thấp và không gây nhiều ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh. Ngoài khí thải từ việc sử dụng nhiên liệu, quá trình nấu ăn tại khu vực bếp còn phát sinh mùi. Mùi phát sinh từ hoạt động nấu ăn không có tính độc hại.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn của phòng căn hộ: Khách sạn lắp đặt bếp từ cho khách hàng sử dụng, hoạt động nấu ăn diễn ra nhưng phát sinh khí thải là không đáng kể, khách chủ yếu ăn uống tại nhà hàng, chỉ có thể diễn ra ăn nhanh.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ tại khách sạn: Công ty đã lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ sử dụng môi chất lạnh R410A, đảm bảo an toàn cho môi trường.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn sinh hoạt thực phẩm	18	Công ty cổ phần công trình công cộng & dịch vụ du lịch Hải Phòng	16.7
2	Chất thải rắn sinh hoạt khác	1.8		1.5
	Tổng cộng	19.8		18.2

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất
---------------	---------	---------------	----------------------------------	---------------------------------	-------------------------

					(kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Giẻ lau, găng tay có dính thành phần nguy hại	180201	16,5		Công ty CP thương mại & dịch vụ kho vận Phú Hưng, giấy phép môi trường số 73/GPMT-BTNMT	0
Hộp đựng dầu mỡ thải	170204	16			0
Bóng đèn huỳnh quang hỏng	160106	15			0
Pin thải, ắc quy	190601	23			0
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	080204	0			0
Mực in thải	080201	0			0

- **Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:** Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động kinh doanh của khách sạn được thu gom và phân loại ngay tại nguồn vào thùng chứa, sau đó tập kết vào Kho chứa chất thải nguy hại của Tòa tháp A. Mỗi thùng chứa có ghi đầy đủ mã số, dấu hiệu cảnh báo của chất thải nguy hại.

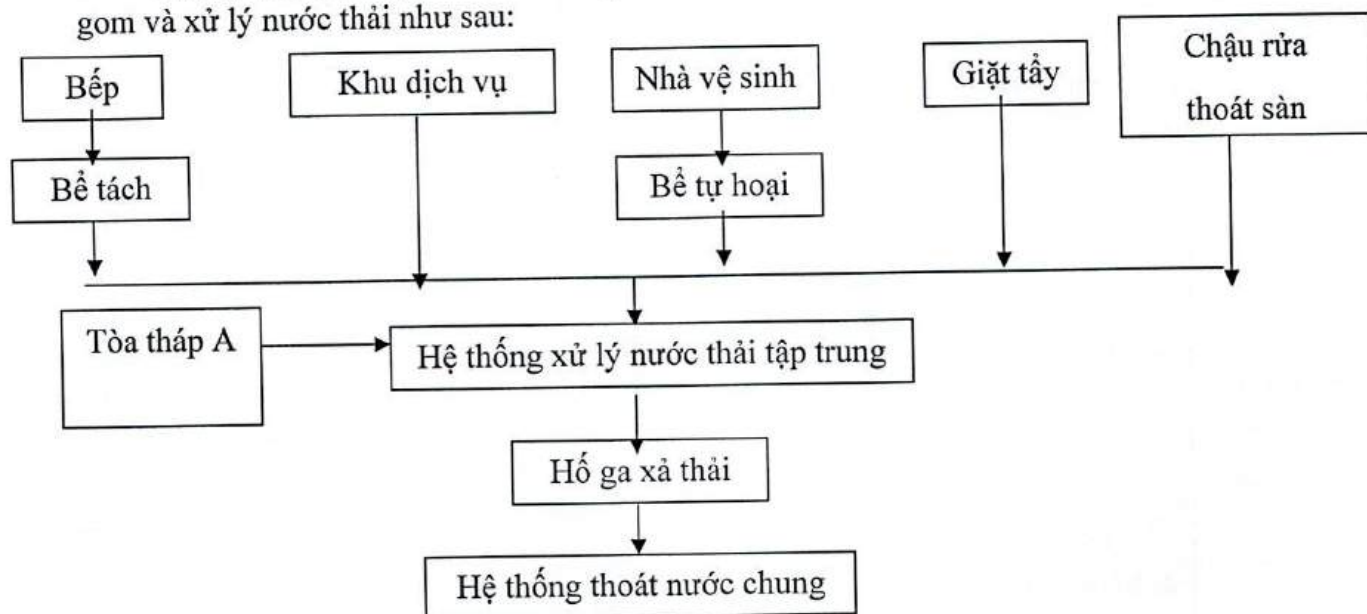
- Kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 3m². Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH là Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

5.1.1 Về nước thải:

Căn cứ vào thành phần nước thải phát sinh của khách sạn, Công ty đưa ra phương án thu gom và xử lý nước thải như sau:



Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại khách sạn

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng đường ống riêng biệt về bể thu

dầu mỡ. Tại mỗi miệng thu nước nhà bếp đều được lắp đặt các song chắn rác để tránh rác thải theo đường ống làm tắc nghẽn dòng chảy. Tại bể thu, dầu mỡ sẽ được giữ lại, định kỳ hút mang đi thải bỏ. Nước sau khi qua bể này được đưa về hệ thống xử lý nước thải chung, để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ toilet (sau khi được xử lý qua bể tự hoại) sẽ theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý.

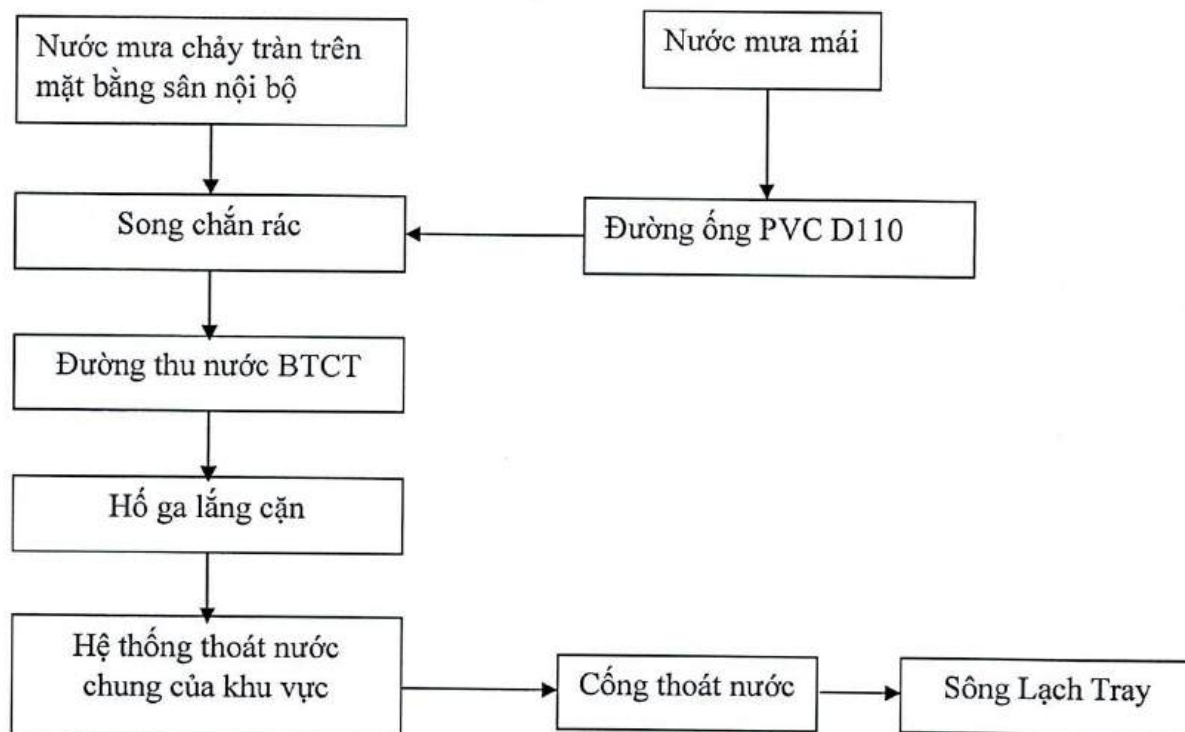
+ Nước thải trong quá trình giặt rửa: Nước thải sử dụng cho việc giặt là theo nhu cầu của khách du lịch, ước tính chiếm khoảng 20 lít/người/ngày đêm. Tuy nhiên khách sạn đầu tư hệ thống giặt bằng hơi, hơi được cung cấp từ nồi hơi. Do đó tại khu vực giặt là không thải nước vào nguồn tiếp nhận, nước sẽ được tuần hoàn sử dụng lại. Một phần hơi được thoát ra ngoài theo đường ống chảy vào cùng với nước mưa tràn mặt.

+ Nước thải của các khu dịch vụ, từ các chậu rửa thoát sàn, khu Khách sạn tòa Pearl I...theo đường ống dẫn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ xử lý tất cả các loại nước thải như: nước thải sau bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp đã qua bể thu dầu mỡ, nước thải từ các khu vệ sinh, tắm, rửa, giặt là...

+ Nước mưa chảy tràn: Sơ đồ thu gom:



Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mái các công trình khách sạn: Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mái các công trình khách sạn sẽ theo đường ống dẫn PVC lắp đứng vào đường thu nước BTCT bố trí xung quanh khuôn viên khách sạn.

- Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân đường nội bộ của khách sạn: Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, đường nội bộ được thu gom vào đường thu nước BTCT bố trí xung quanh khuôn viên của khách sạn để lắng cặn chất bẩn. Rác thải có kích thước lớn được giữ lại tại song chắn rác lắp đặt trên đường thu nước. Phần nước còn lại

tiếp tục dẫn vào hố ga lắng cặn bố trí xen kẽ đường thu nước để tăng cường khả năng lắng cặn trước khi theo hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Phân rác thải có kích thước lớn sẽ được thu gom, dọn dẹp vệ sinh định kỳ tần suất 1 lần/ngày và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của khách sạn.

+ Bùn lắng tại hố ga lắng cặn, đường thu nước được nạo vét định kỳ 1 năm/lần bởi đơn vị có chức năng.

+ Bố trí nhân viên vệ sinh dọn dẹp mặt bằng sân, đường nội bộ của Khách sạn vào cuối ngày làm việc, đảm bảo hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa.

+ Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

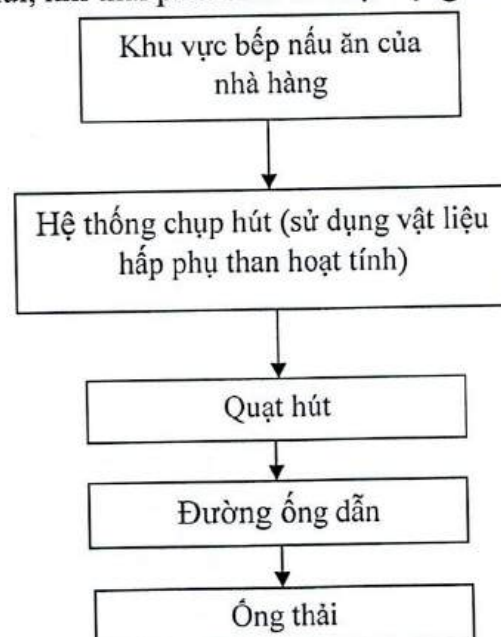
+ Khách sạn đã xây dựng thêm một bể dự trữ nước sự cố, bể được sử dụng khi có ngập lụt, không thoát kịp nước, sẽ gây ảnh hưởng hỏng hóc hệ thống máy móc, xe của khách hàng. Bể dự trữ nước này khi có lụt sẽ được mở để thu gom nước ngập lụt trong tầng hầm

5.1.2 Về khí thải

a) Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Công ty sử dụng máy phát điện mới 100%, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện để khí thải ra đạt tiêu chuẩn cho phép.

b) Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hoạt động của hệ thống điều hòa nhiệt độ: Hệ thống điều hòa nhiệt độ mà khách sạn lắp đặt sử dụng môi chất lạnh R410A – đây là loại dung môi lạnh an toàn, có mức độ tác động đến tầng ozon thấp và được phép sử dụng tại Việt Nam. Vậy nên, việc sử dụng điều hòa có môi chất lạnh R410A sẽ bảo vệ sức khỏe của người sử dụng.

c) Giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn



Sơ đồ thu gom, xử lý mùi, khí thải phát sinh tại khu bếp nấu ăn của nhà hàng

Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình nấu ăn tại khu bếp ăn của nhà hàng của khách sạn được quạt hút thu gom vào hệ thống chụp hút lắp đặt vật liệu hấp thụ (than hoạt tính). Mùi, hơi dầu mỡ, khí thải bẩn sẽ được giữ lại lớp vật liệu hấp thụ này, khí sạch sẽ theo đường ống

dẫn ra ngoài môi trường qua ống khói. Than hoạt tính tại hệ thống chụp hút sẽ được thay thế định kỳ 3 tháng/lần. Toàn bộ than hoạt tính thay thế được thu gom, xử lý cùng các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống chụp hút mùi, khí thải tại bếp nấu ăn của khách sạn:

Danh mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống chụp hút mùi, khí thải	01 hệ thống	- Miệng chụp hút hình chữ nhật được làm bằng vật liệu chịu nhiệt cao - Kích thước: 2,5 x 1,5 m
Quạt hút	01 chiếc	Lưu lượng hút 1.000 m ³ /h
Đường ống dẫn	Hệ thống	Đường ống dẫn bằng thép có đường kính 15cm
Ống thải	01 ống	- Chiều cao 14cm - Đường kính ống thải 40cm

5.1.3 Về chất thải

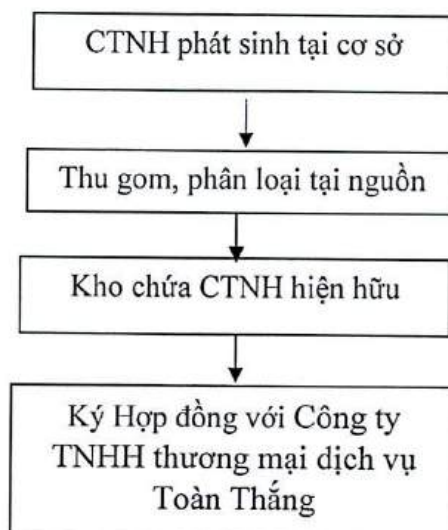
a) Chất thải rắn thông thường: Do đặc thù là kinh doanh dịch vụ lưu trú khách sạn và các dịch vụ ăn uống, nên khách sạn chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt. Công ty sử dụng các biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh như sau:

- Bố trí thùng rác tại các khu vực dịch vụ (Mini mart, bar, khu coffe, nhà hàng,...), khu văn phòng, các phòng nghỉ của khách sạn. Vào cuối ngày làm việc, bộ phận lao công thu gom rác thải phát sinh tại các khu vực sau đó chuyển về kho lưu trữ rác thải sinh hoạt.

Công ty ký hợp đồng với Công ty cổ phần công trình công cộng & Dịch vụ du lịch Hải Phòng. Cuối ngày, Công ty cổ phần công trình công cộng & Dịch vụ du lịch Hải Phòng tới thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Kho lưu trữ Tòa tháp A.

- Bên cạnh đó, công ty tổ chức tuyên truyền cho nhân viên, khách hàng nâng cao ý thức sử dụng dịch vụ trong công tác giữ gìn vệ sinh môi trường chung tại doanh nghiệp. Đồng thời, bố trí bộ phận lao động thực hiện công tác thu gom rác thải sinh hoạt vào đúng thời gian quy định trong ngày, tuyệt đối không để tình trạng tồn lưu rác thải xảy ra, điều đó sẽ gây mùi hôi thối, ảnh hưởng đến mỹ quan của khách sạn.

b) Chất thải rắn nguy hại: Công ty xây dựng kế hoạch thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:



Sơ đồ thu gom, xử lý chất thải nguy hại của khách sạn

- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của Khách sạn sẽ được thu gom và phân loại ngay tại nguồn vào thùng chứa, sau đó tập kết vào kho chứa chất thải nguy hại của tòa tháp A. Mỗi thùng chứa có ghi mã số, dấu hiệu, trạng thái của chất thải nguy hại.

- Kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 3m². Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý là Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

- Nghiêm túc thực hiện theo nội dung đề án môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác giáo dục về nhận thức đối với cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường.

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về Luật môi trường và công tác bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

- Các chất ô nhiễm khó phân hủy, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy được bộ phận Kỹ thuật tập kết, chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại đúng quy định.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

8. Kiến nghị:

Ngày 10/12/2020, UBND Hải Phòng cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3753/GP-UBND cho Công ty TNHH H&H. Trong giấy phép xả thải yêu cầu doanh nghiệp thực hiện tần suất quan trắc chất lượng nước thải 3 tháng/lần tại điểm xả thải của doanh nghiệp, và 6 tháng/lần tại nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải sông Lạch Tray. Tuy nhiên, do ảnh hưởng hậu Covid-19, nên tình hình kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, lượng khách lưu trú thấp. Do vậy, chúng tôi kính đề nghị UBND thành phố Hải Phòng, Sở Tài Nguyên & Môi trường Hải Phòng xem xét cho phép doanh nghiệp thực hiện quan trắc chất lượng nước thải 6 tháng/lần tại điểm xả thải của doanh nghiệp, và bỏ quan trắc tại nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải sông Lạch Tray.

Nơi nhận:

- Chi Cục bảo vệ môi trường Hải Phòng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH H&H

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 18 tháng 9 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO
Hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH H&H

- Căn cứ Hợp đồng số: /HD-PCEM ký ngày tháng năm 20 giữa Công ty Cổ phần tư vấn dự án và môi trường bền vững với Công ty TNHH H&H.

1. Đối tượng nghiệm thu:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm của Khách sạn Pearl River tại Km8 đường Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

2. Thành phần nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Công ty TNHH H&H

- Ông: Nguyễn Văn Hưng	Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Lưu Đình Huân	Chức vụ: Trưởng phòng KT
- Ông:.....	Chức vụ:.....

b. Đại diện nhà thầu (Bên B): Công ty cổ phần tư vấn dự án và môi trường bền vững

- Ông: Nguyễn Thành Đạt	Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Phạm Hoàng Long	Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu...9...h...10...ngày 18 tháng 9 năm 2020

- Kết thúc 11...h...10...ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tại Khách sạn Pearl River thuộc Công ty TNHH H&H.

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

Bên B đã thực hiện đúng và đầy đủ các công việc được giao và đạt kết quả như yêu cầu, cụ thể các công việc sau:

1. Nghiên cứu thiết kế, giám sát thi công, cung cấp lắp đặt thiết bị, chuyển giao công nghệ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Khách sạn Pearl River công



suất 200 m³/ngày.đêm.

2. Vận hành ổn định, hướng dẫn kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3. Lấy mẫu phân tích kiểm định chất lượng nước thải sinh hoạt trước và sau xử lý đảm bảo chất lượng sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B

4. Các loại máy, thiết bị lắp đặt mới, theo đúng số lượng và chủng loại. Về khối lượng và số lượng: Đủ theo hợp đồng

5. Các ý kiến khác: không

6. Kết luận:

Hai bên cùng nhau nghiệm thu và bàn giao các hệ thống xử lý nói trên, làm căn cứ thanh toán giá trị và tiến hành các bước tiếp theo của Hợp đồng số: 18/HĐ-PCEM ký ngày 14 tháng 7 năm 2020

Biên bản được thành lập thành 02 bản bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

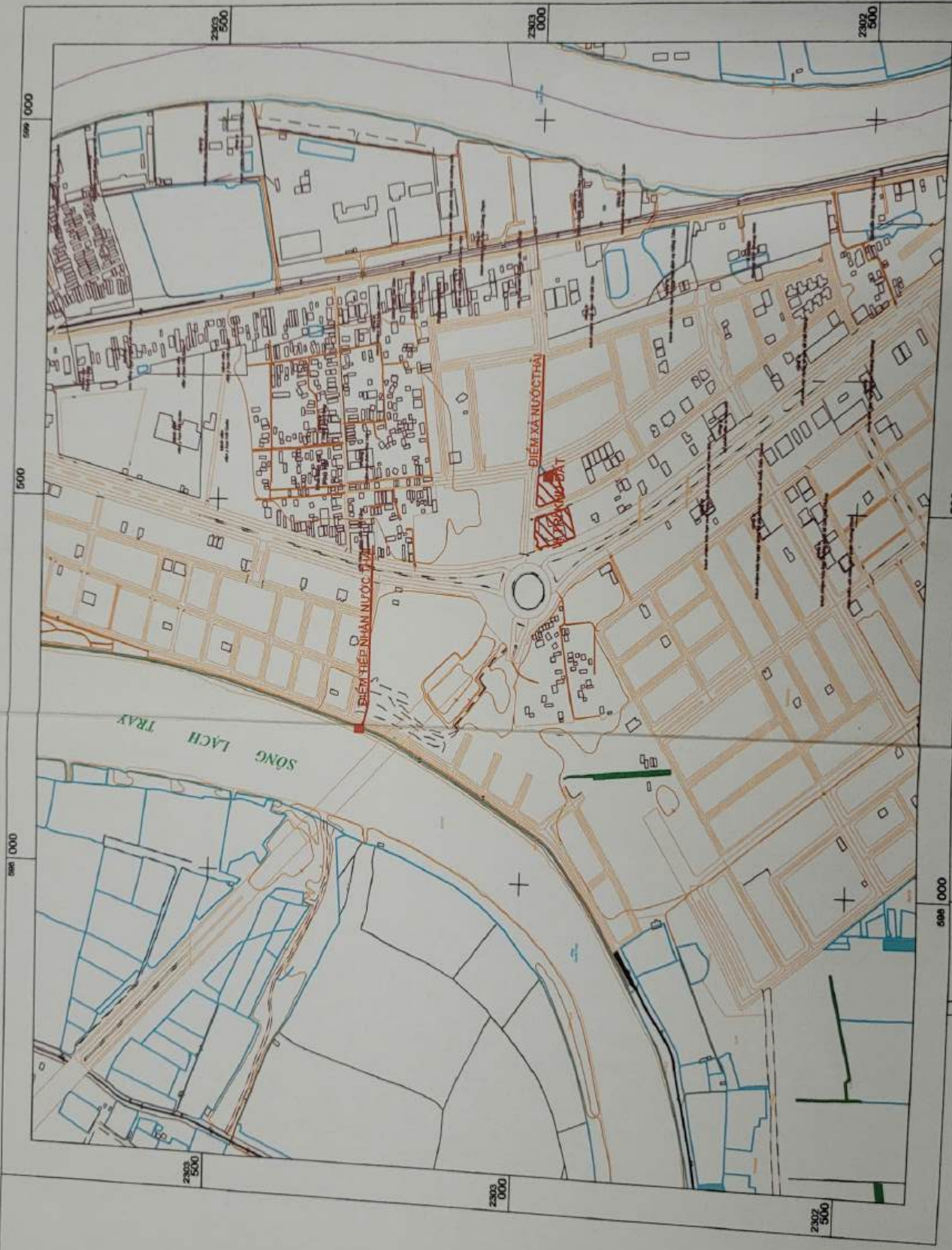
Nguyễn Thành Đạt

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

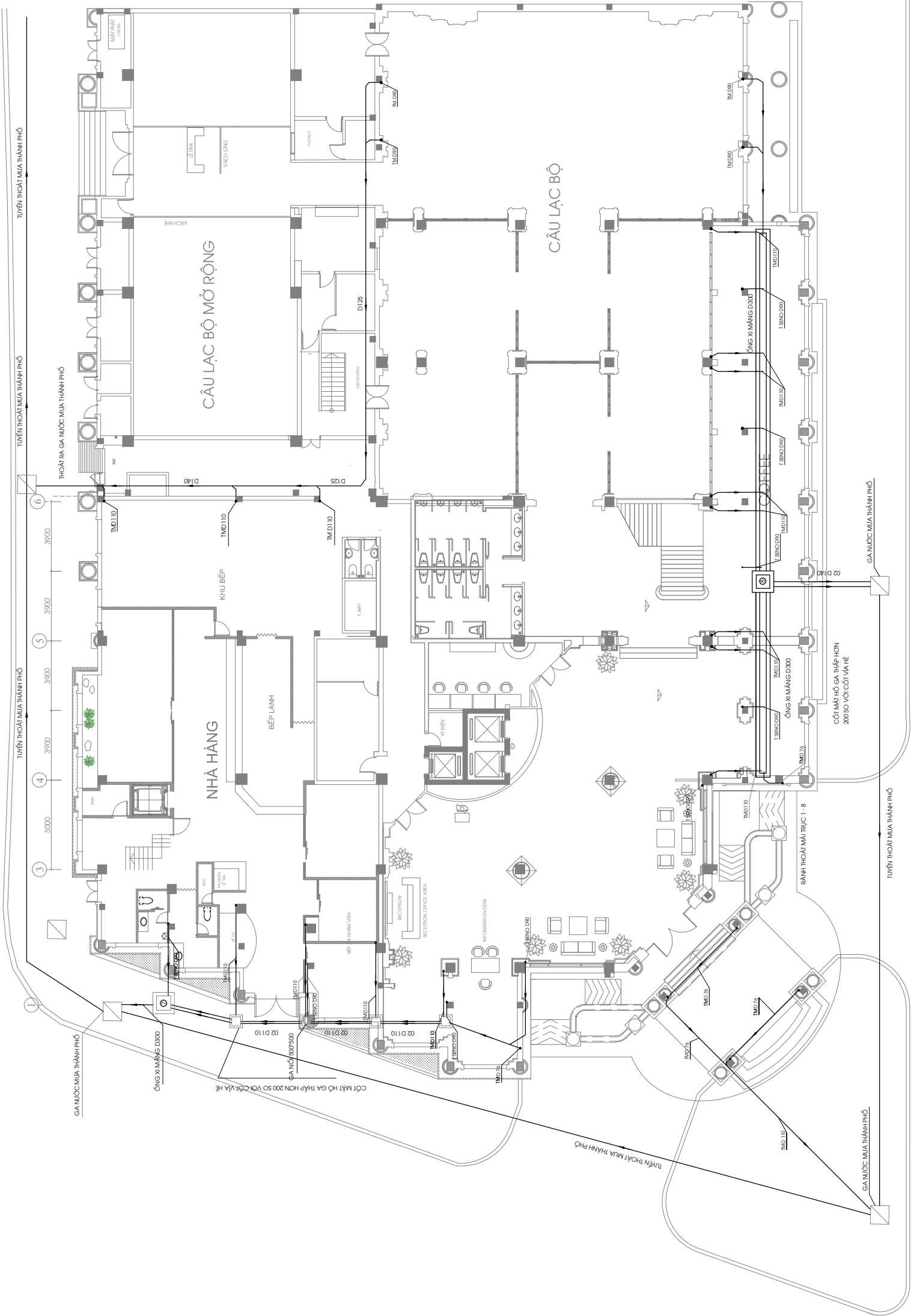
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG: CÔNG TY TNHH H&H
 ĐỊA ĐIỂM: KHU ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG, PHƯỜNG ANH DŨNG - QUẬN ĐƯƠNG KINH - TP. HẢI PHÒNG



Ngày 27 tháng 11 năm 2023
 CÔNG TY TNHH H&H
 Giám đốc: *[Signature]*
 Phó Giám đốc: *[Signature]*



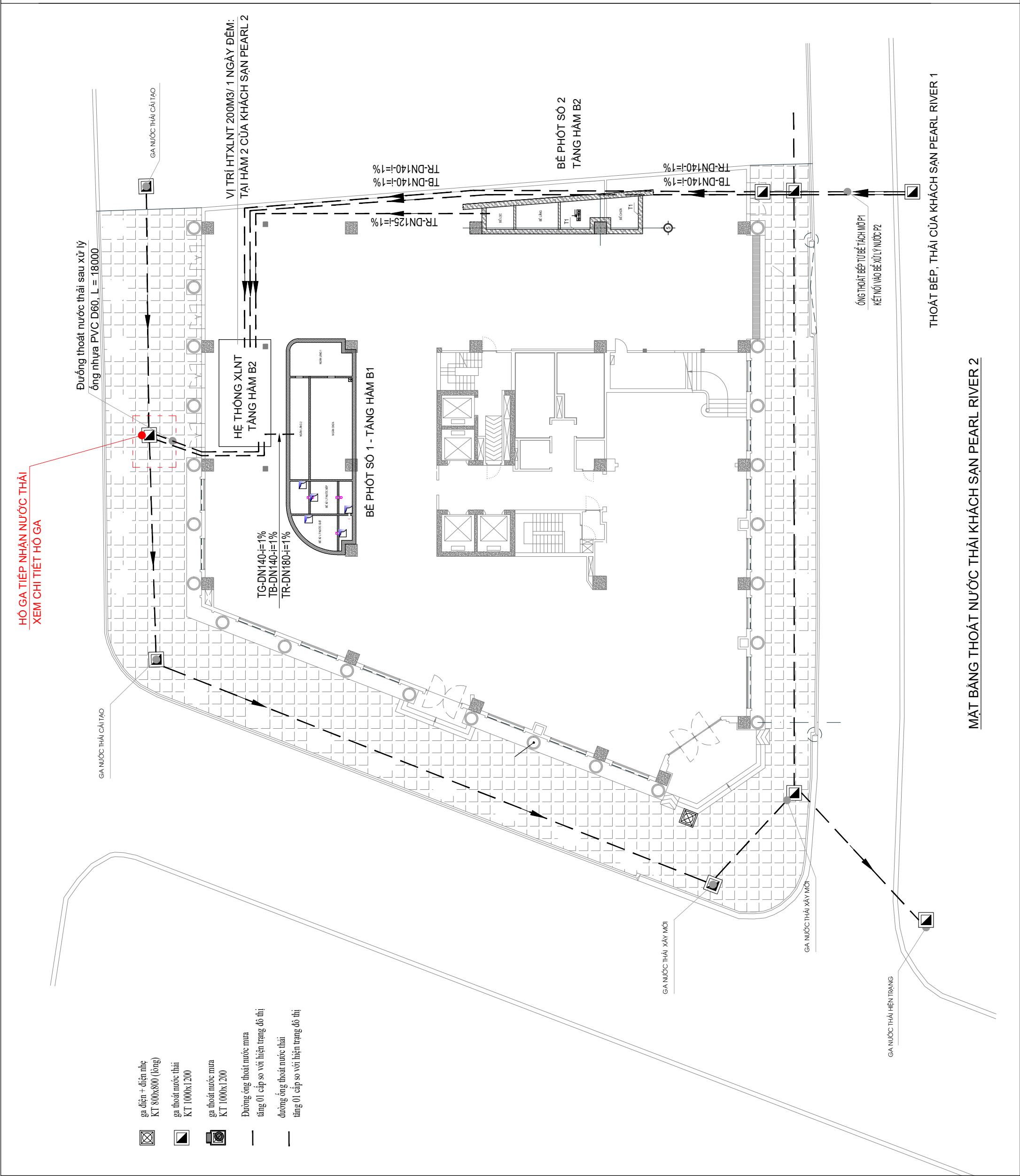
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1



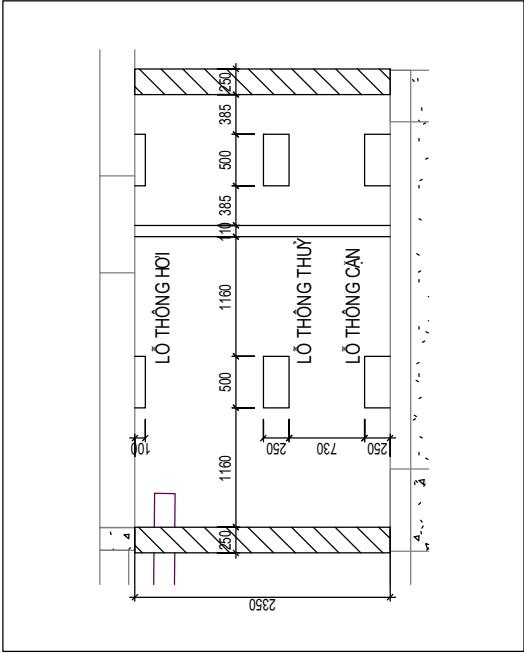
ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI

TÊN DỰ ÁN - PROJECT:	KHÁCH SẠN PEARL RIVER 1	
VỊ TRÍ - LOCATION:	KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG	
CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:	CÔNG TY TNHH H&H	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:	NGUYỄN HẢI BA	
KỸ THUẬT:	LƯU ĐÌNH HUẤN	
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:	CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOÀNG MAI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN	
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:	TRẦN VĂN DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:	KS. PHẠM THỊ THU HÀ	
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :	KS. ĐÌNH VĂN DƯƠNG	
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:	HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1	
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	PR1-201	
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		

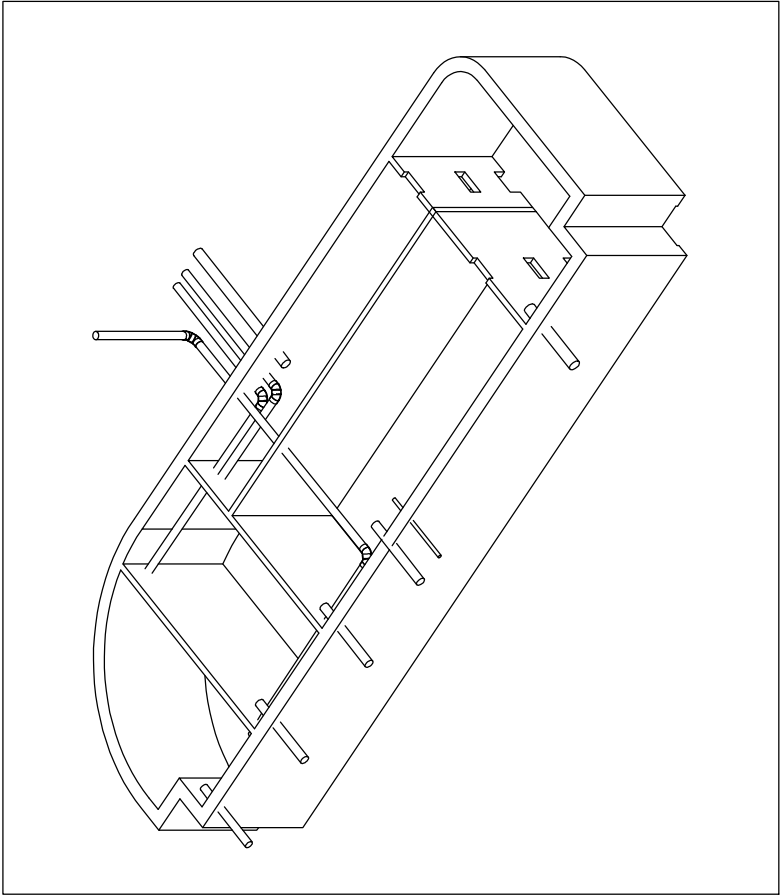
ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
TÊN DỰ ÁN - PROJECT:		
KHÁCH SẠN PEARL RIVER		
VỊ TRÍ - LOCATION: KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:		
CÔNG TY TNHH H&H		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:		
NGUYỄN HẢI BA		
KỸ THUẬT:		
LƯU ĐÌNH HUẤN		
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:		
CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM		
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOÀNG MAI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:		
TRẦN VĂN DUY		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:		
KS. PHẠM THỊ THU HÀ		
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :		
KS. ĐÌNH VĂN DƯƠNG		
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:		
XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG 200M3/1 NGÀY ĐÉM		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:		
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI KHÁCH SẠN PEARL RIVER 2		
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	NGÀY HOÀN THÀNH: /20...	PR2-101
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		



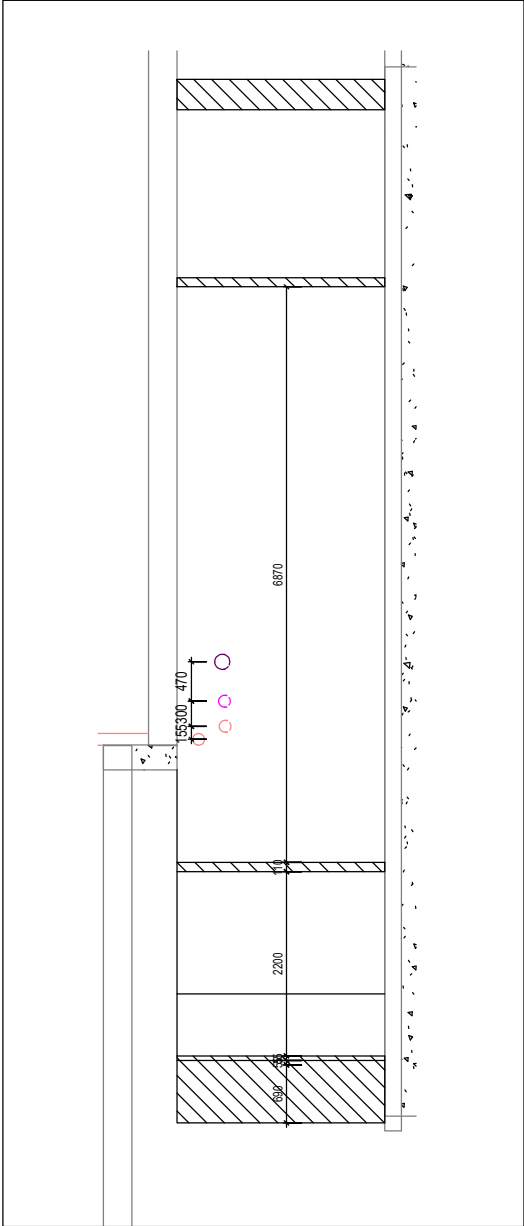
ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
TÊN DỰ ÁN - PROJECT:		
KHÁCH SẠN PEARL RIVER 2		
VỊ TRÍ - LOCATION: KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - PROEJECT OWNER:		
CÔNG TY TNHH H&H		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:		
NGUYỄN HẢI BA		
KỸ THUẬT:		
LƯU ĐÌNH HUẤN		
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:		
 CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOẢNG MẠI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:		
 TRẦN VĂN DUY		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:		
 KS. PHẠM THỊ THU HÀ		
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :		
 KS. ĐÌNH VĂN DƯƠNG		
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:		
HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:		
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI SỐ 1, BỂ TÁCH MỠ		
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	NGÀY HOÀN THÀNH: /20...	PL.H1.CT.01
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		



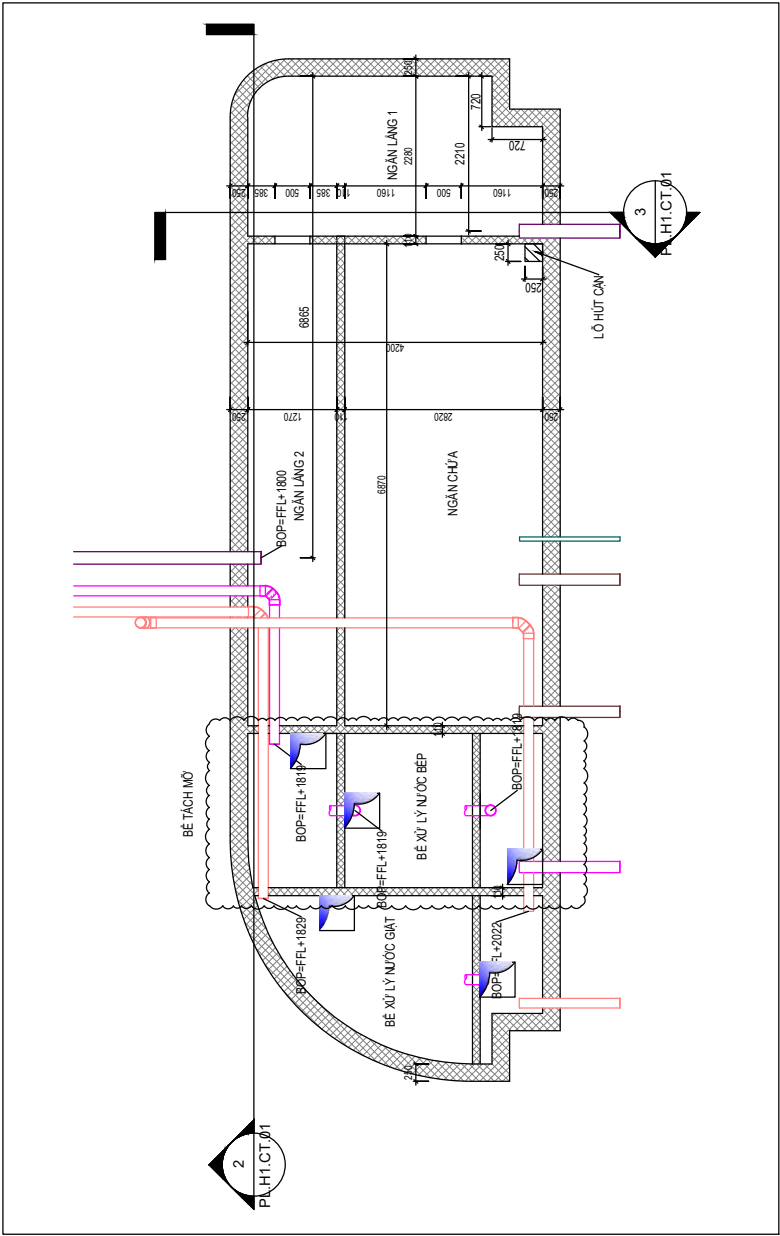
3 MẶT CẮT ĐỌC 1:75



4 3D BỂ TỰ HOẠI HẠM 1 1:75

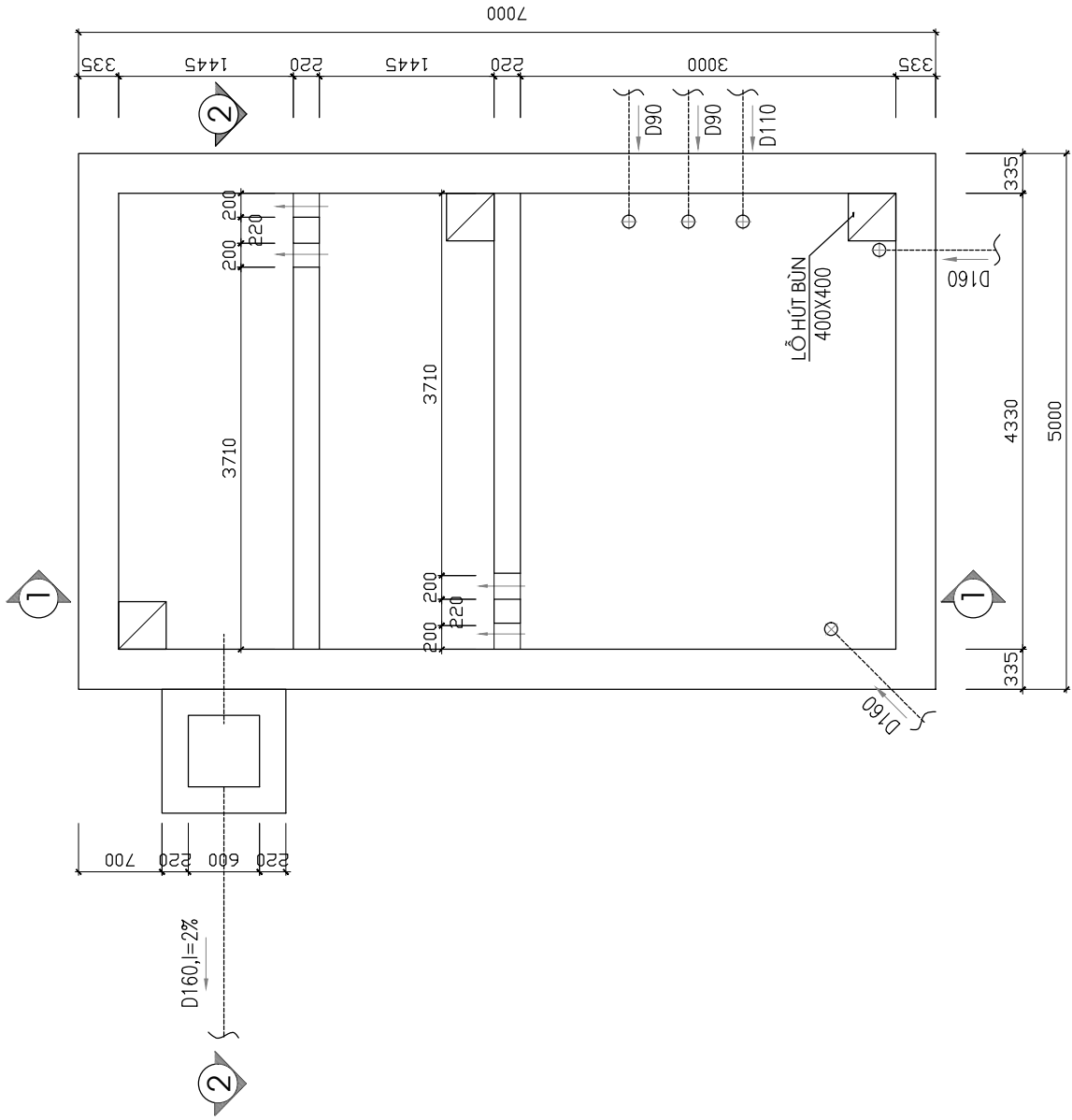


2 MẶT CẮT NGANG 1:75

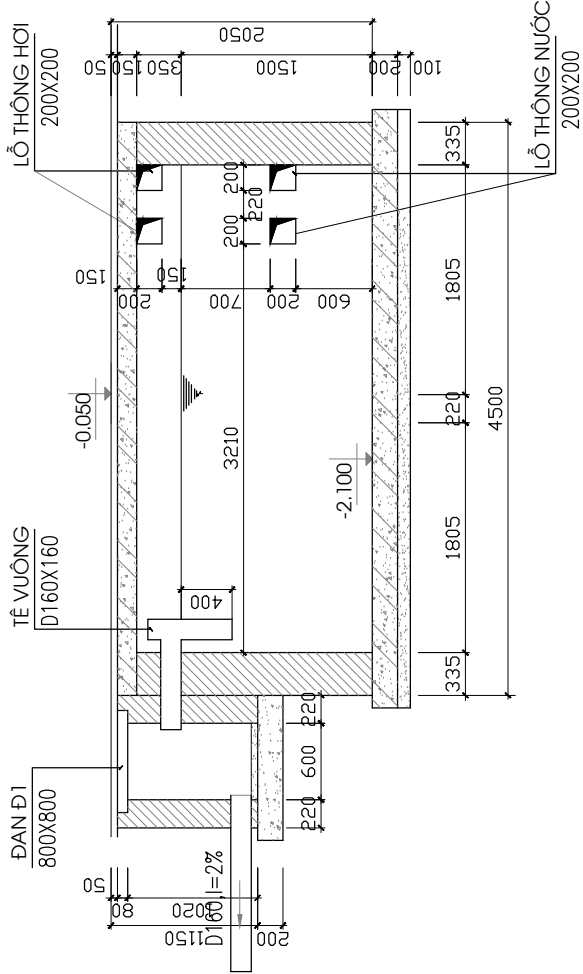


1 CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI 1:75

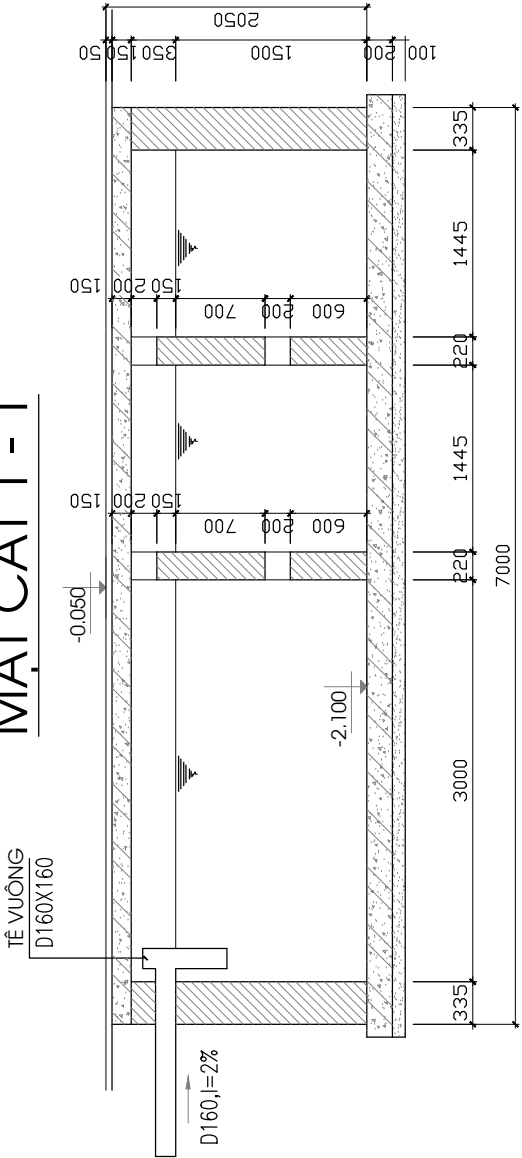
MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI SỐ 2 (6,33X4,33X1,85=50,7M3)



MẶT CẮT 2 - 2

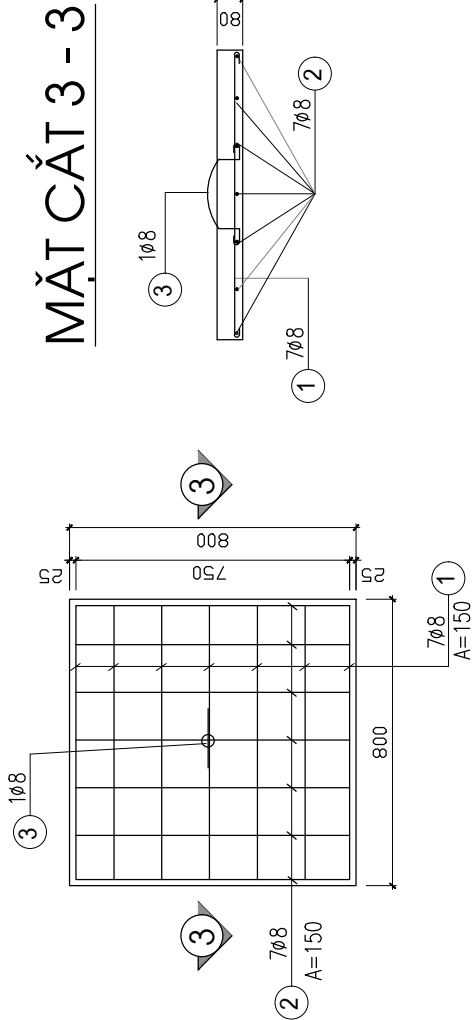


MẶT CẮT 1 - 1

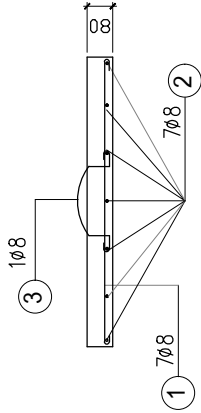


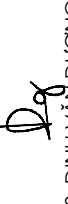
CHI TIẾT ĐÀN Đ1

(SL: 06 TẤM)

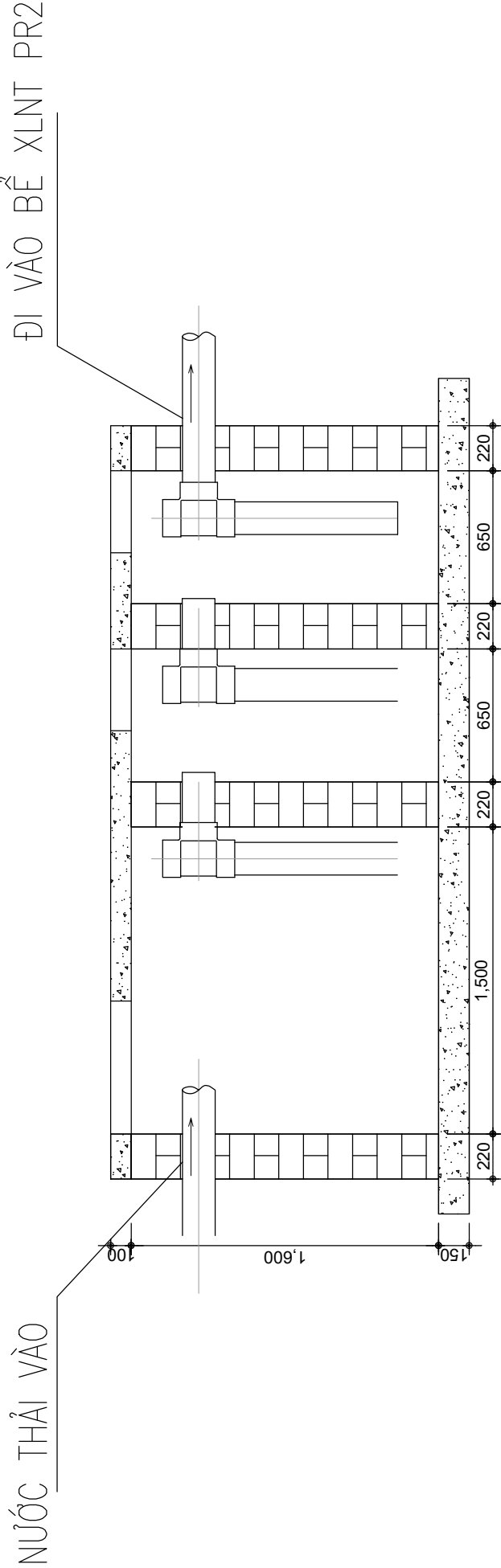
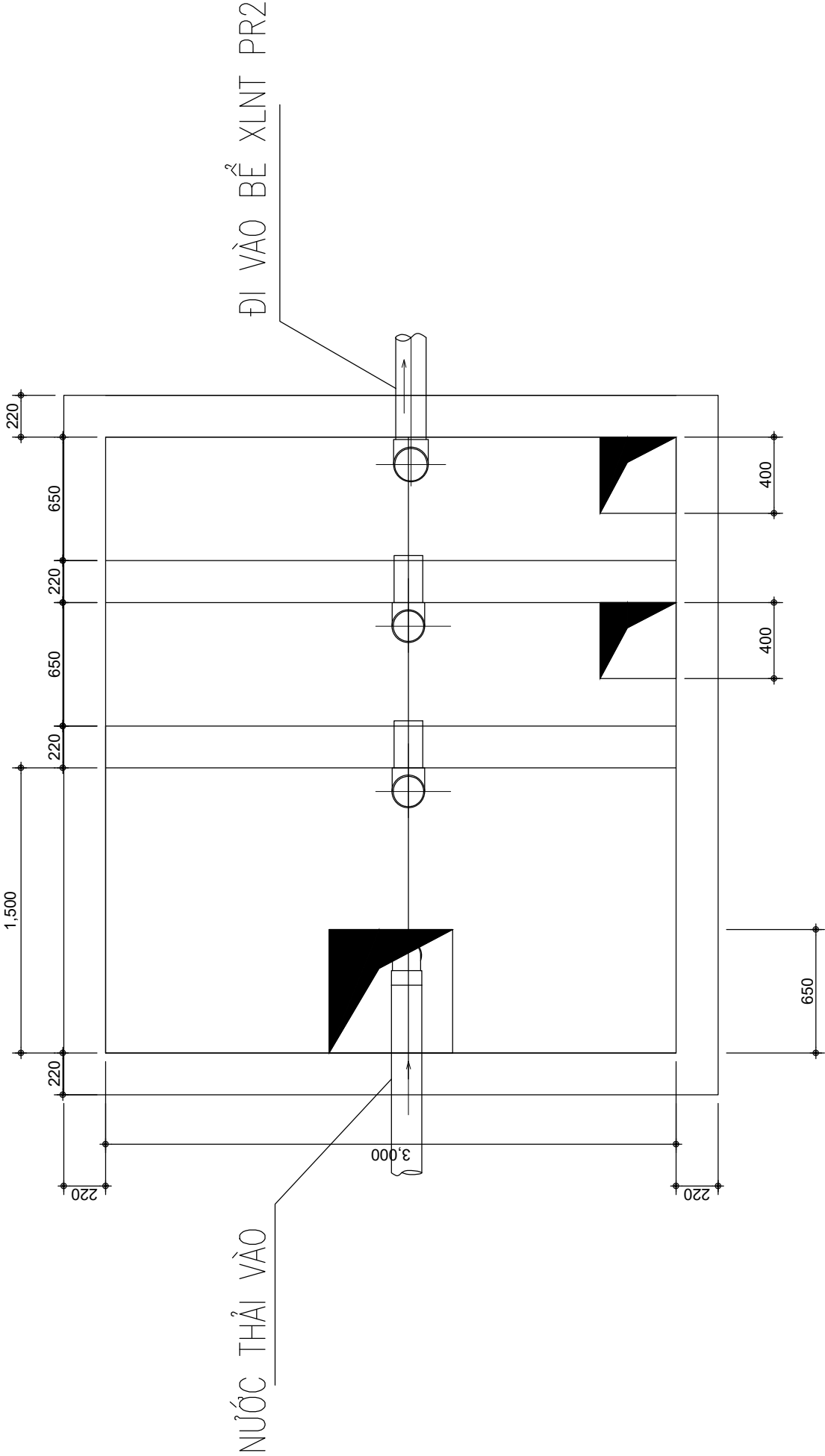


MẶT CẮT 3 - 3



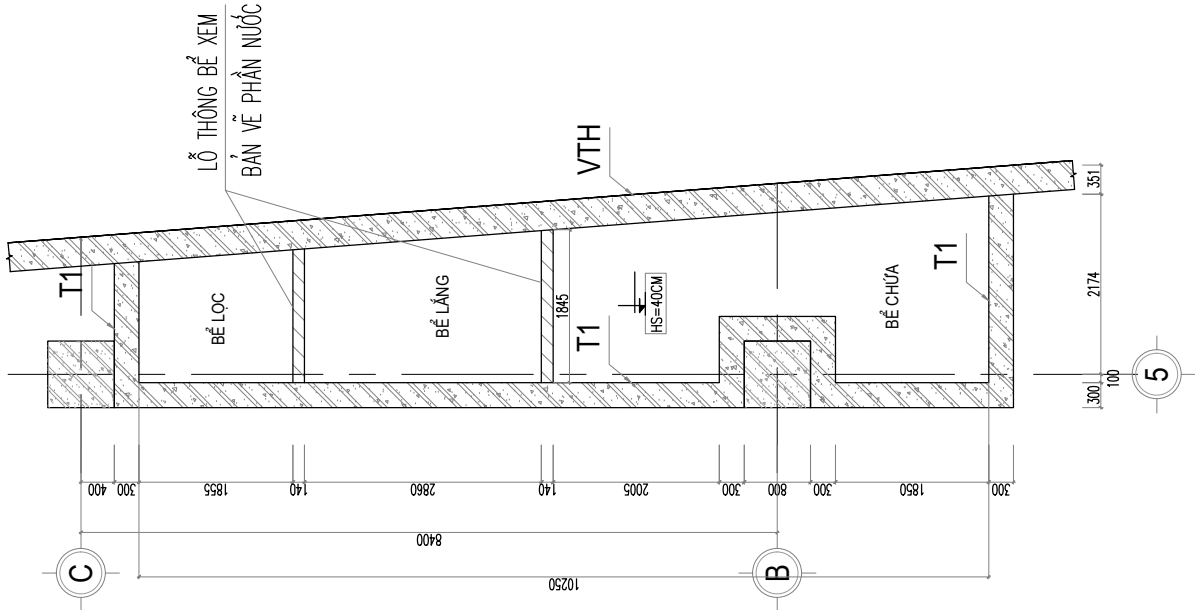
ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
TÊN DỰ ÁN - PROJECT:		
KHÁCH SẠN PEARL RIVER 1		
VỊ TRÍ - LOCATION: KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:		
CÔNG TY TNHH H&H		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:		
NGUYỄN HẢI BA		
KỸ THUẬT:		
LƯU ĐÌNH HUẤN		
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM		
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOÀNG MAI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:		
 TRẦN VĂN DUY		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:		
 KS. PHẠM THỊ THU HÀ		
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :		
 KS. ĐINH VĂN DƯƠNG		
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:		
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:		
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI 02		
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	NGÀY HOÀN THÀNH: /20...	BTH-102
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		

MẶT BẰNG BỂ TÁCH MỠ (3,24X3X1,6=15,6M3)



ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
TÊN DỰ ÁN - PROJECT:		
KHÁCH SẠN PEARL RIVER 1		
VỊ TRÍ - LOCATION: KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:		
CÔNG TY TNHH H&H		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:		
NGUYỄN HẢI BA		
KỸ THUẬT:		
LƯU ĐÌNH HUẤN		
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM		
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOÀNG MAI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:		
 TRẦN VĂN DUY		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:		
 KS. PHẠM THỊ THU HÀ		
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :		
 KS. ĐÌNH VĂN DƯƠNG		
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:		
HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:		
CHI TIẾT BỂ TÁCH MỠ 15,6M3		
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	BTM-101	
NGÀY HOÀN THÀNH:		/20...
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		

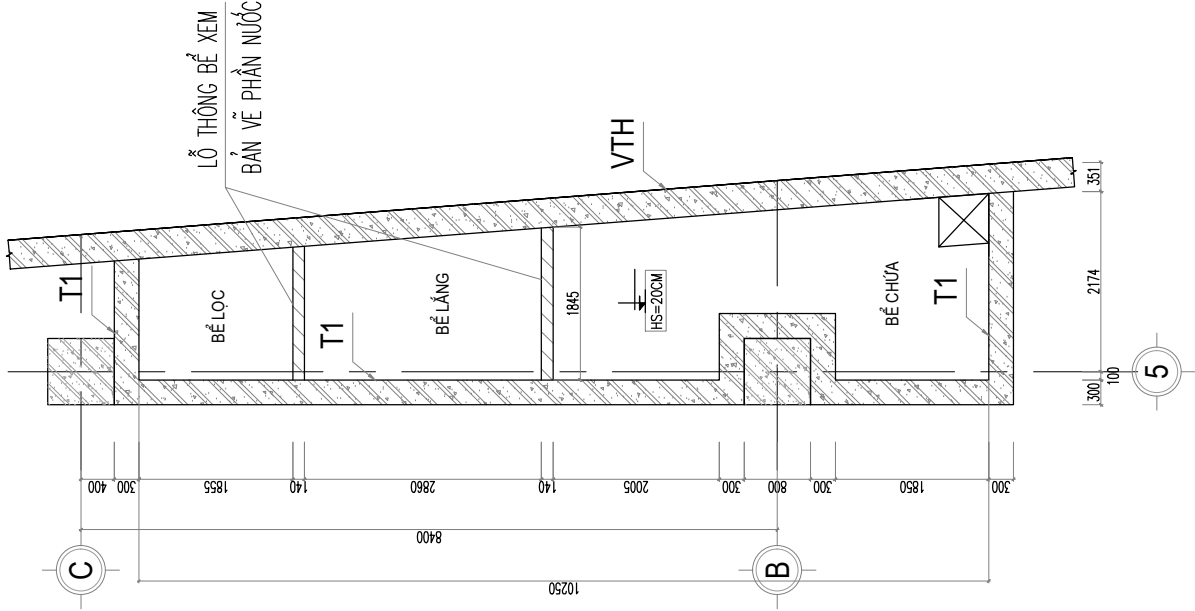
MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY BỂ TỰ HOẠI SỐ 2



GHI CHÚ:

- BỂ TỔNG CẤP ĐỘ BỀN B30(M400#) CẤP CHỐNG THẨM W12
- $R_b = 17MPa$, $R_{bt} = 1.2MPa$
- THÉP $\phi \geq 14$ DÙNG THÉP CB-500V
- THÉP $10 \leq \phi < 14$ DÙNG THÉP CB-400V
- THÉP $\phi < 10$ DÙNG THÉP CB-300T
- BT LÓT DÙNG BÊ TÔNG MÁC 100# (~B7.5)
- THÀNH BỂ TRÁT VỮA XI MẮC MÁC 75#, DÀY 25mm.

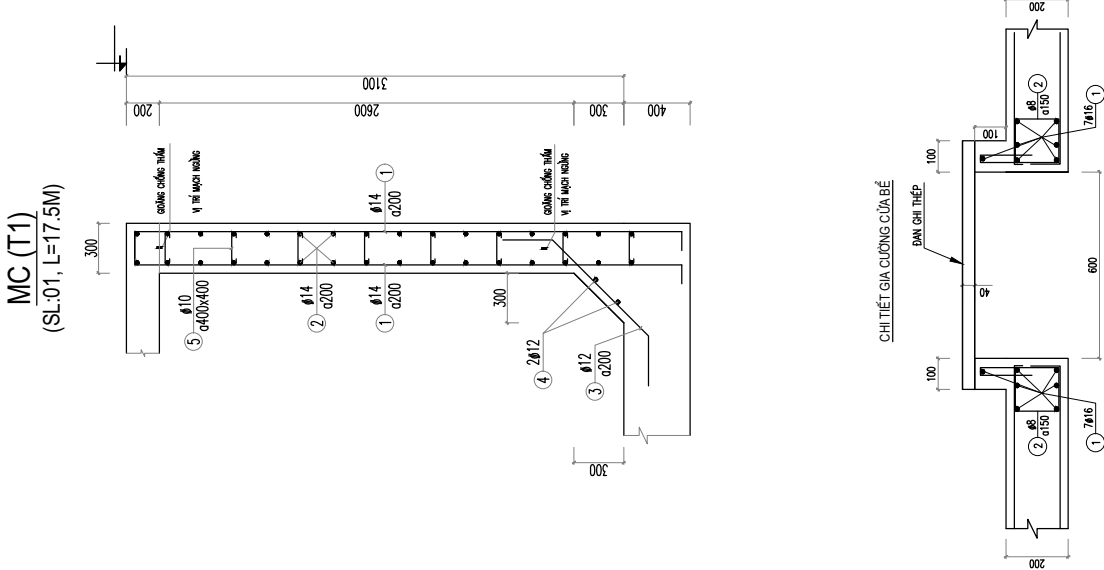
MẶT BẰNG KẾT CẤU NẮP BỂ TỰ HOẠI SỐ 2



LƯU Ý BIỆN PHÁP CHỐNG THẨM CHO BỂ:

- * NẾU THI CÔNG KẾT CẤU BÊTÔNG CỐT THÉP TOÀN KHỐI THÌ DÙNG VẬT LIỆU CHỐNG THẨM TỪ PHÍA TRONG (VẬT LIỆU CỤ THỂ DO NHÀ CHUYÊN MÔN CUNG CẤP)
- * NẾU THI CÔNG CÓ ĐỂ MẠCH NGỪNG THÌ NHÀ THẦU PHẢI ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP SỬ DỤNG BĂNG CÁN NƯỚC, ĐẢM BẢO CÁC YẾU CẦU CÔNG NGHỆ NHƯ: KẾT CẤU KÍN NƯỚC TẠI CÁC MỐI TIẾP GIÁP, BỀ MẶT KHÔNG THẤM NƯỚC.
- 1. CÁC LƯU Ý TRÊN PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐỂ HẠN CHẾ HIỆN TƯỢNG BỌT KHÍ, LỖ HỔNG, RỖ, BỀ MẶT KHÔNG ĐỀU, ...ĐẢM BẢO VẬT LIỆU CHỐNG THẨM TRÊN NỀN THÍCH HỢP.
- 2. CÁC HIỆN TƯỢNG RẠN NỨT PHẢI ĐƯỢC SỬA CHỮA VÀ TRÁM VÁ THÍCH HỢP TRƯỚC KHI SỬ DỤNG SIKATOP SEAL 107 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG.

- LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP BỂ LÀ: 50MM
- ĐÁNH MÀU BẰNG XI MẮNG NGUYÊN CHẤT
- HỆ THỐNG LỖ CHO CÁC ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC XEM BẢN VẼ NƯỚC.
- THỐNG KÊ CỐT THÉP CHO TOÀN BỘ CẤU KIỆN.
- KHI THI CÔNG CẦN KIỂM TRA KÍCH THƯỚC CỐT THÉP TẠI HIỆN TRƯỜNG.
- CHÚ Ý XEM XÉT BẢN VẼ KIẾN TRÚC.
- CHÚ Ý KHI NỐI CỐT THÉP BUỘC 40xĐ.
- ĐẶT THÉP CHỖ CHO CÁC CẤU KIỆN LIÊN QUAN.
- ĐỊNH VỊ XEM BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG



ĐƠN VỊ	NGÀY	NỘI DUNG SỬA ĐỔI
TÊN DỰ ÁN - PROJECT:		
KHÁCH SẠN PEARL RIVER 2		
VỊ TRÍ - LOCATION: KM8 - PHẠM VĂN ĐỒNG - QUẬN KINH DƯƠNG - HẢI PHÒNG		
CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:		
CÔNG TY TNHH H&H		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - BQLDA:		
NGUYỄN HẢI BA		
KỸ THUẬT:		
LƯU ĐÌNH HUẤN		
NHÀ THẦU THI CÔNG - CONTRACTOR:		
CÔNG TY CỔ PHẦN BIGCOM		
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 PHỐ BẮNG LIỆT, P.ĐẠI KIM Q. HOÀNG MAI, HN ĐIỆN THOẠI: 0966 123 346 WEBSITE: WWW.BIGCOM.VN		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:		
TRẦN VĂN DUY		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:		
KS. PHẠM THỊ THU HÀ		
VẼ VÀ THIẾT KẾ - CAD & DESIGN :		
KS. ĐÌNH VĂN DƯƠNG		
HẠNG MỤC BẢN VẼ - DRAWING ARTICLE:		
HỆ THỐNG CƠ ĐIỆN		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME:		
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI SỐ 2		
TỶ LỆ - SCALE:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
	NGÀY HOÀN THÀNH:	PL.H1.CT.02
	/20...	
HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG		



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Địa chỉ: Tầng 9 - Tòa nhà Thư viện thành phố - Số 213 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Email: pcem.hp@gmail.com

Điện thoại/Fax: 0225.3261686

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG 200 M³/NGÀY ĐÊM
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH H&H
ĐỊA ĐIỂM : KHÁCH SẠN PEARL RIVER TẠI KM8 ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG,
QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHỦ ĐẦU TƯ



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



Hải Phòng, năm 2020

Đ. + CÔNG BÉN VỮNG

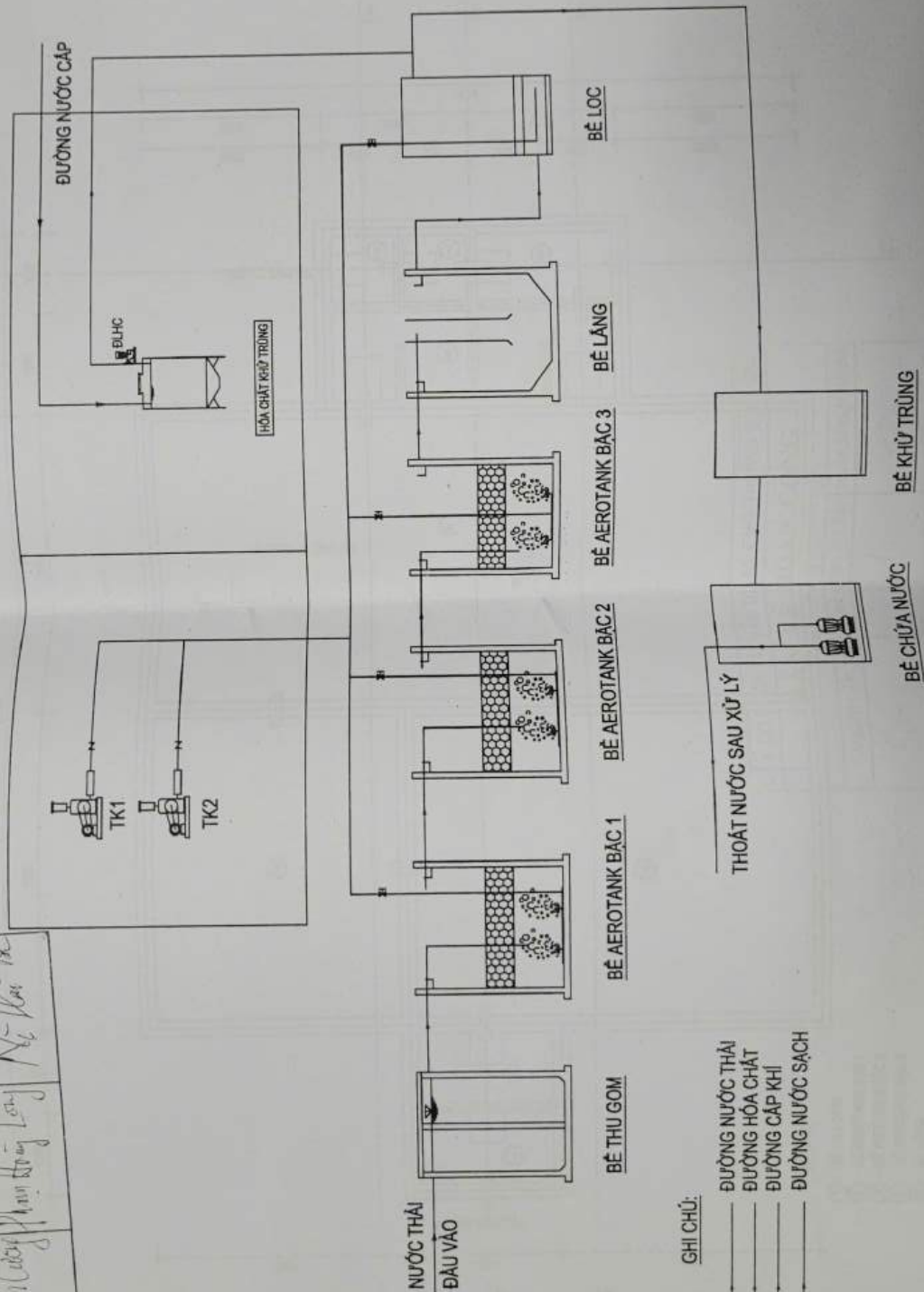
THÂN LU VẤN CỐ

[illegible]

NGUYỄN LẬP

CHỦ HUY TRƯỞNG QUÂN TRƯỞNG

Y ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
CÔNG SUẤT 200M³/NGÀY.ĐÊM



GHI CHÙ:

ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
ĐƯỜNG HÓA CHẤT
ĐƯỜNG CẤP KHÍ
ĐƯỜNG NƯỚC SẠCH

VALUING CLIENTS



CHANG TAI-NH PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
200M3 NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN
VÀ MÔI TRƯỜNG SẴN VỮNG



PCÉM

TÀNG 9 TÒA NHÀ THỦY VIỆN THÀNH PHỐ
SỐ 213 LẠCH TRAY - HẢI PHÒNG
TEL/FAX: 0225 3261863
EMAIL: benhtrivien@gmail.com



PHAM HOANG LONG

DATE

THAM HOANG LONG

EM TRA	ƯC MỘT THƯỜNG CÁT
--------	-------------------

...and the ...

SỰ ĐỔI CÔNG NGHỆ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

GAY (DATE) | TYLE (SCALE) | SIZE

[illegible]

2020	2021
------	------

[illegible]

10

10

CH 200



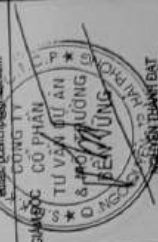
CÔNG TRÌNH (PROJECT):
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
200M NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN
VÀ MÔI TRƯỜNG SẴN VỮNG

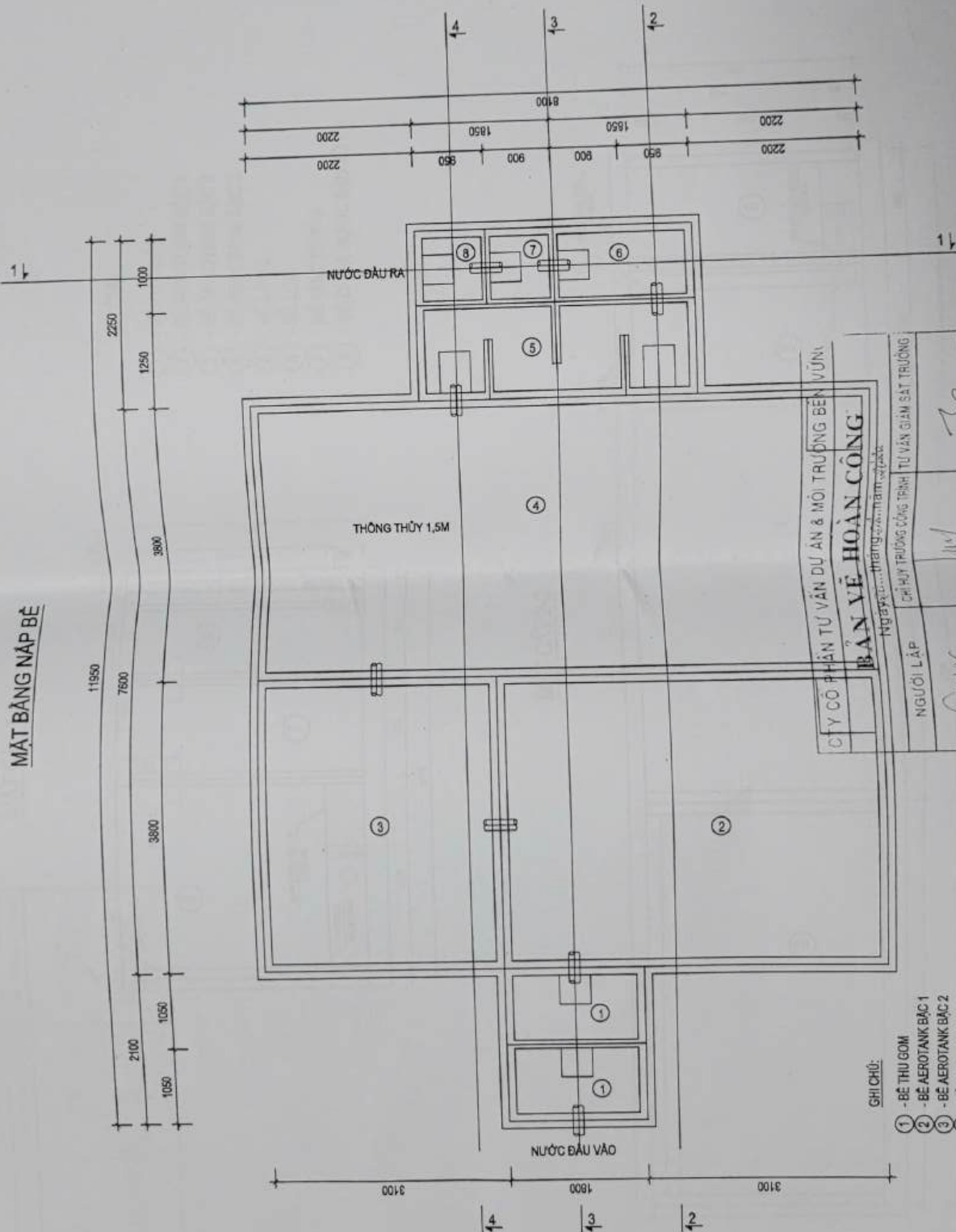


PCEM

TÀNG 9 TÒA NHÀ THU VIỆN THÀNH PHỐ
SỐ 213 LẠCH TRẠY - HẢI PHÒNG
TEL/FAX: 075.325.1853
email: info@hiep.com



CTTK	PHẠM HOÀNG LONG	MẶT BẰNG NẮP BẾ	30 BẢNG (MẠNG)
ĐỀ KIẾN	PHẠM HOÀNG LONG		
THIẾT KẾ (DESIGNER)	NGUYỄN THẨM ĐẠT		
KIỂM TRA (CHECKER)		TÊN BẢN VẼ (DRAWING)	
		NGÀY (DATE)	30 BẢNG (MẠNG)
		2020	CH-02



GH1 CHU:

- 1 - BẾ THU GOM
- 2 - BẾ AEROTANK BẠC 1
- 3 - BẾ AEROTANK BẠC 2
- 4 - BẾ AEROTANK BẠC 3
- 5 - BẾ LẮNG
- 6 - BẾ LỌC
- 7 - BẾ KHỬ TRÙNG
- 8 - BẾ CHỮA NƯỚC SẠU XỬ LÝ

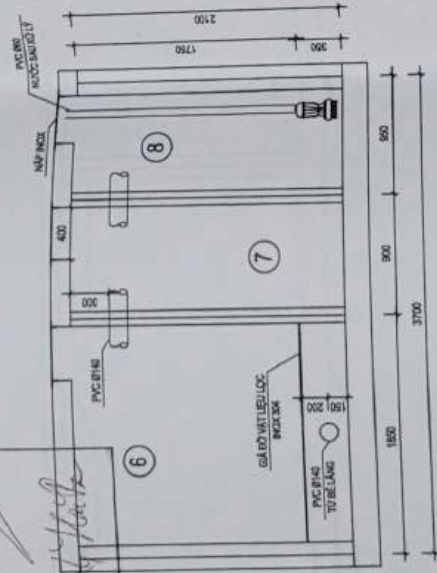
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN & MÔI TRƯỜNG BẾN VÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

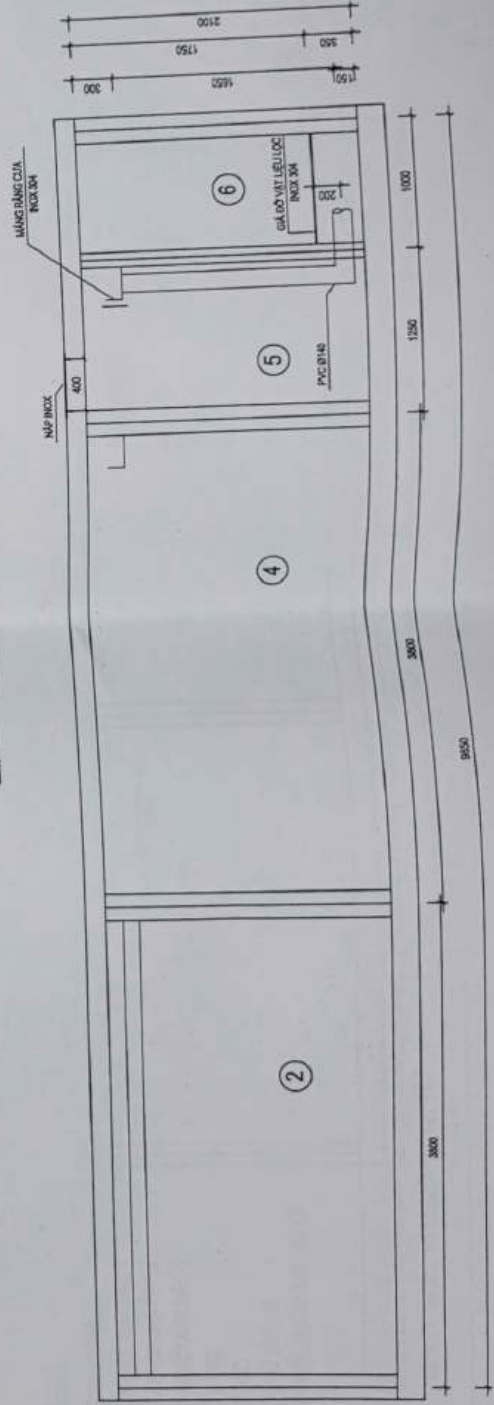
Ngày... tháng... năm...
 NGƯỜI LẬP
 CHỖ LUY TRƯỜNG CÔNG TRÌNH
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỜNG

Cường
 Phạm Văn Cường
 Phạm Văn Cường
 Phạm Văn Cường

MẶT CẮT 1-1



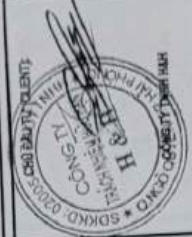
MẶT CẮT 2-2



GHI CHÚ:

- 1 - BỂ THU GOM
- 2 - BỂ AEROTANK BẠC 1
- 3 - BỂ AEROTANK BẠC 2
- 4 - BỂ AEROTANK BẠC 3
- 5 - BỂ LẮNG
- 6 - BỂ LỌC
- 7 - BỂ KHỬ TRÙNG
- 8 - BỂ CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ

THIẾT KẾ



CÔNG TRÌNH (PROJECT):
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRÚNG
 200MNGÀY ĐẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN
 VÀ MÔI TRƯỜNG BẾN VÙNG



PCBM

TÀNG 9 TÒA NHÀ THỦ VIỆN THÀNH PHỐ
 SỐ 213 LẠCH BAY - HẢI PHÒNG
 TEL: 0903.26.25.188
 email: pcmb@pcmb.vn



CHỈ TIÊU	PHẠM HOÀNG LONG	UL
THIẾT KẾ	PHẠM HOÀNG LONG	UL
Kiểm tra	NGUYỄN THÀNH DẠT	
CHỌN DỊ		
TÊN BẢN VẼ (DRAWING):		
MẶT CẮT 1-1, 2-2		

NGÀY (DATE)	TỶ LỆ (SCALE)	ĐƠN VỊ (UNIT)
2020		CM/CM

Gril 042:



CÔNG TRÌNH (PROJECT):
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
2000M³/NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN
VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

FOR THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT

PCEM

TÀNG 9 TÒA NHÀ THỦY VIỆN THÀNH PHỐ
SỐ 213 LẠCH TRẦN - HÀ NỘI

TEL: 84-4-3825 1868
EMAIL: pcem@pcem.vn
www.pcem.vn



TẦNG 9 TÒA NHÀ THỦY VIÊN THÀNH PHỐ
SỐ 213 LẠCH TRẠY - HẢI PHÒNG
ĐT: 0912 222 2251563
email: pccm.vn@gmail.com

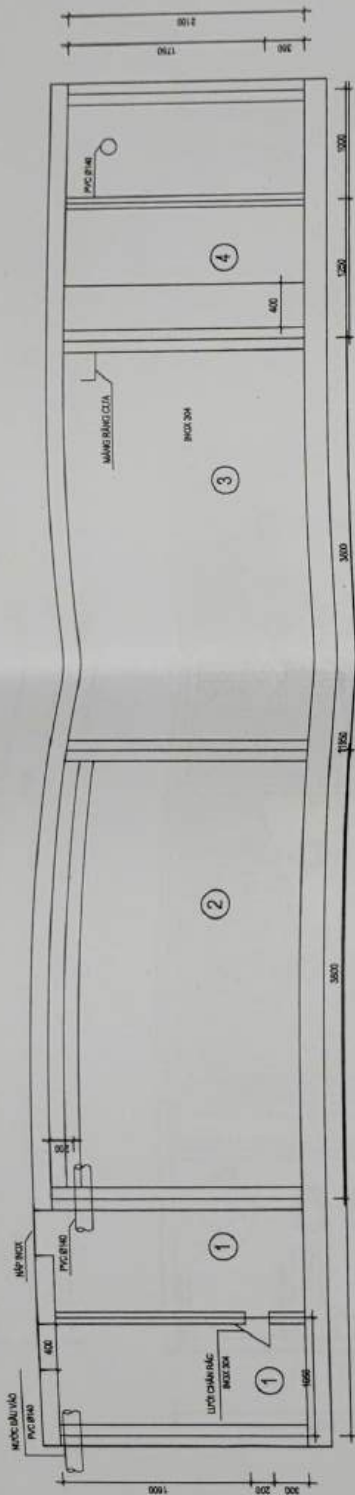


CTTK	PHẠM HOÀNG LONG	lu
SHEET DESIGNER		
THIẾT KẾ	PHẠM HOÀNG LONG	lu
DESIGNED BY		
Kiểm tra	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	
CHECKED BY		

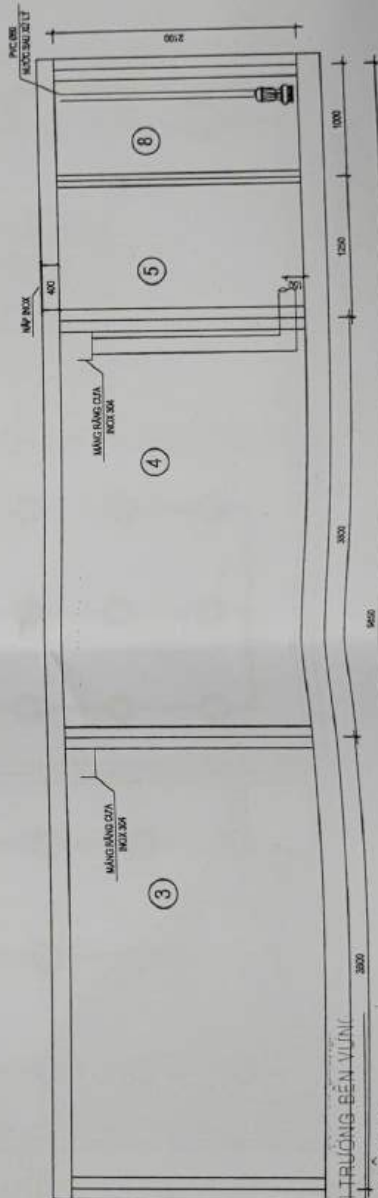
TÊN BẢN VẼ (DRAWING):

NGÀY (DATE)	THẺ (SCALE)	SỐ ĐẠO ĐIỂM
2020		CH-04

MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



GHI CHÙ:

- ① - BẾ THU GOM
- ② - BẾ AEROTANK BẠC 1
- ③ - BẾ AEROTANK BẠC 2
- ④ - BẾ AEROTANK BẠC 3
- ⑤ - BẾ LĂNG
- ⑥ - BẾ LỌC
- ⑦ - BẾ KHỬ TRÙNG
- ⑧ - BẾ CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ

CTY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN & MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

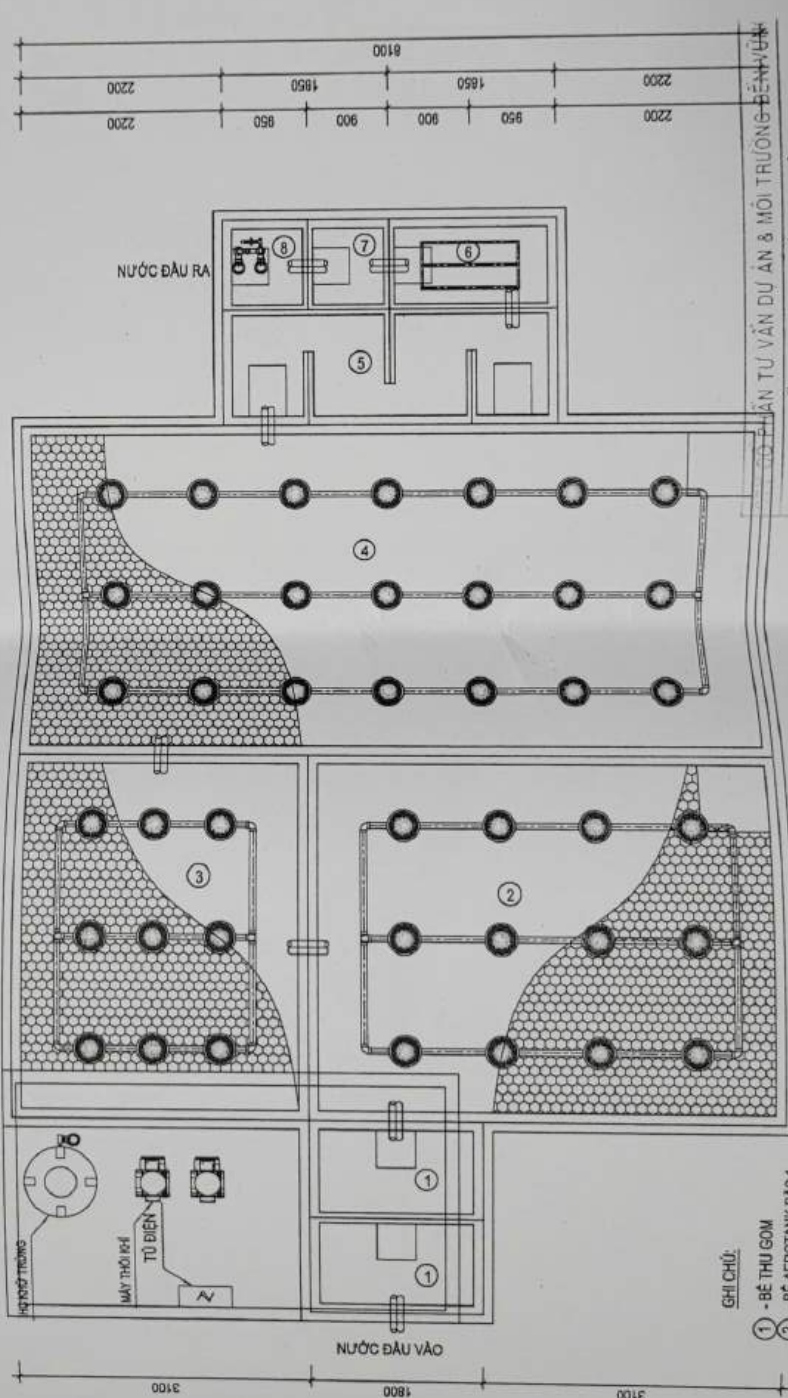
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...tháng...năm...

GIỚI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
----------	---------------------------	------------------------

Cuồng	luy	Ng N. H. B.
Phạm Văn Long	Phạm Hồng Long	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



GHI CHÚ:

- 1 - BỂ THU GOM
- 2 - BỂ AEROTANK BẮC 1
- 3 - BỂ AEROTANK BẮC 2
- 4 - BỂ AEROTANK BẮC 3
- 5 - BỂ LẮNG
- 6 - BỂ LỌC
- 7 - BỂ KHỬ TRÙNG
- 8 - BỂ CHỨA NƯỚC SẠU XỬ LÝ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 20/11/2020, tháng 11, năm 2020

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TU VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Nguyễn Văn Cường</i>	<i>Nguyễn Văn Cường</i>	<i>Nguyễn Văn Cường</i>

CHỦ ĐẦU TƯ (CLIENT):



CÔNG TRÌNH (PROJECT):

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRÚNG
200M² NGÀY SẴN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN DỰ ÁN
VÀ MÔI TRƯỜNG SẴN VỮNG



PC&M

TẦNG 9 TÒA NHÀ THỦY VĂN THÀNH PHỐ
SỐ 213 LẠCH TRÁY - HAI PHONG
TEL: FAX: 0202-3201888
email: phamh.tran@gmail.com



CTTK	NGUYỄN THÀNH ĐẠT
THIẾT KẾ	PHẠM HOÀNG LONG
THIẾT KẾ	PHẠM HOÀNG LONG
KÊNH TRUYỀN	NGUYỄN THÀNH ĐẠT

TÊN BẢN VẼ (DRAWING):

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

NGÀY (DATE)	TỶ LỆ (SCALE)	SIGNATURE (CHỮ CHỮA)
2020		CHỮ CHỮA